

Nokia E60 User Guide

CÔNG BỐ HỢP CHUẨN



Chúng tôi, NOKIA CORPORATION, trong phạm vi trách nhiệm của mình, xin công bố sản phẩm RM-49 đã tuân thủ các điều khoản qui định theo chỉ thị của Hội đồng: 1999/5/EC. Bản Công bố Hợp chuẩn có thể được tìm thấy tại địa chỉ www.nokia.com/phones/declaration_of_conformity/.



Thùng rác có bánh xe, có gạch chéo có nghĩa là trong Cộng Đồng Chung Châu Âu, sản phẩm này phải được đưa tới điểm thu rác riêng sau khi kết thúc sử dụng. Yêu cầu này áp dụng với điện thoại của bạn và cả những phụ kiện được đánh dấu bằng biểu tượng này. Không vứt các sản phẩm này cùng với rác thải sinh hoạt không được phân loại.

Copyright © 2005 Nokia. All rights reserved.

Nghiêm cấm sao chép, chuyển nhượng, phân phối hoặc lưu trữ một phần hay toàn bộ nội dung tài liệu này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được Nokia cho phép trước bằng văn bản.

Nokia, Nokia Connecting People, Xpress-on và Pop-Port là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Nokia Corporation. Những sản phẩm hoặc tên công ty khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu hoặc tên thương mại riêng của từng doanh nghiệp.

Nokia tune là nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation.



Sản phẩm này có phần mềm được Symbian Software Ltd (c) 1998-2004 cấp bản quyền. Symbian và Symbian OS là các nhãn hiệu của Symbian Ltd.

Bằng sáng chế của Mỹ số 5818437 và các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Bản quyền phần mềm nhập văn bản T9 (C) 1997-2004. Tegic Communications, Inc. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.



Bao gồm phần mềm bằng mật mã RSA BSAFE hoặc phần mềm có giao thức an toàn của RSA Security.



Java
POWERED

Java và tất cả các nhãn hiệu dựa trên nền Java là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã được đăng ký của Sun Microsystems, Inc.

Bluetooth là nhãn hiệu đã đăng ký của Bluetooth SIG, Inc.

Sản phẩm này được cấp theo Giấy phép Sáng chế MPEG-4 Visual Patent Portfolio cho (i) việc sử dụng cá nhân và phi thương mại cùng với những thông tin đã được mã hóa bởi người dùng liên quan đến hoạt động cá nhân và phi thương mại, theo Chuẩn MPEG-4 Visual Standard và (ii) sử dụng cùng với các ảnh video MPEG-4 được cung cấp có giấy phép. Bất kỳ việc sử dụng nào khác được công nhận hoặc được âm chỉ sẽ không được cấp phép. Bạn có thể nhận các thông tin bổ sung liên quan đến các ứng dụng quảng cáo, nội bộ và thương mại từ MPEG LA, LLC. See <http://www.mpegla.com>.

Nokia thực hiện chính sách phát triển không ngừng. Nokia có quyền thay đổi và cải tiến bất kỳ sản phẩm nào được nêu trong tài liệu này mà không cần thông báo trước.

Nokia sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp về việc mất dữ liệu hay thu thập hoặc những thiệt hại khác có tính chất đặc biệt, ngẫu nhiên, tất yếu, hay gián tiếp.

Nội dung của tài liệu này được cung cấp “theo hiện trạng”. Ngoại trừ do yêu cầu của luật áp dụng liên quan sẽ không có bất kỳ sự bảo đảm nào được thể hiện rõ ràng hay ngụ ý, bao gồm nhưng không giới hạn, các bảo hành thương mại được bao hàm và sử dụng sản phẩm phù hợp với mục đích cụ thể, liên quan đến tính chính xác, độ tin cậy hoặc nội dung của tài liệu này. Nokia có quyền sửa đổi hoặc thu hồi tài liệu này tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo trước.

Các sản phẩm riêng biệt có thể khác nhau tùy theo từng khu vực. Xin liên hệ với đại lý Nokia gần nhất.

Issue 3.1

Contents

An toàn cho người sử dụng.....	7
Giới thiệu điện thoại.....	8
CÁC DỊCH VỤ MẠNG.....	8
Phụ kiện, pin và bộ sạc.....	8
Bắt đầu sử dụng.....	10
Lắp thẻ SIM và pin.....	10
Lắp thẻ nhớ.....	11
Sạc pin.....	12
Bật điện thoại.....	12
Nhập các thông số cài đặt cơ bản.....	12
Các phím và bộ phận.....	13
Khóa bàn phím (bảo vệ phím).....	14
Các đầu nối.....	14
Ăng-ten.....	15
Thông tin về màn hình.....	15
Các chế độ chờ.....	16
Các chỉ báo hiển thị.....	17
Điều chỉnh âm lượng.....	18
Viết văn bản.....	18
Đổi ngôn ngữ viết.....	19
Bộ nhớ.....	20
CD-ROM.....	20
Thông tin liên hệ và hỗ trợ của Nokia.....	21
Chuyển nội dung giữa các điện thoại.....	21
Điện thoại của bạn.....	23
Cài đặt.....	23
Menu.....	23
Trợ giúp và hướng dẫn.....	23

Di chuyển và chọn lựa.....	24
Các bước thông dụng trong nhiều ứng dụng.....	24
Gọi điện.....	26
Speed dial(Quay số nhanh).....	26
Trả lời cuộc gọi.....	27
Chuyển hướng cuộc gọi.....	27
Chặn cuộc gọi.....	27
Cuộc gọi video.....	28
Log(Nhật ký).....	29
Push to talk (Bộ đàm).....	29
Cuộc gọi Internet.....	32
Bảo mật điện thoại.....	33
Contacts(Danh bạ).....	36
Quản lý các nhóm liên lạc.....	36
Quản lý thông tin mặc định.....	37
Sao chép các số liên lạc giữa thẻ SIM và bộ nhớ điện thoại.....	37
Chọn nhạc chuông cho các số liên lạc.....	37
Danh thiếp.....	38
Tin nhắn.....	39
Tổ chức tin nhắn.....	39
Tìm tin nhắn.....	40
Cài đặt nhắn tin.....	40
Tin nhắn văn bản.....	40
Tin nhắn đa phương tiện.....	42
E-mail.....	46
Tin nhắn trò chuyện.....	51

Tin nhắn đặc biệt.....	55	Bảng tính.....	79
Kết nối.....	56	Diễn thuyết.....	81
Các điểm truy cập internet.....	56	Xuất màn hình.....	83
Kết nối cáp.....	58	In ấn.....	83
Bluetooth.....	58	Settings(Cài đặt).....	85
Cấu hình truy cập SIM.....	61	Cài đặt cho máy.....	85
Hồng ngoại.....	62	Cài đặt cuộc gọi.....	86
Kết nối dữ liệu.....	63	Cài đặt kết nối.....	87
Quản lý kết nối.....	64	Cài đặt ngày và giờ.....	92
Modem.....	65	Cài đặt bảo mật.....	93
VPN di động.....	65	Cài đặt phụ kiện.....	93
Chuyển vùng dữ liệu email.....	66	Organiser(Sắp xếp).....	94
Web.....	67	Calendar(Lịch).....	94
Điểm truy cập.....	67	Notes(Ghi chú).....	95
Trình duyệt Web.....	67	Calculator(Máy tính).....	95
Chỉ mục.....	68	Converter(Bộ chuyển đổi).....	96
Các chương trình tải từ mạng.....	68	Hộp thư thoại.....	96
Ngưng kết nối.....	69	Clock(Đồng hồ).....	97
Cấp dữ liệu mới và các blog.....	69	Công cụ.....	99
Webcác cài đặt.....	69	Positioning(Định vị).....	99
Services(Dịch vụ).....	70	Navigator(Hoa tiêu).....	99
Các ứng dụng media.....	71	Các mốc.....	100
Gallery(Bộ sưu tập).....	71	Lệnh thoại.....	100
RealPlayer.....	72	Voice aid.....	101
Máy nghe nhạc.....	74	Sett. wizard(.....)	101
Recorder(Máy ghi âm).....	75	Quản lý ứng dụng.....	102
Flash player.....	76	Nokia Catalogs.....	102
Các ứng dụng văn phòng.....	77	Quản lý điện thoại.....	104
Trình quản lý tập tin.....	77	Dịch vụ mạng cấu hình từ xa.....	104
Văn bản.....	77	Đồng bộ hóa dữ liệu.....	104

Cài đặt riêng.....	106
Profiles(Cấu hình).....	106
Themes(Chủ đề).....	107
Phụ kiện chính hãng Nokia.....	108
Thông tin về pin.....	109
Thông tin về pin 970 mAh Li-Ion battery (BL-5C)	109
Hướng dẫn xác nhận pin Nokia.....	109
Giữ gìn và bảo trì.....	112
Thông tin bổ sung về sự an toàn.....	113
Môi trường hoạt động.....	113
Thiết bị y tế.....	113
Xe cộ.....	114
Môi trường có khả năng gây nổ.....	114
Cuộc gọi khẩn cấp.....	114
THÔNG TIN VỀ CHỨNG NHẬN (SAR).....	115
Index.....	117

An toàn cho người sử dụng

Dưới đây là những hướng dẫn đơn giản dễ hiểu. Việc không tuân theo các qui tắc này có thể gây nguy hiểm hoặc không hợp pháp. Đọc sách hướng dẫn sử dụng để biết thêm thông tin.



BẬT MÁY AN TOÀN

Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.



AN TOÀN GIAO THÔNG LÀ TRÊN HẾT

Nên tuân thủ các quy định của địa phương. Luôn giữ tay được rảnh để điều khiển xe. Điều quan tâm đầu tiên trong khi lái xe là an toàn giao thông.



NHIỀU SÓNG

Tất cả các điện thoại vô tuyến đều có thể gây nhiễu sóng làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI TRONG BỆNH VIỆN

Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Tắt điện thoại khi ở gần các thiết bị y tế.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI TRÊN MÁY BAY

Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Các thiết bị vô tuyến có thể gây nhiễu liên lạc trên máy bay.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI ĐANG TIẾP NHIÊN LIỆU

Không nên sử dụng điện thoại tại trạm tiếp nhiên liệu. Không nên sử dụng điện thoại gần nơi có nhiên liệu hoặc hóa chất.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở GẦN NƠI CÓ PHÁT NỔ

Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Không nên sử dụng điện thoại nơi đang có phát nổ.

SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI ĐÚNG CÁCH

Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí thông thường như được hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại. Không nên chạm vào các ăng-ten khi không cần thiết.

SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÓ CHẤT LƯỢNG

Chỉ những nhân viên có đủ khả năng chuyên môn mới được lắp đặt hoặc sửa chữa điện thoại.

PHỤ KIỆN VÀ PIN

Chỉ sử dụng phụ kiện và pin đã kiểm duyệt. Không kết nối với những sản phẩm không tương thích.

CHỐNG VÔ NƯỚC

Điện thoại này không thể chống vô nước. Nên giữ điện thoại thật khô.

DỰ PHÒNG

Luôn nhớ dự phòng hay giữ lại một bản viết tay tất cả các thông tin quan trọng.

KẾT NỐI VỚI NHỮNG THIẾT BỊ KHÁC

Khi kết nối với bất kỳ phụ kiện nào khác, đọc sách hướng dẫn sử dụng để được hướng dẫn





chi tiết. Không kết nối với những sản phẩm không tương thích.

CÁC CUỘC GỌI KHẨN CẤP

Bảo đảm điện thoại đã được bật và đang trong trạng thái hoạt động. Bấm phím kết thúc nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và trở về chế độ chờ. Nhập số điện thoại khẩn cấp rồi bấm phím đàm thoại. Cho biết nơi bạn đang ở. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Giới thiệu điện thoại

Kiểu điện thoại di động được mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này được chấp thuận để sử dụng trong mạng EGSM900/1800/1900, WCDMA2100. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin về mạng. Khi sử dụng những tính năng của thiết bị này, hãy tuân thủ pháp luật và tôn trọng sự riêng tư và những quyền hợp pháp của người khác.



Warning: Bạn phải bật điện thoại để sử dụng các chức năng của nó, ngoại trừ chức năng báo thức. Không nên bật điện thoại nếu có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

CÁC DỊCH VỤ MẠNG

Để sử dụng điện thoại, bạn phải có dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến cung cấp. Nhiều chức năng trên điện thoại phụ thuộc vào các chức năng trên mạng vô tuyến để hoạt động. Các dịch vụ mạng này không có sẵn trên tất cả các mạng và bạn phải thỏa thuận với nhà

cung cấp dịch vụ trước khi bạn có thể sử dụng các dịch vụ mạng. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp thêm cho bạn các thông tin hướng dẫn sử dụng và mức phí sẽ được áp dụng khi sử dụng các dịch vụ mạng này. Một số mạng có thể có các hạn chế ảnh hưởng đến cách sử dụng các dịch vụ mạng. Ví dụ một số mạng có thể không hỗ trợ tất cả ký tự và dịch vụ tùy thuộc ngôn ngữ.

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng có thể được cấu hình đặc biệt. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để có thêm thông tin.

Điện thoại này hỗ trợ các giao thức WAP 2.0 (HTTP và SSL) chạy trên các giao thức TCP/IP. Một số tính năng của thiết bị này, ví dụ như MMS, trình duyệt, e-mail và tải nội dung qua trình duyệt hoặc qua MMS, yêu cầu mạng phải hỗ trợ các công nghệ này.

Phụ kiện, pin và bộ sạc

Kiểm tra số hiệu của bộ sạc trước khi sử dụng với điện thoại này. Điện thoại này được thiết kế sử dụng điện do các bộ sạc LCH-12, ACP-12 và AC-1 cung cấp.



Warning: Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện được Nokia phê chuẩn để sử dụng cho riêng kiểu điện thoại này. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Liên hệ với đại lý của bạn để biết về các phụ kiện gốc hiện có. Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cắm vào phích cắm và kéo ra, không nên kéo dây.

Điện thoại và các phụ kiện điện thoại có các linh kiện nhỏ. Giữ các phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.

Bắt đầu sử dụng



Note: Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng được cấu hình đặc biệt dành cho nhà cung cấp mạng. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để có thêm thông tin.

Số hiệu: Nokia E60-1

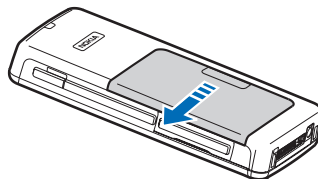
Dưới đây được gọi là Nokia E60.

Lắp thẻ SIM và pin

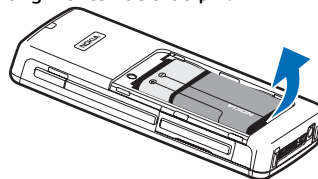
Giữ mọi thẻ SIM cỡ nhỏ ngoài tầm tay trẻ em. Để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM, liên hệ với đại lý thẻ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

1. Luôn tắt điện thoại, và ngắt kết nối với bộ sạc trước khi tháo pin ra.

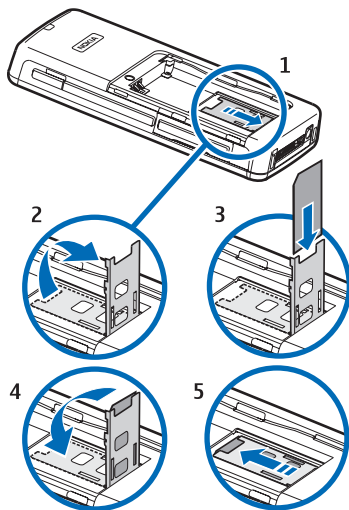
Đặt mặt sau của điện thoại hướng về phía bạn, bấm và trượt vỏ mặt sau theo hướng mũi tên.



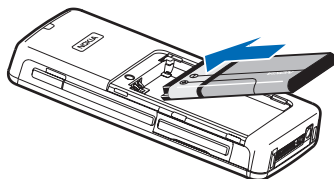
2. Nếu pin đã được lắp, nhấn pin ra khỏi ngăn chứa pin theo hướng mũi tên để tháo pin.



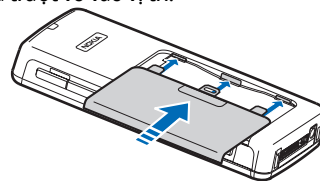
3. Để mở ngăn chứa thẻ SIM, trượt ngăn chứa theo hướng mũi tên (1), và nhấn ngăn chứa lên (2). Lắp thẻ SIM vào khe chứa (3). Đảm bảo rằng góc vát của thẻ SIM hướng lên và vùng tiếp xúc trên thẻ quay vào phía điện thoại. Hạ ngăn chứa thẻ SIM (4) xuống, và trượt ngăn chứa cho tới khi khớp vào vị trí (5).



4. Để lắp pin, canh thẳng hàng các điểm tiếp xúc của pin với đầu nổi tương ứng trên ngăn chứa pin, lắp vào theo hướng mũi tên, và nhẹ nhàng đẩy pin vào vị trí.



5. Lắp các chốt khóa của vỏ mặt sau vào các rãnh tương ứng, và trượt vỏ vào vị trí.



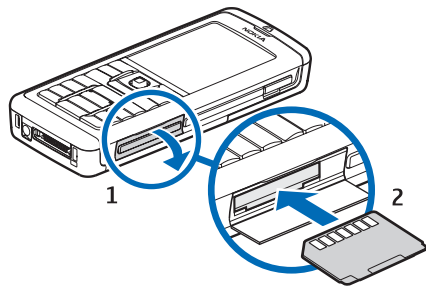
Bạn cũng có thể sử dụng thẻ USIM thay cho thẻ SIM, thẻ USIM là phiên bản nâng cao của thẻ SIM và được cung cấp cùng với điện thoại di động UMTS (dịch vụ mạng). Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin và cài đặt.

Lắp thẻ nhớ

Nếu bạn sử dụng thẻ nhớ, hãy thực hiện theo các hướng dẫn để lắp thẻ nhớ.

See "Bộ nhớ," p. 20.

1. Để mở ngăn chứa thẻ nhớ, kéo nắp theo hướng mũi tên (1).
2. Trượt thẻ nhớ vào khe chứa thẻ nhớ (2). Đảm bảo rằng góc vát của thẻ nhớ hướng về phía điện thoại và vùng tiếp xúc hướng lên.



- Đóng nắp ngăn chứa thẻ nhớ lại.



Important: Không tháo thẻ MMC trong khi đang truy cập vào thẻ. Việc tháo thẻ trong khi đang sử dụng có thể làm hư thẻ cũng như điện thoại, và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị lỗi.

Sạc pin

- Nối bộ sạc vào ổ cắm điện tường.
- Cắm đầu sạc vào đáy điện thoại. Thanh chỉ báo pin bắt đầu di chuyển trên màn hình. Nếu pin đã hết hoàn toàn, có thể bạn phải chờ vài phút trước khi chỉ báo sạc pin xuất hiện trở lại. Bạn vẫn có thể sử dụng điện thoại khi đang sạc pin.
- Khi pin đã được sạc đầy, thanh chỉ báo sẽ ngưng di chuyển. Ngắt bộ sạc ra khỏi điện thoại, sau đó ngắt khỏi ổ cắm điện tường.

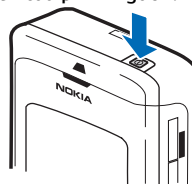
Bật điện thoại

- Để bật điện thoại, bấm phím nguồn.
- Nếu điện thoại yêu cầu mã PIN (hoặc mã UPIN, nếu sử dụng thẻ USIM), mã khóa hoặc mã bảo mật, nhập mã vào, và chọn **OK**.
- Để tắt điện thoại, bấm phím nguồn.



Tip: Khi bật điện thoại, điện thoại có thể tự động nhận dạng thẻ SIM và đặt cấu hình tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện và cài đặt GPRS thích hợp. Nếu không, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp, hoặc sử dụng ứng dụng **Sett. wizard**.

Điện thoại có thể được sử dụng mà không cần các chức năng điện thoại phụ thuộc vào mạng khi không lắp thẻ SIM hoặc khi chọn cấu hình **Offline** (Không trực tuyến).
Hình hiển thị vị trí của phím nguồn.



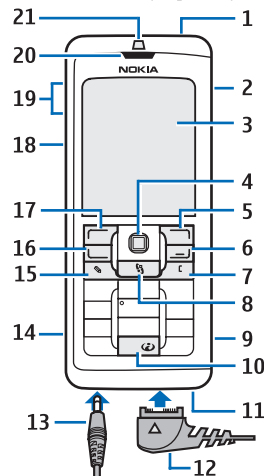
Nhập các thông số cài đặt cơ bản

Khi bật điện thoại lần đầu tiên, và khi bật điện thoại sau khi pin đã hết hoàn toàn hoặc được tháo ra trong một

thời gian dài, điện thoại sẽ yêu cầu bạn nhập thành phố bạn đang sống, và ngày giờ. Bạn có thể thay đổi cài đặt này sau.

1. Chọn thành phố mà bạn đang sống từ danh sách và chọn **OK**. Trình duyệt qua danh sách thành phố, nhập tên thành phố, hoặc di chuyển tới một thành phố. Bạn cần chọn thành phố một cách chính xác, vì các mục nhập được lập biểu do bạn tạo có thể thay đổi nếu chọn một thành phố mới có múi giờ khác.
2. Cài giờ, và chọn **OK**.
3. Cài ngày, và chọn **OK**.

Các phím và bộ phận



- 1 — Phím nguồn
- 2 — Loa trong
- 3 — Màn hình
- 4 — Phím điều khiển. Bấm phím điều khiển để vào một lựa chọn. Sử dụng phím điều khiển để di chuyển sang trái, sang phải, lên xuống, hoặc di chuyển quanh màn hình.
- 5 — Phím chọn phải. Bấm phím chọn bất kỳ để thực hiện chức năng được hiển thị ở phía trên phím.

6 — Phím kết thúc. Bấm phím kết thúc để từ chối một cuộc gọi, kết thúc các cuộc gọi hiện thời và các cuộc gọi đang tạm giữ, đóng ứng dụng, và bấm lâu để ngắt các kết nối dữ liệu (GPRS, cuộc gọi dữ liệu).

7 — Phím xóa

8 — Phím **Menu**. Bấm phím **Menu** để truy cập vào các ứng dụng được cài đặt trên máy. Khi bấm lâu phím này, bạn có thể thấy danh sách các ứng dụng đang mở và chuyển đổi giữa các ứng dụng. Trong Hướng Dẫn Sử Dụng này, "chọn **Menu**" có nghĩa là bấm phím này.

9 — Khe chứa thẻ nhớ.

10 — Phím Internet. Bấm và giữ phím này ở chế độ chờ để trình duyệt Web.

11 — Micrô. Không dùng tay che micrô trong khi gọi.

12 — Pop-Port™. Đầu nối dùng cho cáp dữ liệu USB, tai nghe, và thiết bị trợ thính.

13 — Đầu nối bộ sạc

14 — Cổng hồng ngoại

15 — Phím soạn thảo

16 — Phím đàm thoại

17 — Phím chọn trái. Bấm phím chọn bất kỳ để thực hiện chức năng được hiển thị ở phía trên phím.

18 — Phím thoại/phím bộ đàm (PPT)

19 — Các phím âm lượng

20 — Tai nghe

21 — Thiết bị cảm quang

Khóa bàn phím (bảo vệ phím)

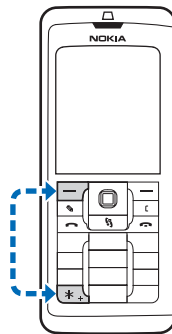
Khi bàn phím bị khóa, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Sử dụng chức năng khóa bàn phím trên điện thoại để ngăn việc tình cờ bấm phím.

Để khóa bàn phím ở chế độ chờ, bấm phím chọn trái và bấm *****. Để mở khóa, bấm phím chọn trái và phím ***** một lần nữa.



Tip: Để khóa bàn phím bằng **Menu** hoặc khi có ứng dụng đang mở, bấm nhanh phím nguồn, và chọn **Lock keypad** (Khóa bàn phím). Để mở khóa, bấm phím chọn trái sau đó bấm *****.



Bạn cũng có thể khóa điện thoại ở chế độ chờ bằng cách sử dụng mã khóa. Bấm phím nguồn, chọn **Lock phone**, và nhập mã khóa vào. Để mở khóa, bấm phím chọn trái sau đó bấm *****. Nhập mã khóa vào, và bấm phím điều khiển.

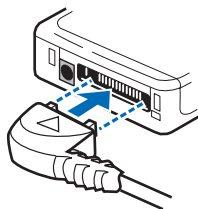
Các đầu nối



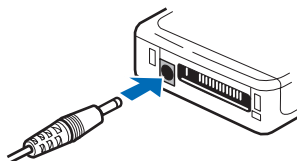
Warning: Khi sử dụng tai nghe, khả năng nghe âm thanh bên ngoài của bạn có thể bị ảnh hưởng.

Không sử dụng tai nghe tại nơi nó có thể gây nguy hiểm cho bạn.

Đầu nối Pop-Port dùng cho tai nghe và các phụ kiện khác



Đầu nối bộ sạc pin



Ăng-ten

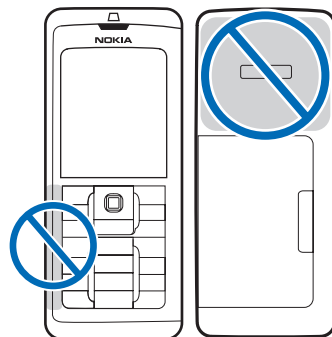
Điện thoại có hai ăng-ten bên trong.



Note: Cũng giống như bất kỳ thiết bị phát sóng vô tuyến khác, không chạm vào ăng-ten khi điện thoại đang bật nếu không cần thiết. Tiếp xúc với ăng-ten sẽ ảnh hưởng đến chất lượng cuộc gọi và có thể hao pin hơn bình thường. Không chạm vào vùng ăng-ten khi đang có cuộc gọi sẽ giúp cho hoạt động của ăng-ten và thời gian thoại đạt mức tối ưu.



Hình hiển thị việc sử dụng điện thoại theo cách thông thường sát tai cho các cuộc gọi thoại.



Thông tin về màn hình

Trên màn hình điện thoại đôi khi có hiện tượng thiếu, mất màu hoặc có những chấm sáng xuất hiện. Đây là một đặc tính của kiểu màn hình này. Một số màn hình có thể chứa các điểm ảnh hoặc dấu chấm sáng nhấp nháy. Đây là điều bình thường, không phải lỗi màn hình.

Xoay màn hình hiển thị

Bạn có thể xoay màn hình hiển thị của điện thoại từ dọc sang ngang.

Chọn **Menu** > **Rotate**. Bạn cũng có thể xoay màn hình bằng cách bấm và giữ phím menu và sau đó chọn **Rotate** (Xoay) từ ứng dụng chuyển cửa sổ.

Màn hình hiển thị xoay 90 độ theo chiều kim đồng hồ từ dọc sang ngang và ngược lại đọc mỗi lần bạn chọn **Rotate**(Xoay).



Tip: Ứng dụng chuyển cửa sổ hiển thị **Rotate** (Xoay) cho đến khi bạn tắt điện thoại hoặc sử dụng phím xoá để tắt tùy chọn và đóng ứng dụng.

Các chế độ chờ

Điện thoại của bạn có hai chế độ chờ khác nhau: Chế độ chờ và chế độ active standby.

Chế độ active standby

Sau khi bạn đã bật điện thoại và điện thoại sẵn sàng để sử dụng, nhưng bạn chưa nhập bất kỳ ký tự nào hoặc thực hiện bất kỳ lựa chọn nào khác, điện thoại sẽ ở chế độ active standby. Trong chế độ active standby, bạn có thể xem được thông tin nhà cung cấp và mạng, các chỉ báo khác như chỉ báo chuông báo thức và các ứng dụng bạn muốn truy cập nhanh.

Để chọn ứng dụng bạn muốn truy cập từ chế độ active standby, chọn **Menu > Tools > Settings > Phone > Standby mode > Standby apps**. Di chuyển đến các phím tắt đặt trước, và bấm phím điều khiển. Di chuyển đến ứng dụng bạn cần và bấm phím điều khiển.

Để kích hoạt chế độ chờ, chọn **Menu > Tools > Settings > Phone > Standby mode > Active standby > Off**.



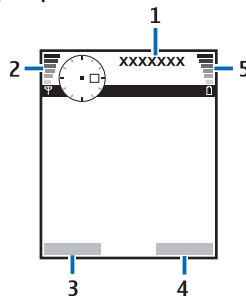
Tip: Bạn có thể xem tin nhắn trong thư mục tin nhắn như hộp thư đến hoặc hộp thư thoại ở

chế độ active standby. Chọn **Menu > Messag. > Options > Settings > Other** và các thư mục trong **Active standby mode**(Chế độ active standby).

Chế độ chờ

Trong chế độ chờ, bạn có thể xem các thông tin khác, như thông tin nhà cung cấp dịch vụ, thời gian và các chỉ báo khác, như chỉ báo chuông báo thức.

Hình ảnh được hiện trên màn hình khi ở chế độ chờ.



- 1 — Nhà cung cấp dịch vụ
- 2 — Chỉ báo cường độ tín hiệu
- 3 — Lệnh cho phím chọn trái
- 4 — Lệnh cho phím chọn phải
- 5 — Chỉ báo cường độ pin

Các phím tắt ở chế độ chờ

Trong chế độ chờ bạn có thể sử dụng các phím tắt sau. Những phím tắt này thông thường không sẵn có trong chế độ chờ active standby, khi phím điều khiển được dùng làm phím cuộn thông thường.

Để xem số các cuộc gọi gần nhất bấm phím gọi. Di chuyển đến một số điện thoại hoặc tên; để gọi cho số này, bấm phím gọi.

Để gọi tới hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ 1.

Để xem lịch, di chuyển về bên phải

Để viết và gửi tin nhắn văn bản, di chuyển về bên trái

Để mở danh sách liên lạc, nhấn phím điều khiển.

Để thay đổi cấu hình, bấm phím nguồn nhanh, di chuyển đến cấu hình bạn muốn, và bấm phím điều khiển để kích hoạt cấu hình đó.

Để mở **Services**(Dịch vụ) và kết nối mạng, bấm 0.

Để thay đổi các phím tắt này, chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Phone** > **Standby mode**.

Các chỉ báo hiển thị

 Điện thoại đang được sử dụng trong mạng GSM. Thanh chỉ báo cạnh biểu tượng cho biết mức tín hiệu mạng tại vị trí hiện thời của bạn. Thanh chỉ báo càng cao thì tín hiệu mạng càng mạnh.

3G Điện thoại đang được sử dụng trong mạng UMTS (dịch vụ mạng). Thanh chỉ báo cạnh biểu tượng cho biết

mức tín hiệu mạng tại vị trí hiện thời của bạn. Thanh chỉ báo càng cao thì tín hiệu mạng càng mạnh.

 Mức độ sạc pin. Thanh chỉ báo càng cao thì mức năng lượng trong pin càng nhiều.

 Ứng dụng đang mở. Biểu tượng này được hiển thị trong **Menu**.

 Bạn nhận được một hoặc nhiều tin nhắn chưa đọc trong thư mục **Inbox**(Hộp thư đến) trong **Messag**.(Tin nhắn).

@ Bạn nhận được e-mail mới trong hộp thư từ xa.

 Bạn có một hoặc nhiều cuộc gọi điện thoại bị nhớ.

 Báo thức đã được kích hoạt.

 Bạn đã chọn cấu hình im lặng, và điện thoại sẽ không đổ chuông khi có cuộc gọi hoặc tin nhắn đến.

 Bluetooth được kích hoạt.

 Một kết nối hồng ngoại đang được kích hoạt. Nếu chỉ báo này nhấp nháy, điện thoại đang tìm cách kết nối với thiết bị khác hoặc kết nối đã bị mất.

 Hiện có kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EGPRS.

 Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EGPRS đang được kích hoạt.

 Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EGPRS đang tạm giữ.

3G  Hiện có kết nối dữ liệu gói UMTS.

3G  Kết nối dữ liệu gói UMTS đang hoạt động.

-  Kết nối dữ liệu gói UMTS đang được giữ.
-  Bạn đã cài điện thoại dò tìm mạng LAN không dây, và có một mạng LAN không dây.
-  Một kết nối mạng LAN không dây đang hoạt động trong mạng không có mã hóa.
-  Một kết nối mạng LAN không dây đang hoạt động trong mạng có mã hóa.
-  Điện thoại được kết nối với một máy PC bằng cáp dữ liệu USB.
-  Cuộc gọi data được kích hoạt.
-  IP passthrough đang hoạt động.
- 1 và 2** Cho biết số máy đã chọn, nếu đăng ký hai số máy (dịch vụ mạng).
-  Tất cả các cuộc gọi sẽ được chuyển tiếp đến một số điện thoại khác.
-  Tai nghe được nối với điện thoại.
-  Mất kết nối với bộ tai nghe Bluetooth.
-  Bộ phụ kiện rảnh tay trên xe được kết nối với điện thoại.
-  Bộ trợ thính được nối với điện thoại.
-  **Text phone** được kết nối với điện thoại.
-  Điện thoại đang đồng bộ.
-  Đang có kết nối push to talk.

Điều chỉnh âm lượng



Warning: Không nên đặt điện thoại gần tai khi đang sử dụng chức năng loa vì âm lượng có thể rất lớn.

Để điều chỉnh âm lượng trong khi gọi, bấm các phím âm lượng.

Để điều chỉnh âm lượng khi sử dụng loa, bấm các phím âm lượng.

Viết văn bản

Kiểu nhập văn bản truyền thống

Abc được hiển thị ở phía trên bên phải màn hình khi bạn đang viết văn bản sử dụng kiểu nhập văn bản tiên đoán.

ABC và **abc** chỉ báo kiểu viết hoa được chọn. **Abc** có nghĩa là ký tự đầu tiên của từ sẽ được viết hoa và các ký tự còn lại sẽ được viết thường. **123** chỉ báo kiểu nhập số.

- Bấm một phím số **1-9** nhiều lần cho đến khi ký tự bạn cần dùng xuất hiện. Điện thoại sẽ cung cấp nhiều ký tự ứng với một phím số hơn số ký tự được in trên mặt của phím số đó.
- Để thêm số, bấm và giữ phím số.
- Để chuyển giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ **#**.
- Nếu chữ kế tiếp nằm cùng phím với chữ hiện tại, hãy đợi đến khi con trỏ hiển thị và nhập chữ đó.

- Để xóa một ký tự, bấm phím xóa. Bấm và giữ phím xóa để xóa nhiều hơn một ký tự.
- Để sử dụng các dấu câu thường dùng, bấm phím số 1. Bấm phím **1** nhiều lần cho đến khi tìm được dấu câu bạn cần. Bấm ***** để mở danh sách các ký tự đặc biệt. Sử dụng phím điều khiển để di chuyển qua danh sách, và chọn một ký tự.
- Để chèn một dấu cách, bấm **0**. Để di chuyển con trỏ đến dòng kế tiếp, bấm **0** ba lần.
- Để chuyển giữa các kiểu chữ khác nhau, bấm **#**.

Kiểu nhập tiên đoán

1. Để kích hoạt kiểu nhập tiên đoán, bấm phím chỉnh sửa, và chọn **Predictive text on** (Bật văn bản tiên đoán). Thao tác này sẽ kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên điện thoại. Chỉ báo  sẽ hiển thị ở phía trên bên phải màn hình khi bạn đang viết văn bản sử dụng kiểu nhập văn bản tiên đoán.
2. Để nhập từ bạn muốn, bấm các phím **2-9**. Chỉ bấm mỗi phím một lần để nhập một chữ cái.
3. Khi bạn viết đúng một từ, để xác nhận lại, di chuyển sang phải, hoặc bấm **0** để thêm khoảng trắng.
Nếu từ đó không đúng, bấm ***** liên tục để xem từng từ tương ứng có trong từ điển.

Nếu dấu ? hiển thị sau từ đó, từ bạn định viết không có trong từ điển. Để thêm từ vào từ điển, chọn **Spell** (Thêm), nhập từ mới vào (tối đa 32 ký tự) bằng kiểu nhập văn bản tiên đoán, và chọn **OK**. Từ này sẽ được thêm vào từ điển. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

4. Bắt đầu viết từ kế tiếp.



Tip: Để bật hoặc tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm nhanh **#** hai lần.

Soạn phần đầu của từ ghép, bấm để xác nhận phần này, di chuyển sang phải. Soạn phần sau của từ ghép. Để hoàn tất việc soạn từ ghép, bấm **0** để thêm khoảng trắng.

Để tắt kiểu nhập tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên máy, bấm phím chỉnh sửa, và chọn **Predictive text > Off**.

Sao chép văn bản vào clipboard

1. Để chọn các chữ và từ, bấm và giữ phím chỉnh sửa. Cùng lúc đó, di chuyển theo hướng cần thiết để đánh dấu từ, đoạn, hoặc dòng của văn bản bạn muốn copy. Khi vùng chọn di chuyển, văn bản sẽ được tô sáng.
2. Để copy văn bản vào clipboard, khi đang giữ phím chỉnh sửa, chọn **Copy** (Sao chép). Để chèn văn bản vào tài liệu, bấm và giữ phím điều khiển, và chọn **Paste** (Dán).

Đổi ngôn ngữ viết

Nếu bạn đang viết văn bản, ví dụ viết ghi chú hoặc tin nhắn, bạn có thể đổi ngôn ngữ viết. Khi đang viết, bấm một phím vài lần để chọn một ký tự cụ thể, việc đổi ngôn ngữ viết sẽ cho phép bạn sử dụng các ký tự khác nhau.

Ví dụ, nếu bạn đang viết văn bản sử dụng bảng chữ cái không phải là chữ Latinh cho các địa chỉ Web, chọn

Options > Writing language và chọn ngôn ngữ viết để sử dụng ngôn ngữ có các chữ cái Latinh.

Bộ nhớ

Có hai loại bộ nhớ để bạn có thể lưu dữ liệu hoặc cài đặt ứng dụng: bộ nhớ điện thoại và bộ nhớ có thể tháo rời.

Chọn **Menu > Options > Memory details**.

Bạn có thể xem dung lượng bộ nhớ đã được dùng, dung lượng còn trống, và bao nhiêu phần của bộ nhớ bị chiếm bởi mỗi loại dữ liệu. Ví dụ bạn có thể xem tin nhắn e-mail, văn bản hoặc lịch cuộc hẹn chiếm bao nhiêu phần bộ nhớ.



Tip: Để đảm bảo có đủ bộ nhớ, bạn nên thường xuyên xóa hoặc di chuyển dữ liệu đến thẻ nhớ hoặc máy PC.

Thẻ nhớ

Điện thoại NOKIA của bạn chỉ hỗ trợ các tập tin hệ thống FAT16 cho thẻ nhớ. Nếu bạn dùng thẻ nhớ từ một thiết bị khác hoặc nếu bạn muốn chắc chắn tính tương thích của thẻ nhớ với điện thoại NOKIA, bạn có thể cần phải định dạng lại thẻ nhớ bằng điện thoại NOKIA. Tuy nhiên mọi dữ liệu trong thẻ nhớ sẽ bị xóa hoàn toàn nếu bạn định dạng lại thẻ nhớ.

Nên sao lưu bộ nhớ điện thoại vào thẻ nhớ thường xuyên. Thông tin có thể được khôi phục vào điện thoại sau này. Để sao lưu thông tin trong bộ nhớ điện thoại vào thẻ nhớ, chọn **Menu > Tools > Memory card > Options > Backup phone mem.** Để khôi phục thông tin

từ thẻ nhớ vào bộ nhớ điện thoại, chọn **Menu > Tools > Memory card > Options > Restore from card**.

Không được tháo thẻ nhớ khi đang truy cập vào thẻ. Việc tháo thẻ trong khi đang sử dụng có thể làm hư thẻ cũng như điện thoại, và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị lỗi.

Nếu bạn không thể sử dụng thẻ nhớ với điện thoại, bạn có thể đã dùng sai loại thẻ, thẻ không thể định dạng được cho điện thoại của bạn, hoặc thẻ có chứa tập tin hệ thống bị hỏng.

Thẻ nhớ RS-MMC

Điện thoại này sử dụng thẻ RS-MMC (thẻ MMC điện thế kép (1,8/3,0V) kích cỡ nhỏ).

Để đảm bảo khả năng hoạt động tương thích, chỉ nên sử dụng các loại thẻ MMC điện áp kép. Kiểm tra tính tương thích của thẻ MMC với nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp thẻ. Chỉ sử dụng thẻ đa phương diện tương thích với điện thoại này. Các loại thẻ nhớ khác, như thẻ MMC đầy đủ hoặc thẻ SD sẽ không vừa với khe thẻ MMC và cũng không tương thích với điện thoại này. Sử dụng thẻ nhớ không tương thích có thể làm hư thẻ cũng như thiết bị và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị mất. Giữ tất cả thẻ nhớ ngoài tầm tay trẻ em.

CD-ROM

Bộ đĩa CD-ROM tương thích với Windows 98SE, Windows ME, Windows 2000, và Windows XP.

Bạn có thể cài bộ phần mềm Nokia PC Suite từ CD-ROM. Nokia PC Suite có thể được sử dụng chỉ với Windows 2000 và Windows XP.

Thông tin liên hệ và hỗ trợ của Nokia

Tìm xem trang www.nokia.com/support hoặc trang Web Nokia tại địa phương bạn để có phiên bản mới nhất của hướng dẫn này, thông tin bổ sung, các nội dung tải về và các dịch vụ liên quan đến sản phẩm Nokia của bạn.

Trên trang Web, bạn có thể lấy thông tin về sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của Nokia. Nếu bạn cần liên hệ với dịch vụ khách hàng, kiểm tra danh sách các trung tâm liên hệ của Nokia trong vùng của bạn tại www.nokia.com/customerservice.

Nếu bạn muốn biết về các dịch vụ bảo trì, kiểm tra trung tâm dịch vụ Nokia gần với bạn nhất tại www.nokia.com/repair.

Chuyển nội dung giữa các điện thoại

Bạn có thể chuyển nội dung, ví dụ như các số liên lạc, từ một điện thoại Nokia tương thích sang Nokia E60 của bạn sử dụng kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Loại nội dung có thể được chuyển tùy thuộc vào kiểu điện thoại. Nếu điện thoại kia hỗ trợ đồng bộ, bạn cũng có thể đồng bộ dữ liệu giữa điện thoại kia và Nokia E60 của bạn.

Chuyển dữ liệu bằng Bluetooth hoặc hồng ngoại

Để bắt đầu chuyển dữ liệu từ một thiết bị tương thích, chọn **Menu** > **Tools** > **Transfer**.

Khả năng kết nối Bluetooth

1. Trong giao diện thông tin, chọn **Continue**(Tiếp tục).
2. Chọn **Via Bluetooth**(Qua Bluetooth). Cả hai điện thoại phải hỗ trợ loại kết nối đã chọn.
3. Kích hoạt Bluetooth trên điện thoại kia, và chọn **Continue**(Tiếp tục) trên điện thoại Nokia E60 để bắt đầu tìm kiếm điện thoại có kết nối Bluetooth được kích hoạt.
4. Chọn **Stop**(Ngừng) trên điện thoại Nokia E60 sau khi tìm thấy điện thoại kia.
5. Chọn một điện thoại trong danh sách. Bạn sẽ được yêu cầu nhập mật mã (1 đến 16 chữ số) trên điện thoại Nokia E60. Mật mã này sẽ chỉ được sử dụng để xác nhận kết nối này.
6. Nhập mã vào điện thoại Nokia E60, và chọn **OK**. Nhập mật mã này vào điện thoại kia, và chọn **OK**. Bây giờ các điện thoại đã được ghép nối. See "Ghép nối thiết bị," p. 60.

Với một số kiểu điện thoại, ứng dụng **Transfer data** (Truyền dữ liệu) được gửi đến điện thoại kia dưới dạng tin nhắn. Để cài đặt ứng dụng trên **Transfer data**(Truyền dữ liệu) điện thoại kia, mở tin nhắn, và theo các hướng dẫn trên màn hình.

7. Trong điện thoại Nokia E60, chọn nội dung bạn muốn chuyển từ điện thoại kia, và chọn **OK**.

Kết nối hồng ngoại

1. Trong giao diện thông tin, chọn **Continue**(Tiếp tục).
2. Chọn **Via infrared**(Qua cổng hồng ngoại). Cả hai điện thoại phải hỗ trợ loại kết nối đã chọn.
3. Kết nối với hai điện thoại. See "Hồng ngoại," p. 62.
4. Trong điện thoại Nokia E60, chọn nội dung bạn muốn chuyển từ điện thoại kia, và chọn **OK**.

Nội dung được sao chép từ bộ nhớ của điện thoại kia sang vị trí tương ứng trong điện thoại của bạn. Thời gian sao chép tùy thuộc vào dung lượng bộ nhớ được chuyển. Bạn cũng có thể hủy lệnh sao chép và tiếp tục lại sau.

Các bước cần thiết để chuyển dữ liệu có thể khác nhau tùy thuộc vào điện thoại của bạn, và việc bạn có làm gián đoạn việc chuyển dữ liệu trước đó hay không. Các mục bạn có thể chuyển tùy thuộc vào điện thoại kia.

Đồng bộ dữ liệu với một điện thoại khác

Nếu trước đó bạn đã chuyển dữ liệu đến điện thoại Nokia E60, và điện thoại kia hỗ trợ đồng bộ, bạn có thể sử dụng **Transfer**(Nối chuyển) để cập nhật dữ liệu trên cả hai điện thoại.

1. Chọn **Phones**(Các điện thoại), và bấm phím điều khiển.
2. Di chuyển đến điện thoại bạn đã chuyển dữ liệu từ đó, và bấm phím điều khiển.
3. Chọn **Synchronise**(Đồng bộ), và bấm phím điều khiển. Các điện thoại sẽ bắt đầu đồng bộ sử dụng

cùng một loại kết nối mà bạn đã chọn khi bạn chuyển dữ liệu lúc đầu. Chỉ dữ liệu bạn đã chọn lúc đầu để chuyển sẽ được đồng bộ.

Để chỉnh sửa cài đặt chuyển và đồng bộ dữ liệu, chọn **Synchronise**(Đồng bộ), di chuyển đến một điện thoại, bấm phím điều khiển, và chọn **Edit**(Chỉnh sửa).

Điện thoại của bạn

Cài đặt

Khi bật điện thoại, điện thoại có thể tự động nhận dạng thẻ SIM và đặt cấu hình tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện và cài đặt GPRS thích hợp. Bạn cũng có thể nhận được các cài đặt dưới dạng tin nhắn văn bản từ nhà cung cấp dịch vụ.

Menu

Menu là điểm bắt đầu mà từ đây bạn có thể mở tất cả các ứng dụng trong điện thoại hoặc thẻ nhớ. **Menu** chứa các ứng dụng và thư mục là các nhóm gồm các thư mục tương tự nhau. Sử dụng phím điều khiển để di chuyển lên hoặc xuống trên màn hình.

Các ứng dụng bạn cài đặt sẽ được lưu trong thư mục **Installat**. (Cài đặt) theo mặc định.

Để mở một ứng dụng, di chuyển đến ứng dụng đó và bấm phím điều khiển.

Để xem các ứng dụng trong danh sách, chọn **Options** > **Change view** > **List**. Để trở về kiểu xem dạng khung lưới, chọn **Options** > **Change view** > **Grid**.

Để xem mức sử dụng bộ nhớ của các ứng dụng khác nhau và dữ liệu được lưu trong điện thoại hoặc thẻ nhớ và kiểm tra bộ nhớ trống còn lại, chọn **Options** > **Memory details** và chọn bộ nhớ.

Để sắp xếp lại thư mục, di chuyển đến ứng dụng bạn muốn di chuyển, và chọn **Options** > **Move**. Một dấu chọn

được đặt cạnh ứng dụng. Di chuyển đến vị trí mới, và chọn **OK**.

Để di chuyển một ứng dụng đến thư mục khác, di chuyển đến ứng dụng bạn muốn di chuyển đến một thư mục khác, và chọn **Options** > **Move to folder**, thư mục mới, và **OK**.

Để tải xuống các ứng dụng từ Web, chọn **Options** > **App. downloads**.

Để tạo một thư mục mới, chọn **Options** > **New folder**. Bạn không thể tạo thư mục bên trong thư mục.

Để đổi tên một thư mục mới, chọn **Options** > **Rename**.



Tip: Để chuyển qua lại giữa các ứng dụng đang mở, bấm và giữ phím menu. Cửa sổ chuyển ứng dụng sẽ mở ra và hiển thị các ứng dụng đang mở. Di chuyển đến một ứng dụng, và bấm phím điều khiển để chuyển sang ứng dụng đó.

Trợ giúp và hướng dẫn

Bạn có thể tìm thấy giải đáp cho những câu hỏi của mình trong khi sử dụng điện thoại này ngay cả khi không có hướng dẫn sử dụng, vì điện thoại của bạn có cả một mục trợ giúp theo tác vụ cụ thể và một hướng dẫn.



Tip: Cụ thể theo tác vụ có nghĩa là bạn có thể truy cập vào các hướng dẫn từ các danh sách **Options** (Tùy chọn).

Trợ giúp trên điện thoại

Bạn có thể truy cập vào mục trợ giúp trên điện thoại từ một ứng dụng đang mở hoặc từ **Menu**. Khi bạn đang mở một ứng dụng, chọn **Options** > **Help** để đọc hướng dẫn cho giao diện hiện thời.

Để mở menu trợ giúp từ **Menu**, chọn **Help** > **Help**. Trong **Help** (Trợ giúp), bạn có thể chọn các mục bạn muốn xem hướng dẫn. Di chuyển đến một mục, chẳng hạn như Nhấn tin, và bấm phím điều khiển để có những hướng dẫn gì (các chủ đề trợ giúp). Trong khi đang đọc chủ đề, di chuyển sang trái hoặc sang phải để xem các chủ đề khác trong mục này.

Khi bạn đọc hướng dẫn, bấm và giữ phím menu để chuyển giữa chức năng trợ giúp và ứng dụng đang chạy ẩn.

Tutorial(Hướng dẫn)

Hướng dẫn cung cấp thông tin về điện thoại và cách sử dụng điện thoại.

Để truy cập trình hướng dẫn trong menu, chọn **Menu** > **Help**, mở **Tutorial** (Hướng dẫn) và chọn phần mà bạn muốn xem.

Di chuyển và chọn lựa

Sử dụng phím điều khiển để di chuyển và chọn lựa. Với phím điều khiển, bạn có thể chuyển lên, xuống, sang trái và phải tại **Menu** hoặc trong các ứng dụng khác hoặc danh sách. Bạn cũng có thể bấm phím điều khiển để mở ứng dụng, tập tin hoặc chỉnh sửa cài đặt.

Để chọn văn bản, bấm và giữ phím chỉnh sửa, và di chuyển sang trái hoặc sang phải cho tới khi chọn xong.

Để chọn các mục khác, ví dụ các tin nhắn, các tập tin, số liên lạc, di chuyển lên, xuống hoặc trái, phải để đánh dấu mục bạn muốn chọn. Chọn **Options** > **Mark/Unmark** > **Mark** để chọn một mục hoặc **Options** > **Mark/Unmark** > **Mark all** để chọn tất cả các mục.



Tip: Để chọn phần lớn các mục, trước tiên chọn **Options** > **Mark/Unmark** > **Mark all**, sau đó chọn các mục bạn không muốn, và **Options** > **Mark/Unmark** > **Unmark**.

Để chọn một mục (ví dụ một đính kèm của tài liệu) di chuyển đến mục đó sao cho dấu ngoặc vuông xuất hiện ở cả hai phía của mục.

Các bước thông dụng trong nhiều ứng dụng

Bạn có thể thấy các bước sau trong nhiều ứng dụng:

Để chuyển giữa các ứng dụng mở, bấm và giữ phím menu để xem danh sách các ứng dụng đang mở. Chọn một ứng dụng.

Để thay đổi cấu hình hoặc tắt hoặc khóa điện thoại, bấm nhanh phím nguồn.

Để tìm một tập tin, chọn **Options** > **Save**. Có nhiều tùy chọn lưu trữ phụ thuộc vào ứng dụng bạn dùng.

Để gửi một tập tin, chọn **Options** > **Send**. Bạn có thể gửi một tập tin trong một e-mail hoặc tin nhắn đa phương tiện, hoặc sử dụng cổng hồng ngoại hoặc Bluetooth.

Để in bằng một máy in tương thích, chọn **Options** > **Print**. Bạn có thể xem trước các mục mà bạn muốn in, hoặc chỉnh sửa hình thức trang in. Trước khi in, bạn phải xác định một máy in tương thích cho điện thoại. See "In ấn," p. 83.

Để sao chép, bấm phím chỉnh sửa, và chọn văn bản bằng phím điều khiển. bấm và giữ phím chỉnh sửa và chọn **Copy** (Sao chép). Để dán, di chuyển đến vị trí bạn muốn dán văn bản, bấm và giữ phím chỉnh sửa, và chọn **Paste** (Dán). Phương thức này có thể không thực hiện được tại các ứng dụng như **Documents** (Tài liệu) mà có bản copy và lệnh dán.

Để xóa một tập tin, bấm phím xóa hoặc chọn **Options** > **Delete**.

Để chèn ký tự như dấu hỏi hoặc dấu ngoặc vào văn bản, bấm *****.

Gọi điện

Khi điện thoại bị khóa, bạn chỉ có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Để thực hiện cuộc gọi khẩn cấp khi điện thoại đang ngoài tuyến hoặc đang ở cấu hình trên máy bay, bạn cần phải nhập mã khóa và chuyển điện thoại sang cấu hình gọi trước khi thực hiện cuộc gọi bất kỳ, kể cả thực hiện cuộc gọi khẩn cấp.

Ở trạng thái không trực tuyến, bạn cần phải nhập mã khóa và chuyển điện thoại sang cấu hình gọi trước khi thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào, kể cả gọi số khẩn cấp.

Để gọi và nhận cuộc gọi, điện thoại phải được bật, phải có một thẻ SIM hợp lệ đã cài đặt, và bạn phải ở trong vùng phủ sóng của mạng. Kết nối GPRS sẽ được giữ lại trong khi đang thực hiện cuộc gọi thoại trừ khi mạng hỗ trợ cả hai kiểu truyền hoặc bạn có thẻ USIM và đang ở trong vùng phủ sóng mạng UMTS.

Nhập số điện thoại, bao gồm mã vùng, rồi bấm phím gọi. Nếu bạn nhập một ký tự sai, bấm phím xóa.



Tip: Để gọi điện quốc tế, bấm * hai lần để thêm dấu + thay cho mã truy cập quốc tế, và nhập mã quốc gia, mã vùng (bỏ số 0 đứng trước nếu cần), và nhập số điện thoại.

Để kết thúc cuộc gọi hoặc để hủy cuộc gọi, bấm phím kết thúc.

Để gọi điện bằng số liên lạc đã lưu, bấm **Contacts**(Danh bạ) chế độ chờ. Nhập chữ cái đầu tiên của tên, di chuyển đến tên, và bấm phím gọi. See "Contacts(Danh bạ)," p. 36.

Bấm phím gọi để xem đến 20 số vừa gọi hoặc định gọi. Di chuyển đến số hoặc tên mong muốn, và bấm phím gọi để gọi số đó. See "Log(Nhật ký)," p. 29.

Bấm các phím âm lượng để điều chỉnh âm lượng trong khi gọi.

Để gọi hộp thư thoại (dịch vụ mạng) trong chế độ chờ, bấm và giữ phím **1**, hoặc bấm phím **1** rồi phím gọi.

Speed dial(Quay số nhanh)

Cách quay số nhanh cho phép bạn gọi điện bằng cách bấm và giữ một phím số.

Trước khi sử dụng chức năng quay số nhanh, chọn **Menu > Tools > Settings > Call > Speed dialling > On**.

Để gán một phím số cho một số điện thoại, chọn **Menu > Tools > Speed dial**. Di chuyển đến phím số (2 - 9) trên màn hình, và chọn **Options > Assign**. Chọn tin nhắn cần xem trong danh mục **Contacts**(Danh bạ).

Để xóa số điện thoại được gán cho một phím số, di chuyển đến phím quay số nhanh, và chọn **Options > Remove**.

Để chỉnh sửa số điện thoại được gán cho một phím số, di chuyển đến phím quay số nhanh, và chọn **Options > Change**.

Trả lời cuộc gọi



Note: Hóa đơn thực tế mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi và dịch vụ có thể thay đổi tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn thành việc lập hóa đơn, thuế, v.v...

Để trả lời một cuộc gọi, bấm phím đàm thoại

Để từ chối cuộc gọi, bấm phím kết thúc.

Ngắt chuông mà không trả lời cuộc gọi, chọn **Silence** (Im lặng).

Để trả lời một cuộc gọi mới trong khi đang gọi điện khi mà chức năng **Call waiting** (Cuộc gọi chờ) đang hoạt động, bấm phím gọi. Cuộc gọi đầu sẽ ở trạng thái giữ. Để kết thúc cuộc gọi hiện tại, bấm phím kết thúc.

Chuyển hướng cuộc gọi

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Call divert**.

Chuyển cuộc gọi đến hộp thư thoại hoặc đến một số liên lạc khác. Để biết chi tiết, vui lòng liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

1. Chọn kiểu cuộc gọi từ một trong những tùy chọn sau:

- **Voice calls** (Cuộc gọi thoại) — Cuộc gọi thoại đến.
- **Data and video calls** (Các cuộc gọi data và video) — Cuộc gọi dữ liệu và video đến.
- **Fax calls** (Cuộc gọi fax) — Cuộc gọi fax đến.

2. Chọn một trong các tùy chọn chuyển cuộc gọi sau:

- **All voice calls** (Tất cả các cuộc gọi thoại), **All data and vid. calls** (Tất cả các cuộc gọi data và video), hoặc **All fax calls** (Tất cả các cuộc gọi fax). — Chuyển mọi cuộc gọi thoại, dữ liệu và video, hoặc fax đến.
- **If busy** (Nếu bận) — Chuyển cuộc gọi đến khi bạn đang ở giữa một cuộc gọi.
- **If not answered** (Nếu không trả lời) — Chuyển cuộc gọi đến sau khi điện thoại của bạn đổ chuông được một thời gian quy định. Xác nhận khoảng thời gian bạn để chuông đổ trước khi chuyển cuộc gọi trong trường **Delay time**: (Thời gian trễ:) này.
- **If out of reach** (Nếu ngoài vùng phủ sóng) — Chuyển cuộc gọi khi điện thoại tắt hoặc ngoài vùng phủ sóng.
- **If not available** (Nếu không khả dụng) — Kích hoạt ba cài đặt cuối cùng một lúc. Tùy chọn chuyển các cuộc gọi nếu điện thoại bận, không trả lời, hoặc ngoài tầm với.

3. Chọn **Activate** (Khởi động).

Để kiểm tra trạng thái chuyển hiện tại, chuyển đến tùy chọn chuyển, và chọn **Options** > **Check status**.

Để dừng chuyển cuộc gọi thoại, chuyển đến tùy chọn chuyển, và chọn **Options** > **Cancel**.

Chặn cuộc gọi

Chức năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi không thể hoạt động cùng một lúc.

Khi cuộc gọi bị chặn, bạn vẫn có thể gọi đến một số gọi khẩn cấp nhất định.

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Call barring**.

Bạn có thể ngăn những cuộc gọi có thể được gọi đi hoặc được nhận về bằng điện thoại (dịch vụ mạng). Để thay đổi các cài đặt này, bạn cần mật mã chặn cuộc gọi do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Việc chặn cuộc gọi sẽ ảnh hưởng đến tất cả các cuộc gọi, bao gồm các cuộc gọi dữ liệu.

Để chặn các cuộc gọi, chọn **Cellular call barring** (Chặn cuộc gọi di động) và chọn từ các tùy chọn sau đây:

- **Outgoing calls** (Cuộc gọi đi) — Ngăn chặn thực hiện các cuộc gọi thoại với điện thoại của bạn.
- **Incoming calls** (Cuộc gọi đến) — Chặn các cuộc gọi đến.
- **International calls** (Cuộc gọi quốc tế) — Chặn cuộc gọi quốc tế hoặc chuyển vùng.
- **Incoming if abroad** (Cuộc gọi đến nếu ở nước ngoài) — Chặn các cuộc gọi đến khi bạn đang ở nước ngoài.
- **Intern. except home** (Cuộc gọi quốc tế ngoại trừ từ nước nhà) — Chặn các cuộc gọi ra nước ngoài hoặc vùng khác, nhưng cho phép gọi về nước của bạn.

Để kiểm tra trạng thái chặn cuộc gọi thoại, di chuyển đến tùy chọn chặn, và chọn **Options** > **Check status**.

Để ngừng tất cả các tùy chọn chặn cuộc gọi, di chuyển đến một tùy chọn chặn cuộc gọi, và chọn **Options** > **Cancel all barrings**.

Chặn cuộc gọi Internet

Để chặn các cuộc gọi Internet, chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Call barring** > **Internet call barring**.

Để từ chối các cuộc gọi Internet từ những người gọi ẩn, chọn **Anonymous calls** > **On**.

Cuộc gọi video

Để có thể thực hiện cuộc gọi video, bạn phải ở trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ cuộc gọi video, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Trong khi đang trò chuyện, bạn có thể gửi hình ảnh đến điện thoại di động tương thích của người nhận, và xem video trực tiếp được gửi bởi người nhận có điện thoại di động tương thích có máy quay video. Cuộc gọi video chỉ có thể được thực hiện được giữa hai thành viên.



Warning: Không nên đặt điện thoại gần tai khi dùng chức năng loa vì âm lượng có thể rất lớn.

Chọn hình ảnh sẽ được gửi trong **Tools** > **Settings** > **Call settings** > **Image in video call**.

Để thực hiện cuộc gọi video, nhập số điện thoại vào hoặc chọn người nhận cuộc gọi trong **Contacts** (Danh bạ), và chọn **Options** > **Call** > **Video call**. Bạn không thể chuyển cuộc gọi video sang cuộc gọi thoại thông thường.

Trong khi gọi, chọn **Options** (Tùy chọn) và chọn một trong những tùy chọn sau:

- **Audio** (Âm thanh) — Trò chuyện với người nhận cuộc gọi.
- **Use video** (Sử dụng video) — Xem hình không tiếng.
- **Loudsp.** (Loa) — Chọn sử dụng loa ngoài để nhận tiếng.
- **Handset** (Cầm tay) — Tắt loa ngoài và dùng bộ tai nghe.

Log(Nhật ký)

Chọn **Menu** > **Log**.

Trong **Log(Nhật ký)**, bạn có thể xem thông tin về nhật ký liên lạc của điện thoại.

Để xem nhật ký các cuộc gọi thoại gần đây, khoảng thời gian, và kết nối dữ liệu gói, chọn **Recent calls**(Các cuộc gọi gần đây), **Call duration**(Thời lượng cuộc gọi), hoặc **Packet data**(Dữ liệu gói); và bấm phím điều khiển.

Để sắp xếp sự kiện theo kiểu và hướng, di chuyển sang phải để mở nhật ký thường, và chọn **Options** > **Filter**. Di chuyển đến kiểu lọc, và bấm phím điều khiển. Chọn kiểu hoặc hướng, và bấm phím điều khiển.

Để đặt khoảng thời gian mọi sự kiện liên lạc được lưu trong nhật ký, chọn **Options** > **Settings** > **Log duration**, một tùy chọn và **OK**.

Để xóa các cuộc gọi nhận và nhớ và các số đã gọi, chọn **Recent calls** > **Options** > **Clear recent calls**.

Push to talk (Bộ đàm)

Chọn **Menu** > **Connect** > **PTT**.

Dịch vụ Bộ đàm (dịch vụ mạng) cung cấp các cuộc điện đàm trực tiếp được kết nối bằng cách bấm phím PTT. Với push to talk, bạn có thể sử dụng điện thoại giống như sử dụng máy bộ đàm.

Bạn có thể sử dụng chức năng bộ đàm để đàm thoại với một người hoặc một nhóm người, hoặc tham gia vào một kênh. Một kênh giống như một phòng trò chuyện: bạn có thể gọi tới kênh để xem có ai trực tuyến không. Gọi kênh không cảnh báo những thành viên khác; các

thành viên chỉ cần tham gia vào kênh và bắt đầu nói chuyện với nhau.

Trong liên lạc push to talk, một người nói và những thành viên khác nghe qua loa tích hợp. Các thành viên sẽ thay phiên nhau trả lời. Vì chỉ một thành viên có thể nói chuyện một lúc, thời lượng tối đa của lượt nói chuyện sẽ được giới hạn. Để biết thêm chi tiết về thời lượng của lượt nói chuyện trong mạng của bạn, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhớ giữ điện thoại phía trước bạn trong suốt cuộc gọi push to talk để bạn có thể nhìn thấy màn hình. Hãy nói qua micrô và chú ý không dùng tay che loa lại.

Các cuộc gọi điện thoại luôn giữ vị trí ưu tiên hơn push to talk.

Trước khi sử dụng dịch vụ push to talk, bạn phải xác định điểm truy cập và thông số cài đặt push to talk. Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà cung cấp dịch vụ nơi cung cấp dịch vụ push to talk.

Cài đặt người dùng

Chọn **Options** > **Settings** > **User settings**.

Xác định:

- **Incoming PTT calls**(Cuộc gọi PTT đến) — Chọn **Notify**(Thông báo) nếu bạn muốn xem thông báo cuộc gọi đến. Chọn **Auto-accept**(Tự động chấp nhận) nếu bạn muốn các cuộc gọi push to talk được trả lời tự động. Chọn **Not allowed**(Không được phép) nếu bạn muốn các cuộc gọi push to talk bị tự động từ chối.
- **PTT call alert tone**(Âm báo cuộc gọi PTT) — Chọn **Set by profile**(Cài theo cấu hình) nếu bạn muốn cài đặt cảnh báo cuộc gọi đến cho push to talk theo cài đặt

cấu hình. Nếu cấu hình là im lặng, bạn sẽ không khả dụng với những thành viên khác sử dụng push to talk, ngoại trừ yêu cầu gọi lại.

- **Callback request tone**(Âm báo yêu cầu gọi lại) — Xác định kiểu chuông cho yêu cầu gọi lại.
- **Application start-up**(Khởi động ứng dụng) — Chọn đăng nhập hoặc không đăng nhập vào dịch vụ push to talk khi bật điện thoại.
- **Default nickname**(Biệt danh mặc định) — Nhập bí danh mặc định của bạn (tối đa 20 ký tự) sẽ được hiển thị trên máy của người kia.
- **Show my PTT address**(Hiển thị địa chỉ PTT riêng) — Xác định bạn có muốn những người gọi khác nhìn thấy địa chỉ push to talk của bạn hay không. Bạn có thể để tất cả những người gọi nhìn thấy địa chỉ của bạn, chỉ hiển thị địa chỉ với những người gọi cá nhân hoặc những thành viên của kênh, hoặc ẩn địa chỉ với tất cả người gọi.
- **Show my login status**(Hiển thị trạng thái đăng nhập) — Xác định việc đăng nhập vào server push to talk sẽ được hiển thị hoặc ẩn với những người dùng khác.

Cài đặt kết nối

Chọn **Options > Settings > Connection settings**.

Xác định các thông số cài đặt sau đây:

- **Domain**(Miền) — Nhập tên miền nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ.
- **Access point name**(Tên điểm truy cập) — Chọn điểm truy cập push to talk.
- **Server address**(Địa chỉ server) — Nhập địa chỉ IP hoặc tên miền của server push to talk nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ.

- **User name**(Tên thuê bao) — Nhập tên thuê bao nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ.
- **PTT password**(Mật mã PTT) — Nhập mật mã, nếu được yêu cầu, để đăng nhập vào dịch vụ push to talk. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cấp cho bạn mật mã này.

Đăng nhập vào dịch vụ push to talk

Nếu bạn bật chức năng **Application start-up**(Khởi động ứng dụng) trong **User settings**(Cài đặt người dùng), push to talk sẽ tự động đăng nhập vào dịch vụ khi khởi động. Nếu không, bạn phải đăng nhập theo cách thủ công.

Để đăng nhập vào một dịch vụ push to talk, chọn **Options > Settings > Connection settings**, và nhập **User name**(Tên thuê bao), **PTT password**(Mật mã PTT), **Domain**(Miền), **Server address**(Địa chỉ server), và **Access point name**(Tên điểm truy cập). Chọn **Options > Switch PTT on**.

Khi cài đặt **Ringing type**(Kiểu chuông) của điện thoại được cài là **Beep once**(1 hồi bíp) hoặc **Silent**(Im lặng), hoặc nếu có một cuộc gọi điện thoại đến, bạn không thể thực hiện hay nhận cuộc gọi push to talk.

Cuộc gọi push to talk



Warning: Không nên đặt điện thoại gần tai khi đang sử dụng chức năng loa vì âm lượng có thể rất lớn. Chọn **Options > PTT contacts**.

Để thực hiện một cuộc gọi push to talk, chọn một hoặc nhiều số liên lạc từ danh sách, và bấm phím đàm thoại. Nhớ giữ điện thoại phía trước bạn trong suốt cuộc gọi push to talk để bạn có thể nhìn thấy màn hình. Màn hình sẽ thông báo cho bạn khi đến lượt bạn nói chuyện. Hãy nói qua micro và chú ý không dùng tay che loa lại. Bấm và giữ phím đàm thoại trong suốt thời gian nói chuyện. Khi bạn nói xong, thả phím.

Để kết thúc cuộc gọi push to talk, bấm phím kết thúc.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi

Khi nhận cuộc gọi push to talk, bấm phím đàm thoại để trả lời cuộc gọi này hoặc phím kết thúc để hủy cuộc gọi.

Các yêu cầu gọi lại

Để gửi yêu cầu gọi lại, chọn **Options > PTT contacts**, di chuyển đến số liên lạc bạn muốn, và chọn **Options > Send callback request**.

Để trả lời một yêu cầu gọi lại, chọn **Show**(Hiển thị) để mở yêu cầu gọi lại. Để thực hiện một cuộc gọi push to talk tới người gửi yêu cầu gọi lại, bấm phím thoại.

Xem danh bạ

Để xem, thêm, chỉnh sửa, xóa, hoặc gọi cho các số liên lạc, chọn **Options > PTT contacts**. Danh sách các tên trong ứng dụng **Contacts**(Danh bạ) của điện thoại sẽ được hiển thị với những thông tin về tình trạng đăng nhập của họ.

Để gọi cho một số liên lạc đã chọn, chọn **Options > Talk 1 to 1**. Để thực hiện một cuộc gọi nhóm, chọn **Options > Make PTT group call**.

Để gửi yêu cầu gọi lại cho một số liên lạc, chọn **Options > Send callback request**.

Tạo kênh

Một kênh giống như một phòng trò chuyện: bạn có thể gọi tới kênh để xem có ai trực tuyến không. Gọi kênh không cảnh báo những thành viên khác; các thành viên chỉ cần tham gia vào kênh và bắt đầu nói chuyện với nhau.

Để tạo một kênh, chọn **Options > New channel > Create new**.

Chọn **Options**(Tùy chọn) và xác định những cài đặt sau đây:

- **Channel name**(Tên kênh) — Nhập tên kênh.
- **Channel privacy**(Bảo mật kênh) — Chọn **Private**(Riêng) hoặc **Public**(Chung).
- **Nickname in channel**(Biệt hiệu trong kênh) — Nhập bí danh của bạn (tối đa 20 ký tự) sẽ được hiển thị trên máy của người kia.
- **Channel thumbnail**(Hình nhỏ của kênh) — Chèn hình mô tả kênh.

Để xóa một kênh, bấm phím xóa.

Khi đăng nhập vào push to talk, push to talk sẽ tự động kết nối với các kênh đang hoạt động vào thời điểm đóng ứng dụng.

Đăng ký các kênh PTT

Để đăng ký một kênh với dịch vụ push to talk, chọn **Options > Register**.

Để chỉnh sửa chi tiết kênh, chọn **Options > Edit**.

Tham gia vào một kênh

Để tham gia vào một kênh, chọn **Options** > **PTT channels**. Chọn kênh bạn muốn nói chuyện, và bấm phím thoại. Nhớ giữ điện thoại phía trước bạn trong suốt cuộc gọi push to talk để bạn có thể nhìn thấy màn hình. Màn hình sẽ thông báo cho bạn khi đến lượt bạn nói chuyện. Hãy nói qua micrô và chú ý không dùng tay che loa lại. Bấm và giữ phím đàm thoại trong suốt thời gian nói chuyện. Khi bạn nói xong, thả phím.

Để chuyển qua lại giữa các kênh trong khi có nhiều cuộc gọi, chọn **Swap**(Hoán đổi). Kênh hoạt động sẽ được đánh dấu sáng.

Để xem các thành viên hiện đang tham gia của một kênh, chọn **Options** > **Active members**.

Để mời một thành viên vào một kênh, chọn **Options** > **Send invitation**.

Nhật ký push to talk

Để mở nhật ký push to talk, chọn **Options** > **PTT log**. Nhật ký sẽ cho biết ngày, giờ, thời lượng, và các chi tiết khác của các cuộc gọi push to talk của bạn.

Thoát khỏi chức năng push to talk

Chọn **Options** > **Exit**. Chọn **Yes**(Có) để thoát và đóng dịch vụ. Bấm **No**(Không) nếu bạn muốn giữ ứng dụng hoạt động ẩn.

Cuộc gọi Internet

Điện thoại của bạn hỗ trợ các cuộc gọi thoại qua Internet (các cuộc gọi Internet) Điện thoại của bạn chủ yếu sẽ tìm cách gọi tới các số điện thoại khẩn cấp sử dụng các mạng di động. Nếu một cuộc gọi khẩn cấp sử dụng các mạng di động không thành công, khi đó điện thoại sẽ tìm cách gọi tới số khẩn cấp sử dụng nhà cung cấp cuộc gọi Internet. Do bản chất của điện thoại di động có uy tín, bạn nên sử dụng mạng di động cho các cuộc gọi khẩn cấp, nếu có thể. Nếu bạn đang ở trong phạm vi phủ sóng của mạng di động, vui lòng đảm bảo rằng điện thoại di động của bạn được bật và sẵn sàng để gọi trước khi thực hiện một cuộc gọi khẩn cấp. Khả năng thực hiện một cuộc gọi khẩn cấp sử dụng điện thoại Internet tùy thuộc vào tính khả dụng của mạng WLAN và việc áp dụng khả năng gọi khẩn cấp của nhà cung cấp cuộc gọi Internet của bạn. Hãy liên hệ với nhà cung cấp cuộc gọi Internet để kiểm tra khả năng gọi số khẩn cấp bằng điện thoại Internet

Công nghệ VoIP (giao thức thoại qua Internet) là bộ giao thức tạo cuộc gọi thoại qua mạng IP, như Internet. Cuộc gọi VoIP có thể được thiết lập giữa máy tính, giữa điện thoại di động, và giữa một thiết bị VoIP và điện thoại thông thường. Ví dụ để tạo và nhận cuộc gọi VoIP, điện thoại phải ở trong vùng phủ sóng mạng WLAN.

Bạn có thực hiện một cuộc gọi Internet từ mọi ứng dụng nơi mà bạn có thể tạo một cuộc gọi thoại thông thường.

Bạn phải xác định cài đặt các giao thức phiên khởi đầu (SIP) trong **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **SIP settings** và cài đặt trong **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Call** và **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Call** > **Connection**. Liên

hệ với nhà cung cấp dịch vụ để có các thông tin và các cài đặt phù hợp.

Cấu hình thường dùng

Chọn **Menu** > **Connect**. > **Internet tel.** để thay đổi cài đặt. Trước khi có thể chọn cấu hình mặc định, bạn phải tạo cấu hình trong **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Internet tel. settings**.

Để chọn cấu hình được dùng mặc định khi bạn thực hiện cuộc gọi Internet, chọn **Preferred profile**(Cấu hình ưu tiên), và bấm phím điều khiển. Di chuyển đến từ bạn cần và bấm phím điều khiển.

Đăng ký các cấu hình

Chỉ các cấu hình mà bạn đã chọn **Registration** > **When needed** cài đặt trong **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Internet tel. settings** được hiển thị trong danh sách.

Để thay đổi đăng ký của các cấu hình điện thoại Internet, di chuyển đến cấu hình bạn muốn đăng ký hoặc hủy đăng ký, và bấm phím điều khiển. Bấm lại phím điều khiển để chọn **Registered**(Đã đăng ký) hoặc **Not registered**(Chưa đăng ký).

Để lưu cài đặt, chọn **Back**(Trở về).

Bảo mật điện thoại

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Security** > **Phone and SIM**.

Bạn có thể chỉnh sửa cài đặt bảo mật cho mã PIN, tự động khóa, và thay đổi thẻ SIM và thay đổi mật mã và mã.

Tránh sử dụng mã truy cập tương tự với các số khẩn cấp để tránh việc tình cờ quay số khẩn cấp.

Các mã được hiển thị dưới dạng dấu sao (*). Khi thay đổi mã, nhập mã hiện thời vào, sau đó nhập mã mới hai lần.

Xác định cài đặt bảo mật

Để xác định cài đặt điện thoại và thẻ SIM, chọn một cài đặt và **Options** > **Change**.

Khi các cuộc gọi bị giới hạn trong các nhóm nội bộ, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp chính thức được lập trình trong điện thoại.

Xác định các cài đặt sau:

- **PIN code request**(Hỏi mã PIN) — Chọn **On**(Bật) để yêu cầu nhập mã PIN mỗi lần bật điện thoại. Cài đặt này không thể thay đổi nếu điện thoại đang tắt. Một số thẻ SIM không cho phép tắt chức năng yêu cầu mã PIN.
- **PIN code**(Mã PIN) — Thay đổi mã PIN. Mã PIN phải có từ 4 đến 8 số. Mã PIN bảo vệ thẻ SIM tránh người khác sử dụng trái phép, mã PIN được cung cấp cùng với thẻ SIM. Sau ba lần liên tiếp nhập sai mã PIN, mã PIN sẽ bị khóa, và bạn cần mở khóa mã PIN trước khi có thể sử dụng lại thẻ SIM.
- **PIN2 code**(Mã PIN2) — Thay đổi mã PIN2. Mã PIN2 phải có từ 4 đến 8 số. Mã PIN2 được yêu cầu để truy cập vào một vài chức năng của điện thoại và được cung cấp cùng thẻ SIM. Sau ba lần liên tiếp nhập sai

- mã PIN2, mã PIN2 sẽ bị khóa, và bạn cần dùng mã PUK2 để mở trước khi có thể sử dụng lại thẻ SIM.
- **Autolock period**(Thời gian tự động khóa) — Bạn có thể cài đặt thời hạn cho chức năng tự khóa, và để sử dụng máy lại bạn cần nhập đúng mã khóa. Nhập vào thời gian nghỉ theo phút hoặc chọn **None**(Không có gì) để tắt chức năng tự động khóa này. Khi điện thoại bị khóa, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.
 - **Lock code**(Mã khóa) — Mã mới có thể gồm 4 đến 256 ký tự. Có thể sử dụng cả chữ và số, và cả chữ thường và chữ hoa. Điện thoại sẽ thông báo cho bạn biết nếu mã khóa bị định dạng sai. Điện thoại nhớ các mã khóa đã được sử dụng trước đó và ngăn không cho bạn sử dụng cùng một mã khóa nhiều lần.
 - **Lock if SIM changed**(Khóa nếu đổi SIM) — Cài điện thoại yêu cầu nhập mã khóa khi có thẻ SIM không rõ nguồn gốc hoặc thẻ mới được lắp vào điện thoại. Điện thoại quản lý một danh sách các thẻ SIM được xem là thẻ của chủ điện thoại.
 - **Allow remote lock**(Cho phép khóa từ xa) — Nếu bạn bật chức năng này, bạn có thể khóa điện thoại bằng cách gửi một tin nhắn xác định trước từ một điện thoại khác. Khi bạn bật chức năng này, bạn cần nhập tin nhắn khóa từ xa và xác nhận tin nhắn đó. Tin nhắn phải có ít nhất 5 ký tự.
 - **Closed user group**(Nhóm nội bộ) (dịch vụ mạng) — Quy định nhóm người mà bạn có thể gọi điện cho họ và họ có thể gọi cho bạn.
 - **Confirm SIM services**(Xác nhận dịch vụ SIM) (dịch vụ mạng) — Cài điện thoại hiển thị các thông báo xác nhận khi bạn đang sử dụng dịch vụ trên thẻ SIM.

Thay đổi mật mã chặn cuộc gọi

Để thay đổi mật mã chặn cuộc gọi sử dụng để chặn các cuộc gọi thoại, fax và dữ liệu, chọn **Menu > Tools > Settings > Call barring > Cellular call barring > Options > Edit barrings passw..** Nhập mã PIN hiện tại vào, sau đó nhập mã mới hai lần. Mật mã chặn cuộc gọi phải gồm bốn ký tự. Để có thêm chi tiết, liên hệ nhà cung cấp dịch vụ.

Gọi số ẩn định

Khi chức năng gọi số ẩn định được kích hoạt, bạn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Chọn **Menu > Contacts > Options > SIM contacts > Fixed dialling contacts.**

Với dịch vụ gọi số ẩn định, bạn có thể hạn chế các cuộc gọi từ điện thoại của bạn đến một vài số điện thoại nhất định khác. Không phải tất cả các loại thẻ SIM hỗ trợ dịch vụ gọi số ẩn định. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để có thêm thông tin.

Chọn **Options**(Tùy chọn) và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Activ. fixed dialling**(Kích hoạt gọi số ẩn định) — Hạn chế cuộc gọi từ điện thoại của bạn. Để hủy dịch vụ, chọn **Deact. fixed dialling**(Ngừng kích hoạt gọi số ẩn định). Bạn cần mã PIN2 để kích hoạt và hủy quay số ẩn định hoặc chỉnh sửa các số liên lạc quay số ẩn định. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ nếu bạn không có mật mã.
- **New SIM contact**(Số liên lạc mới trên SIM) — Thêm số điện thoại vào danh sách các số mà cuộc gọi được

cho phép. Nhập tên và số điện thoại. Để hạn chế cuộc gọi bằng mã quốc gia, nhập mã quốc gia vào **New SIM contact**(Số liên lạc mới trên SIM). Mọi số điện thoại được cho phép nhận cuộc gọi phải bắt đầu với mã quốc gia này.

- **Copy to Contacts**(Sao chép vào Danh bạ) — Sao chép số liên lạc quay ấn định vào **Contacts**(Danh bạ).
- **Add from Contacts**(Thêm vào từ Danh bạ) — Sao chép một số liên lạc từ **Contacts**(Danh bạ) đến danh sách số liên lạc quay ấn định.



Tip: Để gửi các tin nhắn đến một số liên lạc trong thẻ SIM trong khi chế độ cuộc gọi ấn định đang làm việc, bạn cần phải thêm số trung tâm của tin nhắn vào danh sách cuộc gọi ấn định.

Để xem hoặc chỉnh sửa số điện thoại cho phép gọi đến từ máy của bạn, chọn **Options > SIM contacts > Fixed dialling contacts**.

Để gọi cho số liên lạc đó, bấm phím đàm thoại.

Để chỉnh sửa số điện thoại, chọn **Options > Edit**. Bạn có thể cần mã PIN2 để chỉnh sửa các số điện thoại gọi số ấn định.

Để xóa số điện thoại, bấm phím xóa.

Contacts(Danh bạ)

Chọn **Menu** > **Contacts**.

Quản lý tất cả thông tin liên lạc của bạn, ví dụ như số điện thoại và địa chỉ. Thêm một kiểu chuông riêng, khẩu lệnh, hoặc một hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào một số liên lạc. Gửi thông tin liên lạc tới các thiết bị tương thích hoặc nhận thông tin liên lạc dưới dạng danh thiếp từ các thiết bị tương thích, và thêm chúng vào danh sách các số liên lạc.

Để thêm một số điện thoại, chọn **Options** > **New contact**. Nhập thông tin liên lạc, và chọn **Done**(Xong).

Để chỉnh sửa thông tin trong một thẻ liên lạc, di chuyển đến số liên lạc, và chọn **Options** > **Edit**. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

- **Add thumbnail**(Thêm hình nhỏ) — Thêm hình dạng thu nhỏ sẽ hiển thị khi một số liên lạc gọi cho bạn. Trước đó hình phải được lưu vào điện thoại hoặc thẻ nhớ của bạn.
- **Remove thumbnail**(Xóa hình thu nhỏ) — Xóa hình khỏi thẻ liên lạc.
- **Add detail**(Thêm chi tiết) — Các trường thông tin về thẻ liên lạc, như là **Job title**(Chức vụ).
- **Delete detail**(Xóa chi tiết) — Xóa mọi chi tiết bạn đã thêm vào một thẻ liên lạc.
- **Edit label**(Chỉnh sửa nhãn) — Chỉnh sửa các tên trường của thẻ liên lạc.
- **Writing language**(Ngôn ngữ viết) — Chọn ngôn ngữ viết cho thẻ liên lạc.

Quản lý các nhóm liên lạc

Tạo một nhóm liên lạc để bạn có thể gửi tin nhắn văn bản hoặc e-mail tới nhiều người nhận cùng lúc.

1. Di chuyển sang phải, và chọn **Options** > **New group**.
2. Nhập tên cho nhóm hoặc sử dụng tên mặc định, và chọn **OK**.
3. Mở nhóm, và chọn **Options** > **Add members**.
4. Di chuyển đến mỗi số liên lạc bạn muốn thêm vào nhóm, và bấm phím điều khiển để chọn số liên lạc này.
5. Chọn **OK** để thêm tất cả các số liên lạc đã được chọn vào nhóm.

Có các tùy chọn sau khi bạn chọn **Options**(Tùy chọn) trong giao diện nhóm liên lạc.

- **PTT options**(Tùy chọn PTT) — Thực hiện một cuộc gọi push to talk tới một cá nhân hoặc một nhóm, hoặc gửi yêu cầu gọi lại.
- **Open**(Mở) — Mở nhóm liên lạc và xem các thành viên trong nhóm.
- **Create message**(Tạo tin nhắn) — Gửi tin nhắn.
- **New group**(Nhóm mới) — Tạo nhóm liên lạc mới.
- **Delete**(Xóa) — Xóa nhóm liên lạc
- **Rename**(Đổi tên) — Đổi tên nhóm liên lạc
- **Ringtone**(Kiểu chuông) — Gán kiểu chuông cho một nhóm liên lạc

- **Contacts info**(Thông tin liên lạc) — Xem thông tin về một nhóm liên lạc
- **Settings**(Cài đặt) — Thiết lập cài đặt tên hiển thị cho các thành viên của nhóm liên lạc.

Quản lý thông tin mặc định

Gán một số điện thoại hoặc một địa chỉ mặc định cho số liên lạc để bạn có thể dễ dàng gửi tin nhắn tới số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định, ngay cả khi có nhiều số điện thoại hoặc địa chỉ được lưu trong số liên lạc đó.

Để thay đổi thông tin mặc định cho một số liên lạc, mở số liên lạc này, và chọn **Options** > **Defaults**. Chọn số điện thoại hoặc địa chỉ bạn muốn cài làm mặc định, và chọn **OK**.

Số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định được trình bày dưới dạng các chữ gạch dưới trong số liên lạc.

Sao chép các số liên lạc giữa thẻ SIM và bộ nhớ điện thoại

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Để sao chép số liên lạc từ một thẻ SIM vào bộ nhớ điện thoại, chọn **Options** > **SIM contacts** > **SIM directory** để mở thư mục thẻ SIM. Chọn những số liên lạc bạn muốn sao chép, hoặc chọn **Mark all**(Đánh dấu tất cả) để sao

chép tất cả các số liên lạc. Chọn **Options** > **Copy to Contacts**.

Để sao chép số liên lạc từ bộ nhớ điện thoại vào thẻ SIM, chọn **Options** > **Copy to SIM direct..** Chọn những số liên lạc bạn muốn sao chép, hoặc chọn **Mark all**(Đánh dấu tất cả) để sao chép tất cả các số liên lạc. Chọn **Options** > **Copy to SIM direct..**

Chọn **Options** > **SIM contacts** > **SIM directory** để xem tên và các số điện thoại được lưu trong thẻ SIM. Trong thư mục thẻ SIM bạn có thể thêm, chỉnh sửa, hoặc sao chép các số điện thoại vào **Contacts**(Danh bạ), và có thể thực hiện các cuộc gọi.

Chọn nhạc chuông cho các số liên lạc

Chọn một kiểu chuông cho số liên lạc hoặc nhóm liên lạc. Nếu số điện thoại của người gọi được gửi cùng với cuộc gọi và điện thoại của bạn nhận ra số này, kiểu chuông này sẽ được phát khi số liên lạc này gọi cho bạn.

Để chọn một kiểu chuông cho một số liên lạc hoặc nhóm liên lạc, mở số liên lạc hoặc nhóm liên lạc, và chọn **Options** > **Ringtone**. Danh sách các kiểu chuông sẽ mở ra. Chọn kiểu chuông bạn muốn sử dụng, và chọn **OK**.

Để xóa kiểu chuông, chọn **Default tone**(Âm mặc định) trong danh sách các kiểu chuông.

Danh thiếp

Chọn **Menu** > **Contacts**.

Bạn có thể gửi, nhận, xem và lưu trữ các thẻ thông tin kiểu vCard hoặc Danh thiếp Nokia thu gọn.

Bạn có thể gửi danh thiếp đến các điện thoại tương thích dùng SMS, MMS, email hoặc dùng cổng hồng ngoại hoặc kết nối Bluetooth.

Để gửi danh thiếp, chọn thẻ liên lạc từ danh sách liên lạc và chọn **Options** > **Send**. Chọn **Via text message**(Dưới dạng tin nhắn văn bản), **Via multimedia**(Qua tin nhắn đa phương tiện), **Via e-mail**(Qua e-mail), **Via Bluetooth**(Qua Bluetooth), hoặc **Via infrared**(Qua cổng hồng ngoại). Nhập số điện thoại hoặc địa chỉ hoặc thêm một mục từ danh sách liên lạc. Chọn **Options** > **Send**. Nếu bạn chọn kiểu SMS là phương thức gửi, thẻ liên lạc sẽ được gửi không kèm hình ảnh.

Để xem một danh thiếp vừa nhận, chọn **Open**(Mở) từ thông báo hiển thị, hoặc mở tin nhắn từ thư mục hộp thư đến **Messag.**(Tin nhắn).

Để lưu trữ danh thiếp, chọn **Options** > **Save business card** khi tin nhắn đến hiển thị trên điện thoại.

Để lưu trữ danh thiếp vừa nhận, chọn **Options** > **Save business card**.

Để xoá một danh thiếp vừa nhận, chọn **Options** > **Delete**.

Tin nhắn

Chọn **Menu** > **Messag..**

Trước khi gửi hoặc nhận tin nhắn, bạn cần thực hiện như sau:

- Đưa một thẻ SIM vào điện thoại và ở trong vùng phủ sóng của một mạng điện thoại di động.
- Xác nhận rằng mạng hỗ trợ các tính năng nhắn tin bạn muốn dùng và rằng các tính năng này đã được kích hoạt trên thẻ SIM.
- Xác định cài đặt điểm truy cập Internet (IAP) trong điện thoại. See "Điểm truy cập," p. 88.
- Xác định một cài đặt tài khoản e-mail trên điện thoại. See "Cài đặt tài khoản e-mail," p. 49.
- Xác định cài đặt SMS trên điện thoại. See "Cài đặt tin nhắn," p. 41.
- Xác định cài đặt SMS trên điện thoại. See "Cài đặt tin nhắn đa phương tiện," p. 45.

Điện thoại có thể nhận dạng nhà cung cấp thẻ SIM và tự động định cấu hình một số cài đặt tin nhắn. Nếu không, bạn có thể cần xác định cài đặt bằng tay, hoặc liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ Internet để định cấu hình các cài đặt.

Ứng dụng **Messag.** (Tin nhắn) hiển thị mỗi loại thư mục tin nhắn trong danh sách cấu hình với tin nhắn mới nhất hiển thị trong mỗi thư mục.

Chọn một trong các:

- **New message** (Tin nhắn mới) — Tạo và gửi tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, hoặc tin nhắn e-mail.
- **Inbox** (Hộp thư đến) — Chứa các tin nhắn đã nhận ngoại trừ e-mail và các tin nhắn quảng bá.
- **My folders** (Thư mục riêng) — Tạo thư mục của bạn để lưu tin nhắn và các mẫu.
- **Mailbox** (Hộp thư) — Đọc và trả lời e-mail
- **Drafts** (Nháp) — Lưu các tin nhắn nháp chưa được gửi đi.
- **Sent** (Đã gửi) — Lưu các tin nhắn nháp chưa được gửi đi.
- **Outbox** (Hộp thư đi) — Xem các tin nhắn chờ để gửi.
- **Reports** (Báo cáo) — Xem thông tin về tình trạng gửi của các tin nhắn.

Tổ chức tin nhắn

Để tạo thư mục tổ chức các tin nhắn, chọn **My folders** > **Options** > **New folder**. Nhập tên vào thư mục, và chọn **OK**.

Để đổi tên một thư mục, chọn thư mục và chọn **Options** > **Rename folder**. Nhập tên thư mục mới, và chọn **OK**. Bạn chỉ có thể sửa tên thư mục mà bạn đã viết.

Để chuyển một tin nhắn đến một thư mục khác, mở tin nhắn, và chọn **Options** > **Move to folder**, chọn thư mục, và chọn **OK**.

Để sắp xếp tin nhắn trong một thư mục cụ thể, chọn **Options** > **Sort by**. Bạn có thể sắp xếp các tin nhắn bằng **Date**(Ngày), **Sender**(Người gửi), **Subject**(Chủ đề), hoặc **Message type**(Loại tin nhắn).

Tìm tin nhắn

Để tìm một tin nhắn, mở thư mục bạn muốn tìm, chọn **Options** > **Find**. Nhập cụm từ cần tìm vào, và chọn **OK**.

Cài đặt nhắn tin

Chọn **Options** > **Settings**.

Để xác định hoặc chỉnh sửa cài đặt cho các kiểu tin nhắn khác nhau, chọn **Text message**(, **Multimedia message**(Tin nhắn đa phương tiện), **E-mail**, **Service message**(, **Cell broadcast**(Tin nhắn quảng bá), hoặc **Other**(Khác).

See "Cài đặt tin nhắn," p. 41.

See "Cài đặt tin nhắn đa phương tiện," p. 45.

See "Cài đặt tài khoản e-mail," p. 49.

Cài đặt khác

Chọn **Menu** > **Messag.** > **Options** > **Settings** > **Other**.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Save sent messages**(Lưu tin nhắn đã gửi) — Chọn có hoặc không lưu tin nhắn trong thư mục **Sent**(Đã gửi).
- **No. of saved msgs.**(Số lượng tin nhắn đã lưu) — Nhập số tin nhắn đã gửi mà bạn muốn lưu. Khi đã đạt giới hạn đó, tin nhắn cũ nhất sẽ bị xóa.

- **Memory in use**(Chọn bộ nhớ) — Chọn có hoặc không lưu các tin nhắn đã nhận. Bạn có thể lưu các tin nhắn vào thẻ nhớ chỉ khi có thẻ nhớ trong máy.
- **New e-mail alerts**(Các thông báo e-mail mới) — Chọn có hoặc không muốn được báo khi tin nhắn mới đã tới hộp thư của bạn.
- **Active standby mode**(Chế độ active standby) — Chọn thư mục tin nhắn (ví dụ, hộp thư đến của bạn hoặc tài khoản e-mail) mà bạn muốn xem trong chế độ active standby.
- **Folder view**(Giao diện thư mục) — Xác định cách bạn muốn hiển thị tin nhắn trong hộp thư đến.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể khác nhau.

Tin nhắn văn bản

Điện thoại hỗ trợ việc gửi tin nhắn văn bản không quá giới hạn ký tự của một tin nhắn đơn. Các tin nhắn dài hơn sẽ được gửi dưới dạng một chuỗi gồm hai hoặc nhiều tin nhắn. Nhà cung cấp dịch vụ có thể tính phí. Các ký tự sử dụng dấu trọng âm hoặc các ký hiệu khác và các ký tự trong một số tùy chọn ngôn ngữ như Tiếng Hoa, sẽ vượt quá số ký tự tối đa có thể được gửi trong một tin nhắn đơn.

Soạn và gửi tin nhắn

Chọn **Menu** > **Messag.** > **New message** > **Text message**.

1. Trong trường **To**(Tới), bấm phím điều khiển để chọn những người nhận trong **Contacts**(Danh bạ), hoặc nhập số điện thoại di động của những người nhận vào theo cách thủ công. Nếu bạn nhập nhiều số điện

- thoại, tách biệt các số điện thoại bằng dấu chấm phẩy. Để chèn một dấu chấm phẩy, bấm *.
- Nhập nội dung tin nhắn vào Để sử dụng mẫu, chọn **Options > Insert > Template**.
 - Chọn **Options > Send** để gửi tin nhắn.



Note: Khi gửi tin nhắn, điện thoại sẽ hiển thị thông báo Đã gửi tin nhắn. Thông báo này cho biết điện thoại đã gửi tin nhắn đến số trung tâm nhắn tin được lập trình trong điện thoại. Điều này không cho biết nơi dự định gửi đến đã nhận được tin nhắn hay chưa. Để biết thêm chi tiết về dịch vụ tin nhắn, xin kiểm tra với nhà cung cấp dịch vụ.

Trả lời tin nhắn văn bản đã nhận

Để trả lời một tin nhắn văn bản, mở tin nhắn này ra từ **Inbox**(Hộp thư đến). Chọn **Options > Reply**. Nhập nội dung tin nhắn vào, và chọn **Options > Send**.

Để gọi cho người gửi tin nhắn văn bản, mở tin nhắn này ra từ **Inbox**(Hộp thư đến), và chọn **Options > Call**.

Xem tin văn bản nhắn trên thẻ SIM

Tin nhắn văn bản có thể được lưu trong thẻ SIM. Trước khi bạn có thể xem các tin nhắn trong thẻ SIM, bạn cần phải sao chép các tin nhắn này vào một thư mục trong điện thoại. Sau khi sao chép các tin nhắn này vào một thư mục, bạn có thể xem chung trong thư mục này hoặc xóa chúng khỏi thẻ SIM.

Chọn **Options > SIM messages**.

- Chọn **Options > Mark/Unmark > Mark** hoặc **Mark all** (Đánh dấu tất cả) để chọn tất cả các tin nhắn.
- Chọn **Options > Copy**.
- Chọn một thư mục và chọn **OK** để bắt đầu sao chép.

Để xem các tin nhắn trên thẻ SIM, mở thư mục đã được sao chép tin nhắn sang, và mở một tin nhắn.

Để xóa một tin nhắn văn bản khỏi thẻ SIM, chọn tin nhắn đó, và bấm phím xóa.

Cài đặt tin nhắn

Chọn **Options > Settings > Text msg..**

Xác định:

- Message centres**(Trung tâm nhắn tin) — Xem các trung tâm nhắn tin hiện có trong điện thoại.
- Msg. centre in use**(Trung tâm nhắn tin đang sử dụng) — Chọn một trung tâm nhắn tin để gửi tin nhắn.
- Character encoding**(Mã hóa ký tự) — Chọn **Reduced support**(Hỗ trợ giới hạn) để sử dụng chuyển đổi ký tự sang một hệ thống mã hóa khác, nếu có.
- Receive report**(Nhận báo cáo) — Chọn **Yes**(Có) nếu bạn muốn mạng gửi hoặc không gửi báo cáo kết quả về tin nhắn của bạn (dịch vụ mạng).
- Message validity**(Thời hạn lưu tin) — Chọn thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.
- Message sent as**(Tin nhắn được gửi dưới dạng) — Chuyển đổi tin nhắn sang định dạng khác,

như là **Text**(Văn bản), **Fax**, **Paging**(Nhắn tin) hoặc **E-mail**. Chỉ thay đổi tùy chọn này khi bạn chắc chắn rằng trung tâm nhắn tin có thể chuyển đổi tin nhắn văn bản thành các định dạng khác. Liên hệ với nhà điều hành mạng.

- **Preferred conn.**(Kết nối ưu tiên) — Chọn cách kết nối ưu tiên khi gửi tin nhắn văn bản từ điện thoại.
- **Reply via same ctr.**(Trả lời qua cùng trung tâm nhắn tin) — Chọn nếu bạn muốn trả lời tin nhắn sử dụng cùng số trung tâm dịch vụ nhắn tin văn bản (dịch vụ mạng).

Tin nhắn hình



Note: Chức năng tin nhắn hình chỉ có thể được sử dụng nếu được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ. Chỉ những điện thoại có hỗ trợ chức năng tin nhắn hình mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn hình.

Chọn **Menu** > **Message**..

Để xem tin nhắn hình, mở tin nhắn từ thư mục **Inbox** (Hộp thư đến).

Chuyển tiếp tin nhắn hình

Bảo vệ bản quyền sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa, chuyển hoặc chuyển tiếp một số hình ảnh, kiểu chuông hoặc các nội dung khác.

1. Trong **Inbox**(Hộp thư đến), mở một tin nhắn hình và chọn **Options** > **Forward**.
2. Trong trường **To**(Tới), nhập số người nhận, hoặc bấm phím điều khiển để thêm người nhận từ

Contacts(Danh bạ). Nếu bạn nhập nhiều số điện thoại, tách biệt các số điện thoại bằng dấu chấm phẩy. Để chèn một dấu chấm phẩy, bấm *.

3. Nhập văn bản vào tin nhắn của bạn. Văn bản có thể chứa đến 120 ký tự. Để dùng một mẫu, chọn **Options** > **Insert** > **Template**.
4. Để gửi tin nhắn, bấm phím điều khiển.



Tip: Để gỡ bỏ hình ảnh từ tin nhắn, chọn **Options** > **Remove picture**.

Tin nhắn đa phương tiện

Một tin nhắn đa phương tiện (MMS) có thể có văn bản và các đối tượng như hình ảnh, đoạn âm thanh, hoặc video clip.



Note: Chỉ những thiết bị có các tính năng tương thích mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn đa phương tiện. Hình thức của tin nhắn có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Trước khi bạn có thể gửi và nhận tin nhắn đa phương tiện vào điện thoại, bạn phải xác định cài đặt tin nhắn đa phương tiện. Điện thoại có thể nhận thẻ SIM của nhà cung cấp và có thể tự động định cấu hình cài đặt của tin nhắn đa phương tiện. Nếu không, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. See "Cài đặt tin nhắn đa phương tiện," p. 45.

Tạo và gửi tin nhắn đa phương diện

Cài đặt mặt định của tin nhắn đa phương tiện thông thường là bật.

Chọn **New message** > **Multimedia message**.

Bảo vệ bản quyền sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa, chuyển hoặc chuyển tiếp một số hình ảnh, kiểu chuông hoặc các nội dung khác.

1. Trong trường **To**(Tới), bấm phím điều khiển để chọn người nhận từ **Contacts**(Danh bạ), hoặc nhập số điện thoại của người nhận hoặc địa chỉ email bằng tay.
2. Trong trường **Subject**(Chủ đề), nhập một nội dung cho tin nhắn. Để thay đổi các trường bạn nhìn thấy, chọn **Options** > **Address fields**.
3. Nhập nội dung văn bản của tin nhắn, và chọn **Options** > **Insert object** để thêm các nội dung media. Bạn có thể thêm các nội dung như **Image**(Hình ảnh), **Sound clip**(Đoạn âm thanh), hoặc **Video clip**(Đoạn phim).
Mạng vô tuyến có thể giới hạn kích thước của tin nhắn MMS. Nếu hình được chèn vào vượt quá giới hạn này, điện thoại có thể giảm hình này xuống nhỏ hơn để có thể gửi qua tin nhắn MMS.
4. Mỗi trang của tin nhắn có thể chỉ có một đoạn video hoặc âm thanh. Để thêm các trang khác vào tin nhắn, chọn **Options** > **Insert new** > **Slide**. Để thay đổi thứ tự của các slide trong tin nhắn, chọn **Options** > **Move**.
5. Để xem trước một tin nhắn văn bản trước khi gửi đi, chọn **Options** > **Preview**.

6. Bấm phím điều khiển để gửi tin nhắn đa phương diện.

Tạo bài giới thiệu

Chọn **New message** > **Multimedia message**.

1. Trong trường **To**(Tới), bấm phím điều khiển để chọn người nhận từ **Contacts**(Danh bạ), hoặc nhập số điện thoại của người nhận hoặc địa chỉ email bằng tay.
2. Chọn **Options** > **Create presentation** và mẫu thuyết trình.



Tip: Một mẫu có thể xác định nội dung media nào bạn có thể bao gồm trong bài thuyết trình, thời điểm xuất hiện, và loại hiệu ứng được hiển thị giữa hình ảnh và các trang.

3. Di chuyển đến khu vực văn bản và nhập văn bản.
4. Để chèn hình ảnh, âm thanh, video hoặc ghi chú trong bài giới thiệu, di chuyển đến khu vực tương ứng và chọn **Options** > **Insert**.



Tip: Để chuyển giữa các khu vực nội dung, di chuyển lên hoặc xuống.

5. Để thêm một slide, chọn **Insert** > **New slide**.
6. Chọn **Options**(Tùy chọn) và chọn một trong các tùy chọn sau:
 - **Preview**(Xem trước) — Xem bài giới thiệu ra sao khi nó được mở ra. Bài giới thiệu đa phương diện có thể chỉ được xem bởi các thiết bị tương thích có hỗ trợ. Chúng có thể xuất hiện khác nhau trong các thiết bị khác nhau.

- **Backgrnd. settings**(Cài đặt nền) — Chọn màu nền cho bài giới thiệu và hình nền cho các slide khác nhau.
- **Effect settings**(Cài đặt hiệu ứng) — Chọn hiệu ứng giữa hình ảnh và slide.

Không thể tạo bài giới thiệu đa phương diện nếu **MMS creation mode**(Chế độ tạo MMS) bị **Restricted**(Bị hạn chế). Để thay đổi **MMS creation mode**(Chế độ tạo MMS), chọn **Message** > **Options** > **Settings** > **Multimedia message**.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Để gửi bài giới thiệu, bấm phím gọi.



Tip: Để lưu tin nhắn trong **Drafts**(Nháp) mà không gửi đi, chọn **Done**(Xong).

Nhận và trả lời tin nhắn đa phương diện



Important: Tin nhắn đa phương tiện có thể chứa vi rút hay các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC. Không mở bất kỳ file đính kèm nào nếu bạn không bảo đảm độ tin cậy của người gửi.

Trước khi bạn có thể gửi và nhận tin nhắn đa phương diện vào điện thoại, bạn phải xác định cài đặt tin nhắn đa phương diện. Điện thoại có thể nhận thẻ SIM của nhà cung cấp và có thể tự động định cấu hình cài đặt của tin nhắn đa phương diện. Nếu không, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. See "Cài đặt tin nhắn đa phương tiện," p. 45.

Nếu bạn nhận tin nhắn đa phương diện có chứa các nội dung không được hỗ trợ bởi điện thoại của bạn, bạn không thể mở chúng.

1. Để trả lời một tin nhắn đa phương, mở tin nhắn đó từ **Inbox**(Hộp thư đến), và chọn **Options** > **Reply**.
2. Chọn **Options** > **To sender** để trả lời người gửi với một tin nhắn đa phương diện hoặc **Options** > **Via text message** để trả lời người gửi với một tin nhắn văn bản.
3. Nhập phần văn bản của tin nhắn, và bấm phím điều khiển để gửi.

Xem tập tin thuyết trình

Mở **Inbox**(Hộp thư đến), di chuyển đến một tin nhắn đa phương diện có chứa bài thuyết trình và bấm phím điều khiển. Di chuyển đến bài thuyết trình và bấm phím điều khiển.

Để tạm ngừng bài thuyết trình, bấm một trong các phím chọn phía dưới màn hình.

Sau khi tạm ngừng hoặc đã chạy hết, chọn **Options**(Tùy chọn) và từ các tùy chọn sau:

- **Open link**(Mở liên kết) — Mở một liên kết Web và truy cập trang Web.
- **Activate scrolling**(Kích hoạt cuộn) — Văn bản hoặc hình ảnh quá to để có thể vừa vào màn hình.
- **Continue**(Tiếp tục) — Tiếp tục chạy bài thuyết trình.
- **Play**(Phát) — Chạy lại bài thuyết trình từ đầu.
- **Find**(Tìm) — Tìm số điện thoại và email hoặc địa chỉ Web mà bài thuyết trình có thể có chứa. Bạn có thể dùng các số và địa chỉ này để ví dụ như gọi điện, gửi tin nhắn hoặc tạo các chỉ mục.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Xem nội dung media

Mở **Inbox**(Hộp thư đến), di chuyển đến tin nhắn đa phương diện nhận được và bấm phím điều khiển. Chọn **Options** > **Objects**.

Để xem hoặc chơi một nội dung, di chuyển đến, và bấm phím điều khiển.

Nội dung media và các tập tin đính kèm tin nhắn có thể có chứa virus hoặc các phần mềm có hại. Không mở bất kỳ nội dung hoặc tập tin đính kèm nào nếu bạn không bảo đảm độ tin cậy của người gửi.

Để lưu nội dung media trong ứng dụng tương ứng, di chuyển đến nội dung đó và chọn **Options** > **Save**.

Để gửi một nội dung media đến một thiết bị tương thích, di chuyển đến đó và chọn **Options** > **Send**.



Tip: Nếu bạn nhận các tin nhắn đa phương diện có chứa các nội dung media mà điện thoại của bạn không mở được, bạn có thể gửi những nội dung này đến một thiết bị khác như máy tính.

Cài đặt tin nhắn đa phương diện

Chọn **Options** > **Settings** > **Multimedia message**.

Xác định các cài đặt sau:

- **Image size**(Kích cỡ hình) — Chọn **Small**(Nhỏ) hoặc **Large**(Lớn) để định cỡ hình ảnh trong tin nhắn đa phương diện. Chọn **Original**(Gốc) để duy trì kích thước nguyên thủy của tin nhắn đa phương diện.

- **MMS creation mode**(Chế độ tạo MMS) — Chọn **Restricted**(Bị hạn chế) để bảo vệ điện thoại của bạn khỏi việc bao gồm cả nội dung tin nhắn đa phương diện mà không được hỗ trợ bởi mạng hoặc bởi thiết bị nhận khác. Để nhận cảnh báo về việc bao gồm các nội dung đó, chọn **Guided**(Được hướng dẫn). Để tạo tin nhắn đa phương diện không có hạn chế về kiểu đính kèm, chọn **Free**(Bộ nhớ còn trống). Nếu bạn chọn **Restricted**(Bị hạn chế), thì không thể tạo thuyết trình tin nhắn đa phương diện.
- **Access point in use**(Điểm truy cập đang sử dụng) — Chọn điểm truy cập mặc định để kết nối đến trung tâm nhắn tin đa phương diện. Bạn có thể không thay đổi được điểm truy cập mặc định nếu nó được đặt trước bởi nhà cung cấp dịch vụ.
- **Multimedia retrieval**(Nhận nội dung đa phương tiện) — Chọn **Always automatic**(Luôn tự động) để luôn nhận tự động các tin nhắn đa phương diện, **Aut. in home network**(Tự động trong mạng chủ) để nhận thông báo về tin nhắn đa phương diện mới mà bạn có thể tải từ trung tâm nhắn tin (ví dụ, khi bạn đang du lịch nước ngoài và không ở trong vùng phủ sóng của mạng), **Manual**(Thủ công) để tải tin nhắn đa phương diện từ trung tâm nhắn tin bằng tay, hoặc **Off**(Tắt) để ngăn việc nhận bất kỳ tin nhắn đa phương diện nào.
- **Allow anon. msgs.**(Cho phép tin nhắn ẩn danh) — Chọn nếu bạn có hoặc không muốn nhận tin nhắn từ người gửi lạ.
- **Receive adverts**(Nhận tin nhắn quảng cáo) — Chọn nếu bạn muốn có hoặc không nhận tin nhắn được xác định là quảng cáo.
- **Receive report**(Nhận báo cáo) — Chọn **Yes**(Có) để hiển thị tình trạng gửi của tin nhắn trong nhật ký (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo

- đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.
- **Deny report sending**(Từ chối gửi báo cáo) — Chọn **Yes**(Có) để không gửi thông báo gửi tin từ điện thoại của bạn khi nhận tin nhắn đa phương tiện.
 - **Message validity**(Thời hạn lưu tin) — Chọn khoảng thời gian mà trung tâm tin nhắn cố gắng gửi tin nhắn (dịch vụ mạng). Nếu người nhận không nhận được tin nhắn trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin đa phương tiện.
- Maximum time**(Thời gian tối đa) là khoảng thời gian hiệu lực được phép tối đa trong mạng của tin nhắn.

E-mail

Để nhận và gửi thư, bạn phải có một dịch vụ hộp thư từ xa. Dịch vụ này có thể được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ Internet, nhà cung cấp dịch vụ mạng hoặc nơi bạn làm việc. Điện thoại của bạn tuân thủ theo các chuẩn Internet SMTP, IMAP4 (revision 1), và POP3, và các giải pháp e-mail phát rộng khác nhau. Các nhà cung cấp dịch vụ e-mail khác có thể cung cấp các dịch vụ với các thông số cài đặt hoặc tính năng khác với những thông số và tính năng được mô tả trong hướng dẫn sử dụng này. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ e-mail hoặc nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm chi tiết.

Trước khi có thể gửi, nhận, tải về, hồi âm, và gửi chuyển tiếp e-mail, bạn cần phải thực hiện các thao tác sau:

- Cấu hình điểm Truy cập Internet (IAP). See "Điểm truy cập," p. 88.
- Cài đặt một tài khoản e-mail, và xác định đúng các cài đặt e-mail. See "Cài đặt tài khoản e-mail," p. 49.

Thực hiện theo các hướng dẫn nhận được từ hộp thư từ xa và nhà cung cấp dịch vụ Internet. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ và mạng hoặc nhà điều hành để có các cài đặt đúng.

Cài đặt e-mail

Nếu bạn chọn **Mailbox**(Hộp thư) và chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Để bắt đầu tạo cài đặt email bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Yes**(Có).

1. Để bắt đầu cài đặt e-mail, chọn **Start**(Bắt đầu)
2. Trong **Mailbox type**(Loại hộp thư), chọn **IMAP4** hoặc **POP3**, và chọn **Next**(Kế tiếp).



Tip: POP3 là phiên bản của giao thức bưu điện được dùng để lưu và tải lại thư hoặc tin nhắn từ internet. IMAP4 là phiên bản của giao thức tin nhắn Internet truy cập cho phép bạn truy cập trong khi các tin nhắn vẫn còn trên máy chủ e-mail. Bạn có thể sau đó chọn tin nhắn nào để tải xuống điện thoại.

3. Trong **My e-mail address**(Địa chỉ e-mail riêng), Nhập địa chỉ e-mail của bạn. Để nhập ký tự **@** hoặc các ký tự đặc biệt khác, bấm phím *****. Để chèn một dấu chấm, bấm phím **1**. Chọn **Next**(Kế tiếp).
4. Trong **Incoming mail serv.**(Server thư đến), nhập tên của máy chủ từ xa nhận thư của bạn, và chọn **Next**(Kế tiếp).
5. Trong **Outgoing mail serv.**(Server thư đi), nhập tên của máy chủ từ xa nhận thư của bạn, và chọn **Next**(Kế tiếp). Tùy thuộc vào nhà điều hành di động, bạn

có thể phải sử dụng server thư đi của nhà điều hành mạng thay vì của nhà cung cấp dịch vụ e-mail.

- Trong **Access point**(Điểm truy cập), chọn điểm truy cập Internet mà điện thoại của bạn dùng khi tải e-mail. Nếu bạn chọn **Always ask**(Luôn hỏi), mỗi lần điện thoại bắt đầu tải e-mail, điện thoại sẽ hỏi điểm truy cập nào nên dùng, nhưng nếu bạn chọn một điểm truy cập, điện thoại sẽ tự động kết nối. Chọn **Next**(Kế tiếp).



Tip: Nếu bạn chọn **Select group**(Chọn nhóm), điện thoại tự động kết nối dùng điểm truy cập tốt nhất khả dụng từ nhóm các điểm truy cập. Chọn nhóm điểm truy cập, và **Back**(Trở về) để lưu lựa chọn.

- Nhập tên cho hộp thư mới, và chọn **Finish**(Kết thúc).

Khi bạn tạo hộp thư mới, tên mà bạn đặt cho hộp thư sẽ thay thế **Mailbox**(Hộp thư)Mailbox**Message**.(Tin nhắn) trong giao diện chính. Bạn có thể tạo tối đa sáu hộp thư.

Chọn hộp thư mặc định

Nếu bạn đã xác định nhiều hộp thư, bạn có thể chọn một trong số những hộp thư này làm hộp thư mặc định. Để xác định hộp thư mặc định, chọn **Options** > **Settings** > **E-mail** > **Mailbox in use** và chọn hộp thư.

Nếu bạn đã xác định nhiều hộp thư, bạn phải chọn hộp thư bạn muốn sử dụng mỗi lần bắt đầu soạn tin nhắn e-mail mới.

Kết nối đến hộp thư

E-mail được gửi đến bạn không tự động được nhận bởi điện thoại, mà bởi hộp thư từ xa của bạn. Để đọc e-mail, bạn phải trước tiên kết nối đến hộp thư từ xa; sau đó

chọn e-mail bạn muốn tải về điện thoại. Để nhận và gửi e-mail, bạn cần đăng ký một dịch vụ e-mail. Để cài đặt một hộp thư cho điện thoại, chọn **Message** > **Options** > **Settings** > **E-mail** > **Options** > **New mailbox**. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Để tải email nhận được về điện thoại và xem chúng khi không kết nối, chọn hộp thư của bạn trong giao diện chính **Message**.(Tin nhắn). Khi điện thoại hỏi **Connect to mailbox?**(Kết nối vào hộp thư?), chọn **Yes**(Có).

Để xem email trong thư mục, di chuyển đến thư mục đó, và bấm phím điều khiển. Di chuyển đến tin nhắn này và bấm phím điều khiển.

Để tải email về điện thoại, chọn **Options** > **Retrieve e-mail** > **New** để tải tin nhắn mới mà bạn chưa đọc hoặc chưa tải về, **Selected**(Đã chọn) để tải về chỉ các tin nhắn bạn chọn từ hộp thư từ xa, hoặc **All**(Tất cả) để tải về mọi tin nhắn mà trước đó chưa tải.

Để ngắt kết nối từ hộp thư từ xa, chọn **Options** > **Disconnect**.

Xem e-mail khi không kết nối

Làm việc khi ở trạng thái không trực tuyến có nghĩa là điện thoại không được kết nối với hộp thư từ xa. Quản lý các email offline cho phép bạn giảm chi phí kết nối và làm việc trong điều kiện không cho phép kết nối dữ liệu. Mọi thay đổi bạn lập trong thư mục hộp thư từ xa trong khi offline sẽ có tác dụng trong hộp thư từ xa trong lần kết nối và đồng bộ tiếp theo của bạn. Ví dụ, nếu bạn xóa email từ điện thoại khi đang offline, email sẽ được xóa tại hộp thư từ xa trong lần kết nối sau đó vào hộp thư.

1. Chọn **Message** > **Options** > **Settings** > **E-mail**. Chọn tài khoản e-mail, và bấm phím điều khiển. Chọn **Retrieval settings** > **E-mail to retrieve** > **Msgs. & attaches**, để tải toàn bộ các thư cùng với các phần đính kèm về điện thoại.
2. Mở hộp thư ra, và chọn **Options** > **Retrieve e-mail**. Chọn **New**(Mới) để tải về các thư mới mà bạn chưa đọc và chưa tải về, chọn **Selected**(Đã chọn) để tải về những thư bạn chọn từ hộp thư từ xa, hoặc chọn **All** (Tất cả) để tải về tất cả những thư chưa được tải về trước đó. Điện thoại sẽ chuyển sang trạng thái trực tuyến và kết nối vào hộp thư để tải thư về.
3. Sau khi tải xong e-mail, chọn **Options** > **Disconnect** để trở về chế độ không trực tuyến.
4. Để xem một email, di chuyển đến tin nhắn, và bấm phím điều khiển.

Một vài tùy chọn yêu cầu bạn kết nối đến hộp thư từ xa.



Tip: Để truy cập đến các thư mục khác trong hộp thư từ xa, chọn **E-mail settings** > **Retrieval settings** > **Folder subscriptions**. Email trong mọi thư mục được truy cập sẽ được cập nhật khi bạn tải email từ hộp thư từ xa.

Đọc và trả lời e-mail



Important: E-mail có thể chứa vi rút hay các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC. Không mở file đính kèm nếu bạn không chắc độ tin cậy của người gửi

Để đọc một tin email được, di chuyển đến email, và bấm phím điều khiển.

Để tìm một e-mail trong hộp thư của bạn, chọn **Options** > **Find**. Nhập cụm từ cần tìm vào, và chọn **OK**.

Để mở một tập tin đính kèm, chọn **Options** > **Attachments**. Di chuyển đến tập tin đính kèm này và bấm phím điều khiển.

Để chỉ trả lời người gửi e-mail, mở e-mail và chọn **Options** > **Reply** > **To sender**.

Để trả lời tất cả những người nhận, mở e-mail và chọn **Options** > **Reply** > **To all**.

Để xoá tập tin đính kèm từ một email mà bạn đang gửi, chọn tập tin đó và **Options** > **Attachments** > **Remove**.



Tip: Nếu bạn trả lời một email có chứa tập tin đính kèm, tập tin đó không xuất hiện trong email trả lời. Nếu bạn chuyển tiếp email nhận được, tập tin đính kèm sẽ được kèm theo.

Để cài mức độ ưu tiên cho thư, chọn **Options** > **Sending options** > **Priority** và chọn một trong những tùy chọn khả dụng.

Để gọi cho người gửi e-mail, mở e-mail ra, và chọn **Options** > **Call**.

Để trả lời người gửi e-mail bằng một tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện, mở e-mail, và chọn **Options** > **Create message**.

Để chuyển tiếp một e-mail, mở email đó và chọn **Options** > **Forward**.

Xóa tin nhắn

Để tạo thêm khoảng trống trong bộ nhớ điện thoại, thường xuyên xóa các tin nhắn từ thư mục **Inbox** (Hộp thư đến) và **Sent** (Đã gửi), và xóa email tải về.

Để xóa một tin nhắn, di chuyển đến tin nhắn đó và bấm phím xóa.

Bạn có thể chọn xóa email nội bộ trong điện thoại và giữ bản gốc trong server, hoặc bạn có thể xóa cả hai.

Để xóa email từ điện thoại, chọn **Options** > **Delete** > **Phone only**.

Để xóa email từ cả điện thoại và server từ xa, mở email và chọn **Options** > **Delete** > **Phone and server**.

Các thư mục e-mail

Nếu bạn tạo các thư mục con trong hộp thư IMAP4 trên server từ xa, bạn có thể xem và quản lý các thư mục này bằng điện thoại. Bạn chỉ có thể đăng ký đến các thư mục trong các hộp thư IMAP4. Đăng ký đến thư mục trong hộp thư từ xa cho phép bạn xem các thư mục đó trên điện thoại.

Để xem thư mục trong hộp thư, thiết lập một kết nối và chọn **Options** > **E-mail sett.** > **Retrieval settings** > **Folder subscriptions**.

Để xem thư mục từ xa, chọn thư mục và **Options** > **Subscribe**. Mỗi lần bạn hoà mạng, thư mục đăng ký sẽ được cập nhật. Thao tác này có thể cần một chút thời gian nếu thư mục kích thước lớn.

Để cập nhật danh sách thư mục, cho thư mục và **Options** > **Update folder list**.

Viết và gửi e-mail

Để viết một email, chọn **Options** > **Add recipient** để chọn địa chỉ email người nhận từ danh sách liên lạc, hoặc nhập địa chỉ email trong trường **To** (Tới). Dùng dấu chấm phẩy để ngăn giữa các mục. Di chuyển xuống, và dùng trường **Cc** để copy các tên người nhận khác, hoặc trường **Bcc** để copy ngầm các tên người nhận. Trong trường **Subject** (Chủ đề), nhập chủ đề của email. Nhập nội dung email và khu vực văn bản, và chọn **Options** > **Send**.

Để đính kèm theo một tập tin vào email, chọn **Options** > **Insert**, và chọn tập tin đính kèm bạn muốn thêm vào. Ví dụ, bạn có thể chèn các hình ảnh, clip âm thanh, ghi chú và các tập tin khác như tập tin văn phòng.

Để đặt thời gian gửi cho một email, chọn **Options** > **Sending options** > **Send message**. Chọn **Immediately** (Ngay lập tức) hoặc **During next conn.** (Trong lần kết nối tiếp theo) nếu bạn đang làm việc offline.

Các tin e-mail được lưu trong **Outbox** (Hộp thư đi) trước khi gửi. Trừ khi email được gửi lập tức, bạn có thể mở **Outbox** (Hộp thư đi) và huỷ, gửi lại hoặc xem email đó.

Cài đặt tài khoản e-mail

Chọn **Menu** > **Messag.** > **Mailbox**.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể thay đổi. Một vài cài đặt có thể được đặt trước bởi nhà cung cấp dịch vụ.

Nếu bạn cố sửa hộp thư nhưng chưa cài đặt một tài khoản e-mail, hướng dẫn của hộp thư sẽ mở ra và giúp bạn cài đặt tài khoản e-mail đó.

Cài đặt dành cho e-mail nhận

Chọn **Incoming e-mail**(E-mail đến) và từ một trong số các cài đặt sau:

- **User name**(Tên thuê bao) — Nhập tên sử dụng cho dịch vụ e-mail.
- **Password**(Mật mã) — Nhập mật mã cho dịch vụ e-mail.
- **Incoming mail serv.**(Server thư đến) — Nhập địa chỉ IP hoặc tên của máy chủ của server sẽ nhận e-mail của bạn.
- **Access point in use**(Điểm truy cập đang sử dụng) — Chọn điểm truy cập Internet mà điện thoại sử dụng để tải tin nhắn e-mail mà bạn nhận.
- **Default mailbox** — Nhập một tên cho hộp thư.
- **Mailbox type**(Loại hộp thư) — Chọn giao thức hộp thư mà nhà cung cấp dịch vụ hộp thư từ xa của bạn gợi ý. Các tùy chọn là **POP3** và **IMAP4**. Cài đặt này chỉ có thể được chọn một lần và không thể thay đổi nếu bạn đã lưu hoặc đã thoát khỏi cài đặt hộp thư. Nếu bạn sử dụng giao thức POP3, tin nhắn e-mail sẽ không được cập nhật tự động khi bạn đang trực tuyến. Để xem các tin nhắn e-mail mới nhất, bạn phải ngắt kết nối và kết nối lại vào hộp thư của bạn.
- **Security (ports)**(Bảo mật (cổng)) — Chọn tùy chọn bảo mật được sử dụng để tăng độ bảo mật cho kết nối.
- **Port**(Cổng) — Xác định một cổng để kết nối.
- **APOP secure login**(Đăng nhập APOP an toàn) (chỉ dành cho POP3) — Sử dụng giao thức POP3 để mã hóa việc gửi mật mã tới server e-mail từ xa trong khi kết nối với hộp thư.

Cài đặt dành cho gửi e-mail

Chọn **Outgoing e-mail**(E-mail đi) và từ một trong số các cài đặt sau:

- **My e-mail address**(Địa chỉ e-mail riêng) — Nhập địa chỉ e-mail được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp vào. Tin trả lời sẽ được gửi đến địa chỉ này.
- **User name**(Tên thuê bao) — Nhập tên sử dụng cho dịch vụ e-mail.
- **Password**(Mật mã) — Nhập mật mã cho dịch vụ e-mail.
- **Outgoing mail serv.**(Server thư đi) — Nhập địa chỉ IP hoặc tên của máy chủ của server mail sẽ gửi e-mail của bạn. Bạn có thể chỉ sử dụng được server gửi thư của nhà điều hành mạng của bạn. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để có thêm thông tin.
- **Access point in use**(Điểm truy cập đang sử dụng) — Chọn điểm truy cập Internet mà điện thoại dùng để gửi tin nhắn e-mail mà bạn gửi.
- **Security (ports)**(Bảo mật (cổng)) — Chọn tùy chọn an ninh được sử dụng để bảo đảm cho kết nối đến hộp thư từ xa.
- **Port**(Cổng) — Xác định một cổng để kết nối.

Cài đặt người dùng

Chọn **User settings**(Cài đặt người dùng) và một trong số các cài đặt sau:

- **My name**(Tên thuê bao) — Nhập tên sẽ xuất hiện trước địa chỉ e-mail của bạn khi bạn gửi e-mail.
- **Reply-to**(Trả lời theo địa chỉ) — Chọn nếu bạn có hoặc không muốn các thư trả lời được chuyển đến một địa chỉ khác. Chọn **On**(Bật), và nhập địa chỉ e-mail mà bạn muốn chuyển thư trả lời đến. Bạn chỉ có thể nhập một địa chỉ để các thư trả lời được chuyển đến.

- **Delete e-mails from** — Chọn chỉ xóa e-mail trong điện thoại hoặc cả trong điện thoại và trên server. Chọn **Always ask** nếu bạn muốn xác nhận nơi bạn muốn xóa e-mail mỗi lần xóa.
- **Send message**(Gửi tin nhắn) — Chọn để gửi e-mail ngay khi có thể, để gửi tại lần truy cập e-mail sau, hoặc để lưu e-mail trong hộp thư đi, từ nơi mà bạn có thể gửi sau.
- **Send copy to self**(Gửi bản sao cho chính mình) — Chọn lưu hoặc không lưu bản sao của e-mail vào hộp thư từ xa và lưu vào địa chỉ đã được xác định trong **My e-mail address**(Địa chỉ e-mail riêng) trong các cài đặt cho **Outgoing e-mail**(E-mail đi).
- **Include signature**(Có chữ ký) — Chọn nếu bạn muốn có hoặc không đính kèm chữ ký vào e-mail của bạn.
- **New e-mail alerts**(Các thông báo e-mail mới) — Chọn nhận hoặc không nhận các chỉ báo e-mail, âm báo hoặc ghi chú, khi tài thư mới về hộp thư.
- **Default encoding** — Chọn phương pháp mã hóa ký tự ưu tiên.

Cài đặt tải về

Chọn **Retrieval settings**(Cài đặt nhận) và từ một trong số các cài đặt sau:

- **E-mail to retrieve**(E-mail sẽ tải về) (chỉ cho các hộp thư POP3) — Chọn chỉ tải riêng thông tin đầu e-mail như người gửi, chủ đề và ngày, e-mail, hoặc e-mail có đính kèm.
- **Retrieval amount**(Số lượng sẽ nhận) — Chọn số thư mà bạn muốn tải từ server từ xa đến hộp thư của bạn.

- **IMAP4 folder path**(Đường dẫn thư mục IMAP4) (chỉ dành cho hộp thư IMAP4) — Xác định đường dẫn thư mục cho các thư mục đăng ký.
- **Folder subscriptions**(Các đăng ký thư mục) (chỉ dành cho hộp thư IMAP4) — Đăng ký các thư mục khác trong hộp thư từ xa và nhận nội dung từ các thư mục này.

Các cài đặt tải tự động

Chọn **Automatic retrieval**(Nhận tự động) và từ một trong số các cài đặt sau:

- **E-mail notifications**(Thông báo e-mail) — Chọn nhận hoặc không nhận các thông báo khi nhận được e-mail mới trong hộp thư từ xa. Chọn **Always enabled**(Luôn bật) để luôn tự động tải tin nhắn e-mail mới trong hộp thư từ xa, hoặc **Only in home net.**(Chỉ trong mạng chủ) để chỉ tự động tải tin nhắn e-mail mới trong hộp thư từ xa khi bạn đang ở mạng trong nước và không, ví dụ như, đang đi du lịch.
- **Retrieval days**(Số ngày nhận) — Chọn những ngày tải e-mail về điện thoại của bạn.
- **Retrieval hours**(Số giờ nhận) — Xác định số giờ giữa những lần tải e-mail.
- **Retrieval interval**(Khoảng thời gian nhận) — Xác định thời gian nghỉ giữa những lần tải e-mail mới.

Tin nhắn trò chuyện

Chọn **Menu** > **Connect**. > **IM**.

Chức năng Tin nhắn trò chuyện (IM) (dịch vụ mạng) cho phép bạn trò chuyện với người khác sử dụng tin nhắn trò chuyện và tham gia và diễn đàn (các nhóm IM) với các chủ đề khác nhau. Các nhà cung cấp dịch vụ khác

nhau vận hành các máy chủ IM mà bạn có thể đăng nhập vào sau khi đăng ký dịch vụ IM. Các chức năng được hỗ trợ bởi mỗi nhà cung cấp dịch vụ có thể khác nhau.

Nếu IM không khả dụng từ nhà cung cấp dịch vụ không dây, nó có thể không xuất hiện trong menu trên điện thoại. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để có thêm thông tin về đăng nhập dịch vụ IM và giá của dịch vụ. Để biết thêm thông tin về tính khả dụng của các cài đặt IM, xin liên hệ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ hoặc đại lý.

Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ IM. Bạn phải lưu các thông số cài đặt để truy cập dịch vụ mà bạn muốn sử dụng. Bạn cũng có thể nhập các thông số cài đặt theo cách thủ công.

Kết nối với máy chủ IM

Để đàm thoại với các người dùng IM, và để xem và sửa số liên lạc IM, bạn phải đăng nhập vào máy chủ tin nhắn trò chuyện. Mở **IM**, và chọn **Options > Login**. Nhập ID người dùng và mật mã, rồi bấm phím điều khiển để đăng nhập. Bạn có thể nhận tên sử dụng, mật mã và các cài đặt khác để đăng nhập từ nhà cung cấp dịch vụ khi bạn đăng ký dịch vụ.

Tìm người sử dụng IM hoặc nhóm IM

Để tìm kiếm người sử dụng IM và ID người sử dụng, chọn **IM contacts > Options > New IM contact > Search**. Bạn có thể tìm bằng cách **User's name**(Tên người dùng),

User ID(Mã thuê bao), **Phone number**(Số điện thoại), và **E-mail address**(Địa chỉ e-mail).

Để tìm kiếm nhóm IM và ID nhóm, chọn **IM groups > Options > Search**. Bạn có thể tìm bằng cách **Group name**(Tên nhóm), **Topic**(Chủ đề), và **Members**(Thành viên) (user ID).

Trò chuyện với một người sử dụng IM

Hiển thị **Conversations**(Cuộc trò chuyện) sẽ hiển thị danh sách những cá nhân tham gia mà bạn đang trò chuyện với họ. Cuộc trò chuyện hiện thời sẽ tự đóng lại khi bạn thoát khỏi IM.

Để xem cuộc trò chuyện, di chuyển đến một người tham gia, và bấm phím điều khiển.

Để tiếp tục cuộc trò chuyện, viết tin nhắn của bạn, và bấm phím điều khiển.

Để trở về danh sách cuộc trò chuyện mà không đóng cuộc trò chuyện hiện tại, chọn **Back**(Trở về). Để đóng cuộc trò chuyện, chọn **Options > End conversation**.

Để bắt đầu cuộc trò chuyện mới, chọn **Options > New conversation**. Bạn có thể bắt đầu một cuộc trò chuyện mới với một số liên lạc khác khi bạn đang có một cuộc trò chuyện. Tuy nhiên, bạn không thể thực hiện hai cuộc điện thoại cùng một lúc với cùng một số liên lạc.

Để chèn hình vào tin nhắn trò chuyện, chọn **Options > Send image**, và chọn hình mà bạn muốn gửi.

Để lưu một thành viên tham gia cuộc trò chuyện vào danh bạ IM, chọn **Options > Add to IM contacts**.

Để lưu cuộc trò chuyện, khi đang ở giao diện trò chuyện, chọn **Options > Record chat**. Cuộc trò chuyện được lưu như một tập tin dạng văn bản có thể được mở và xem trong ứng dụng **Notes**(Ghi chú) này.

Để gửi trả lời tự động cho tin nhắn gửi đến, chọn **Options > Set auto reply on**. Bạn vẫn có thể nhận các tin nhắn.

Nhóm IM

Giao diện **IM groups**(Các nhóm IM) sẽ hiển thị danh sách các nhóm IM mà bạn đã lưu hay đang tham gia vào.

IM groups(Các nhóm IM) chỉ khả dụng nếu bạn đã đăng nhập vào máy chủ IM khi mở ứng dụng IM, và máy chủ hỗ trợ các nhóm IM.

Để tạo một nhóm IM, chọn **Options > Create new group**.

Để tham gia một nhóm IM hoặc để tiếp tục cuộc trò chuyện nhóm, di chuyển đến nhóm đó, và bấm phím điều khiển. Nhập tin nhắn, và bấm phím gọi để gửi đi.

Để tham gia vào một nhóm IM không có trong danh sách, nhưng bạn biết mã ID của nhóm này, chọn **Options > Join new group**.

Để thoát khỏi nhóm IM này, chọn **Options > Leave IM group**.

Để gỡ bỏ một nhóm IM, bấm phím xoá.

Cấm tham gia nhóm

Di chuyển đến nhóm IM đó, và chọn **Options > Group > Settings > Banned list**.

Để ngăn cản người sử dụng IM tham gia nhóm, chọn **Options > Add to banned list** và từ các tùy chọn sau:

- **From IM contacts**(Số liên lạc IM) — Cấm một hoặc một số số liên lạc IM.
- **Enter user ID**(Nhập mã ID người dùng) — Nhập ID của người sử dụng IM.

Để cho phép người sử dụng đã bị cấm tham gia vào nhóm, chọn **Options > Remove**.

Số liên lạc IM

Khi đăng nhập một dịch vụ IM hoàn thành, danh sách số liên lạc cho nhà cung cấp dịch vụ được tự động tải về. Nếu danh sách số liên lạc của bạn không khả dụng, chờ một vài phút và thử tải danh sách số liên lạc bằng tay.



Tip: Tình trạng trực tuyến của danh bạ IM được hiển thị bằng một chỉ báo kế bên tên liên lạc.

Để tạo một thẻ số liên lạc IM, chọn **Options > New IM contact**. Nhập ID người sử dụng và một tên hiệu, và chọn **Done**(Xong). ID người sử dụng có thể đến 50 ký tự, và nhà cung cấp dịch vụ IM có thể yêu cầu ID người sử dụng ở dạng username@domain.com. Tên hiệu là không bắt buộc.

Để xem một danh sách khác của danh bạ IM, chọn **Options > Change contact list**.

Di chuyển đến một số liên lạc IM, chọn **Options**(Tùy chọn) và chọn trong số các tùy chọn sau:

- **Open conversation**(Mở cuộc trò chuyện) — Bắt đầu hoặc tiếp tục tin nhắn trò chuyện với số liên lạc này.

- **Contact details**(Chi tiết liên lạc) — Xem thẻ số liên lạc.
- **Editing options**(Tùy chọn chỉnh sửa) — Sửa hoặc xóa thẻ số liên lạc, chuyển nó đến một danh sách số liên lạc khác, hoặc nhận ghi chú khi chế độ online của số liên lạc thay đổi.
- **Belongs to groups**(Thuộc các nhóm) — Xem nhóm IM mà số liên lạc vừa tham gia.
- **New contact list**(Danh sách liên lạc mới) — Tạo danh sách số liên lạc cho một nhóm xác định của danh bạ IM.
- **Reload users' availab.**(Cập nhật trạng thái người dùng) — Cập nhật chế độ online của danh bạ IM.
- **Blocking options**(Tùy chọn chặn) — Ngăn hoặc cho phép nhận tin nhắn từ số liên lạc này.
- **Login**(Đăng nhập) — Kết nối đến máy chủ của tin nhắn trò chuyện nếu bạn không đăng nhập khi mở ứng dụng.
- **Logout**(Thoát) — Ngắt kết nối từ máy chủ IM.
- **Settings**(Cài đặt) — Sửa ứng dụng tin nhắn trò chuyện hoặc cài đặt máy chủ.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Để xóa một số liên lạc IM, bấm phím xóa.

Các số liên lạc đã bị khoá

Chọn **IM contacts > Options > Blocking options > View blocked list**.

Để tìm một người sử dụng IM đã bị khoá, nhập những chữ đầu tiên của tên của người sử dụng. Xuất hiện một danh sách các tên phù hợp.

Để cho phép nhận tin nhắn từ người sử dụng IM đã bị khoá, chọn **Options > Unblock**.

Để ngăn việc nhận tin nhắn từ người sử dụng IM khác, chọn **Options > Block new contacts**. Chọn người sử dụng IM từ danh bạ IM, hoặc nhập ID người sử dụng.

Cài đặt

Chọn **Options > Settings > IM settings**.

Chọn một trong số các cài đặt sau:

- **Use screen name**(Tên hiển thị) — Để thay đổi tên xác định bạn trong nhóm IM, chọn **Yes**(Có).
- **Allow messages from**(Cho phép tin nhắn từ) — Chọn để nhận tin nhắn trò chuyện từ mọi người sử dụng IM khác, chỉ từ danh bạ IM của bạn, hoặc không nhận tin nhắn nào cả.
- **Allow invitations from**(Cho phép lời mời từ) — Chọn để nhận lời mời tham gia nhóm IM từ mọi người sử dụng IM, chỉ từ danh bạ IM của bạn, hoặc không nhận lời mời nào cả.
- **Msg. scrolling speed**(Tốc độ hiển thị tin nhắn) — Để tăng hoặc giảm tốc độ tin nhắn mới được hiển thị, di chuyển trái hoặc phải.
- **Sort IM contacts**(Sắp xếp số liên lạc IM) — Chọn để liệt kê các số liên lạc IM theo thứ tự bảng chữ cái hoặc theo trạng thái trực tuyến.
- **Availabil. reloading**(Cập nhật trạng thái khả dụng) — Để cập nhật tự động chế độ online của danh bạ IM, chọn **Automatic**(Tự động).
- **Offline contacts**(Các số liên lạc không trực tuyến) — Chọn hiển thị hoặc không hiển thị các số liên lạc IM có trạng thái không trực tuyến (offline) trong danh sách các số liên lạc IM.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể thay đổi. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để có thêm thông tin.

Cài đặt server IM

Chọn **Options** > **Settings** > **Server settings**.

Di chuyển đến các tùy chọn sau và bấm phím điều khiển để định cấu hình server IM:

- **Servers**(Các máy chủ) — Thêm mới, sửa hoặc xóa server.
- **Default server**(Server mặc định) — Thay đổi server để điện thoại của bạn tự động đăng nhập đến, di chuyển đến server lựa chọn và bấm phím điều khiển.
- **IM login type**(Loại đăng nhập IM) — Để tự động thiết lập kết nối giữa điện thoại và server mặc định, chọn **Automatic**(Tự động). Chọn **Aut. in home net.**(Tự động trong mạng chủ) để tự động kết nối khi đang ở trong vùng phủ sóng. Chọn **On app. start-up**(Khi khởi động ứng dụng) để kết nối đến server khi bạn mở ứng dụng tin nhắn. Chọn **Manual**(Thủ công) để luôn kết nối đến server bằng tay.

Tin nhắn đặc biệt

Điện thoại có thể nhận nhiều loại tin nhắn có chứa dữ liệu:

- **Operator logo**(Logo mạng) — Để lưu logo, chọn **Options** > **Save**.
- **Ringtone**(Kiểu chuông) — Để lưu một kiểu chuông, chọn **Options** > **Save**.
- **Configuration message**(Tin nhắn cấu hình) — Bạn có thể nhận các thông số cài đặt e-mail từ nhà điều

hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc từ bộ phận quản lý thông tin của công ty dưới dạng một tin nhắn cấu hình. Để chấp nhận các cài đặt, mở tin nhắn, và chọn **Options** > **Save all**.

- **E-mail notification**(Thông báo e-mail) — Ghi chú cho bạn biết có bao nhiêu e-mail mới đã nhận được trong hộp thư từ xa. Phần thông báo mở rộng có thể liệt kê nhiều thông tin chi tiết hơn.

Gửi lệnh dịch vụ

Gửi một tin nhắn yêu cầu dịch vụ tới nhà cung cấp dịch vụ và yêu cầu kích hoạt các dịch vụ mạng nhất định.

Để gửi yêu cầu dịch vụ tới nhà cung cấp dịch vụ, chọn **Options** > **Service command**. Nhập yêu cầu dịch vụ dưới dạng tin nhắn văn bản, và chọn **Options** > **Send**.

Kết nối

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Điện thoại của bạn cho phép nhiều tùy chọn để kết nối đến mạng internet, mạng intranet hoặc đến máy PC và điện thoại khác. Giao thức không dây bao gồm mạng LAN không dây, Bluetooth, hồng ngoại. Điện thoại của bạn hỗ trợ giải pháp dùng dây với cáp USB (Universal Serial Bus) kết nối cho bộ Nokia PC Suite hoặc IP chuyên dẫn. Điện thoại của bạn cũng cho phép liên lạc bằng cuộc gọi internet (Voice over IP), push to talk, nhắn tin trò chuyện (chat), và kết nối dùng modem.

Các điểm truy cập internet

Điểm truy cập là nơi điện thoại kết nối đến một mạng. Để sử dụng e-mail và các dịch vụ đa phương tiện hoặc để kết nối đến mạng internet và duyệt các trang web, bạn phải xác định điểm truy cập internet cho các dịch vụ này. Bạn có thể cần phải cài đặt nhiều điểm truy cập Internet, phụ thuộc vào các trang bạn muốn truy cập. Ví dụ, truy cập Web có thể yêu cầu một điểm truy cập và truy cập vào mạng intranet của công ty bạn có thể cần một điểm khác. Để kết nối đến Internet qua GPRS, điện thoại của bạn có thể đã được đặt trước cài đặt điểm truy cập internet mặc định.

Khi bật điện thoại lần đầu tiên, các điểm truy cập có thể tự động được định cấu hình dựa trên thông tin của nhà cung cấp dịch vụ trong thẻ SIM. Bạn cũng có thể nhận

được các cài đặt điểm kết nối dưới dạng tin nhắn văn bản từ nhà cung cấp dịch vụ. Việc này có thể giảm số lượng cài đặt bạn phải tự làm.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau. Một vài hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được đặt trước cho điện thoại bởi nhà cung cấp dịch vụ. Bạn có thể không thể thêm, chỉnh sửa hoặc xóa các điểm truy cập.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ e-mail để có thêm thông tin về điểm truy cập và cài đặt của chúng.

See "Cài đặt kết nối," p. 87.

Cài đặt điểm truy cập Internet cho dữ liệu gói (GPRS)

1. Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**.
2. Chọn **Options** > **New access point**. Để sử dụng một điểm truy cập đã có làm cơ sở cho điểm truy cập mới, chọn **Use existing settings** (Sử dụng cài đặt đã có). Để bắt đầu với một điểm truy cập rỗng, chọn **Use default settings** (Sử dụng cài đặt mặc định).
3. Xác định các cài đặt sau:
 - **Connection name** (Tên kết nối) — Đặt tên mô tả cho kết nối.
 - **Data bearer** (Sóng mang) — Chọn **Packet data** (Dữ liệu gói).

- **Access point name**(Tên điểm truy cập) — Nhập tên của điểm kết nối. Tên thường được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.
 - **User name**(Tên thuê bao) — Nhập tên thuê bao nếu nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu. Tên sử dụng thường phân biệt chữ in hoặc chữ thường và được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ.
 - **Prompt password**(Nhắc nhập mật mã) — Chọn **Yes**(Có) để nhập mật mã mỗi lần đăng nhập vào server hoặc **No**(Không) để lưu mật mã vào bộ nhớ điện thoại và tự động đăng nhập.
 - **Password**(Mật mã) — Nhập mật mã nếu nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu. Mật mã thường phân biệt chữ in hoặc chữ thường và được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ.
 - **Authentication**(Xác thực) — Chọn **Secure**(An toàn) để luôn gửi mật mã được mã hoá hoặc **Normal**(Bình thường) để gửi mật mã được mã hoá khi có thể.
 - **Homepage**(Trang chủ) — Nhập địa chỉ Web của trang bạn muốn hiển thị như trang chủ khi dùng điểm truy cập này.
4. Sau khi xác định các cài đặt, chọn **Options** > **Advanced settings** để xác định cài đặt nâng cao hoặc **Back**(Trở về) để lưu các cài đặt và thoát.

Để có thêm thông tin về cài đặt nâng cao, xem hướng dẫn sử dụng mở rộng trên Web.

Cài đặt điểm truy cập Internet cho mạng LAN không dây

1. Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**.
2. Chọn **Options** > **New access point**. Để sử dụng một điểm truy cập đã có làm cơ sở cho điểm truy cập mới, chọn **Use existing settings**(Sử dụng cài đặt đã có). Để bắt đầu với một điểm truy cập rỗng, chọn **Use default settings**(Sử dụng cài đặt mặc định).
3. Xác định các cài đặt sau:
 - **Connection name**(Tên kết nối) — Đặt tên mô tả cho kết nối.
 - **Data bearer**(Sóng mang) — Chọn **Wireless LAN**(Mạng LAN không dây).
 - **WLAN netw. name**(Tên mạng WLAN) — Để nhập tên nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID), tức là, tên nhận dạng mạng LAN không dây cụ thể, chọn **Enter manually**(Nhập theo cách thủ công). Để chọn mạng từ các mạng LAN không dây trong phạm vi, chọn **Search for netw.**(Tìm mạng).
 - **Network status**(Ẩn mạng WLAN) — Chọn **Hidden**(Có) nếu mạng bạn đang kết nối vào bị ẩn, hoặc chọn **Public**(Không) nếu mạng này không bị ẩn.
 - **WLAN netw. mode**(Chế độ mạng WLAN) — Nếu bạn chọn **Infrastructure**(Cấu trúc thượng tầng), các thiết bị có thể liên lạc với nhau và với thiết bị LAN có dây thông qua các điểm truy cập mạng LAN không dây. Nếu bạn chọn **Ad-hoc**, các thiết bị có thể gửi và nhận dữ liệu trực tiếp với nhau và không cần đến các điểm truy cập LAN không dây.

- **WLAN security mode**(Chế độ bảo mật WLAN) — Bạn phải chọn cùng một kiểu bảo mật được dùng trong điểm truy cập LAN không dây. Nếu bạn chọn WEP (độ bảo mật tương đương mạng có dây), 802.1x, hoặc WPA (truy cập Wi-Fi được bảo vệ), bạn cũng phải định cấu hình thêm các cài đặt tương ứng. Để có thêm thông tin, xem hướng dẫn sử dụng mở rộng trên Web, hoặc trợ giúp trong điện thoại.
- **WLAN security sett.**(Cài đặt bảo mật WLAN) — Chính sửa cài đặt bảo mật cho **WLAN security mode**(Chế độ bảo mật WLAN) đã chọn.
- **Homepage**(Trang chủ) — Nhập địa chỉ Web của trang bạn muốn hiển thị như trang chủ khi dùng điểm truy cập này.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể khác nhau.

Kết nối cáp

Cài đặt trình điều khiển cho cáp dữ liệu USB vào máy PC trước khi sử dụng kết nối cáp. Bạn có thể sử dụng **Data transfer**(Truyền dữ liệu) mà không cần cài đặt trình điều khiển cho cáp dữ liệu USB.

Chọn **Menu > Connect. > Data cbl.**

Sử dụng cáp dữ liệu USB, bạn có thể kết nối điện thoại với một máy PC tương thích. Cắm cáp dữ liệu USB vào đáy của điện thoại. Để thay đổi kiểu điện thoại bạn thường kết nối với điện thoại bằng cáp dữ liệu, bấm phím điều khiển.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

- **Ask on connection**(Hỏi khi kết nối) — Chọn hỏi hoặc không hỏi xác nhận kiểu điện thoại mỗi lần cắm cáp dữ liệu vào điện thoại.
- **PC Suite** — Kết nối phần mềm PC Suite với điện thoại bằng cáp dữ liệu và dùng nó như một modem.
- **Data transfer**(Truyền dữ liệu) — Truy cập và chuyển dữ liệu ví dụ như các tập tin nhạc hoặc hình ảnh từ máy tính sử dụng kết nối cáp dữ liệu. Để sử dụng chế độ **Data transfer**(Truyền dữ liệu), cần chắc chắn rằng bạn không chọn USB làm kiểu kết nối trong phần cài đặt Quản lý kết nối trong Nokia PC Suite. Lắp thẻ nhớ vào điện thoại, kết nối điện thoại với một máy tính tương thích bằng cáp dữ liệu USB, và chọn **Data transfer**(Truyền dữ liệu) khi điện thoại yêu cầu chọn chế độ sẽ được sử dụng. Trong chế độ này, điện thoại của bạn làm việc như một dụng cụ lưu trữ và bạn có thể xem nó như một ổ đĩa cứng lưu động cho máy tính. Điện thoại sẽ chuyển sang cấu hình **Offline** (Không trực tuyến) nếu chọn tùy chọn này. Ngắt kết nối với máy PC (ví dụ, bằng trình 'Unplug' hoặc 'Eject Hardware wizard' trong Windows) để tránh làm hỏng thẻ nhớ. Sau khi bạn ngắt kết nối, điện thoại sẽ trở lại cấu hình trước đó trước khi dùng chế độ chuyển dữ liệu.
- **IP passthrough** — Chọn một điểm truy cập để chuyển dữ liệu sử dụng giao thức Internet.

Để lưu lại lựa chọn của bạn, chọn **Back**(Trở về).

Bluetooth

Có một số hạn chế về việc sử dụng công nghệ Bluetooth ở một số nơi. Vui lòng kiểm tra với chính quyền nước sở tại hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Các tính năng sử dụng công nghệ Bluetooth, hoặc cho phép hoạt động ẩn trong khi sử dụng các tính năng khác, sẽ tiêu thụ pin nhiều hơn và đồng thời làm giảm tuổi thọ pin.

Thiết bị này tuân thủ theo Thông số Bluetooth 1.2 hỗ trợ các cấu hình sau: Cấu hình Truy cập Chung, Cấu hình Cổng Song song, Cấu hình Mạng Dial-up, Cấu hình Tai nghe, Cấu hình Loa nói trực tiếp, Cấu hình Trao đổi Đối tượng Chung, Cấu hình Đẩy Đối tượng, Cấu hình Truyền Tập tin, Cấu hình truy cập thẻ SIM và Cấu hình Tạo hình Cơ bản. Để đảm bảo khả năng tương tác giữa các thiết bị khác nhau hỗ trợ công nghệ Bluetooth, hãy sử dụng các phụ kiện được Nokia phê chuẩn cho kiểu điện thoại này. Hãy kiểm tra với các nhà sản xuất của các thiết bị khác để xác định khả năng tương thích với thiết bị này.

Công nghệ Bluetooth cho phép các kết nối không dây giữa các thiết bị điện tử trong phạm vi tối đa 10 mét (33 bộ). Một kết nối Bluetooth có thể được sử dụng để gửi hình ảnh, video, văn bản, danh thiếp, ghi chú lịch hay để kết nối vô tuyến đến các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth, ví dụ như máy tính.

Vì các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth liên lạc qua sóng radio, điện thoại và các thiết bị khác không cần phải đặt cùng phương. Hai thiết bị chỉ cần cách nhau tối đa 10 mét, mặc dù kết nối này có thể bị nhiễu sóng do các vật cản như tường hoặc các thiết bị điện tử khác.

Bắt đầu dùng Bluetooth

Chọn **Menu** > **Connect** > **Bluetooth**.

1. Khi kích hoạt Bluetooth lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu nhập tên điện thoại. Đặt tên riêng cho điện

thoại của bạn để dễ dàng nhận ra nếu có nhiều thiết bị Bluetooth hiện diện xung quanh.

2. Chọn **Bluetooth** > **On**.

3. Chọn **My phone's visibility** > **Shown to all**.

Những người dùng khác có thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth có thể nhìn thấy điện thoại và tên của bạn.

Cài đặt

Xác định các cài đặt sau:

- **Bluetooth** — Chọn **On**(Bật) có thể kết nối được đến điện thoại khác tương thích dùng kết nối Bluetooth.
- **My phone's visibility**(Phạm vi kết nối) — Chọn **Shown to all**(Hiển thị tất cả) để cho phép các thiết bị khác sử dụng công nghệ Bluetooth có thể tìm được điện thoại của bạn khi bạn đã bật **Bluetooth** > **On**. Để tránh các điện thoại khác tìm thấy điện thoại của bạn, chọn **Hidden**(Ẩn). Kể cả khi bạn chọn **Hidden**(Ẩn), thiết bị ghép vẫn có thể tìm thấy điện thoại của bạn.
- **My phone's name**(Tên điện thoại) — Nhập một tên cho thiết bị. Tên sẽ được nhìn thấy bởi các thiết bị khác khi chúng đang tìm kiếm bằng công nghệ Bluetooth. Chiều dài tối đa của tên là 30 ký tự.
- **Remote SIM mode**(Chế độ sử dụng SIM từ xa) — Chọn **On**(Bật) để cho phép các thiết bị khác như các bộ nâng cao dùng cho xe hơi để sử dụng thẻ SIM trong điện thoại của bạn để kết nối với mạng di động. See "Cấu hình truy cập SIM," p. 61.

Nếu Bluetooth bị tắt do sử dụng cấu hình **Offline**(Không trực tuyến), bạn phải bật lại Bluetooth theo cách thủ công.

Các mẹo bảo mật

Khi bạn không sử dụng kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off** hoặc **My phone's visibility > Hidden**.

Không ghép nối với thiết bị lạ.

Gửi dữ liệu

Bạn có thể kích hoạt nhiều kết nối Bluetooth cùng một thời điểm. Ví dụ, nếu bạn kết nối với tai nghe, bạn cũng có thể truyền dữ liệu đến thiết bị tương thích khác cùng lúc.

1. Mở một ứng dụng có lưu mục mà bạn muốn gửi.
2. Chọn mục và, chọn **Options > Send > Via Bluetooth**. Điện thoại tìm các thiết bị khác sử dụng công nghệ Bluetooth trong vùng và liệt kê chúng.



Tip: Nếu bạn đã gửi dữ liệu bằng Bluetooth trước đó, một danh sách các kết quả tìm trước đó được hiển thị. Để tìm thêm thiết bị Bluetooth, chọn **More devices**(Các thiết bị khác).

3. Chọn thiết bị mà bạn muốn kết nối và nhấn phím điều khiển để thiết lập kết nối. Nếu thiết bị khác yêu cầu ghép nối trước khi dữ liệu có thể truyền, bạn được yêu cầu nhập mã khóa.
4. Khi kết nối đã được thiết lập, **Sending data**(Đang gửi dữ liệu) sẽ hiển thị.

Trong **Sent**(Đã gửi) Thư mục **Message**.(Tin nhắn) sẽ không lưu các tin nhắn đã gửi qua Bluetooth.

Chỉ báo kết nối Bluetooth

 Bluetooth được kích hoạt.

() Khi nhấp nháy, điện thoại của bạn đang cố kết nối với thiết bị khác. Khi hiển thị liên tục, kết nối Bluetooth được kích hoạt.

Ghép nối thiết bị

Chọn **Menu > Connect > Bluetooth**, và chọn phải để mở **Paired devices**(Thiết bị ghép nối) trang.

Trước khi ghép nối, tạo mã khóa cho riêng bạn (1-16 số) và thỏa thuận với người dùng thiết bị khác để sử dụng cùng mã khóa. Những thiết bị không có giao diện người dùng có một mã khóa được cài trước. Bạn cần mã khóa chỉ khi bạn kết nối lần đầu tiên. Sau khi ghép, kết nối có thể được ủy quyền. See "Ủy thác một thiết bị," p. 61. Ghép và ủy quyền kết nối làm kết nối nhanh hơn và dễ dàng hơn, vì bạn không phải kết nối với thiết bị ghép sau mỗi lần kết nối.

Mật mã cho sử dụng thẻ SIM từ xa phải có 16 chữ số.

1. Chọn **Options > New paired device**. Điện thoại bắt đầu dò tìm các thiết bị Bluetooth có trong phạm vi.



Tip: Nếu bạn đã gửi dữ liệu bằng Bluetooth trước đó, một danh sách các kết quả tìm trước đó được hiển thị. Để tìm thêm thiết bị Bluetooth, chọn **More devices**(Các thiết bị khác).

2. Chọn thiết bị bạn muốn ghép và nhập mật mã. Bạn cũng cần nhập mật mã này vào thiết bị kia.

3. Chọn **Yes**(Có) để tạo kết nối tự động giữa điện thoại của bạn với các thiết bị khác hoặc **No**(Không) để xác nhận kết nối bằng tay mỗi lần định kết nối. Sau khi ghép nối, thiết bị sẽ được lưu vào trang các thiết bị ghép nối.

Để đặt tên cho thiết bị ghép chỉ hiển thị trên điện thoại của bạn, di chuyển đến thiết bị mà bạn muốn ghép và chọn **Options > Assign short name**.

Để xóa, chọn thiết bị mà bạn muốn xóa và **Options > Delete**. Để xóa tất cả, chọn **Options > Delete all**.



Tip: Nếu bạn đang kết nối với một thiết bị và xóa ghép nối với thiết bị đó, ghép nối sẽ bị xóa ngay và kết nối sẽ bị ngưng.

Ủy thác một thiết bị

Nếu bạn tin cậy một thiết bị ghép, bạn có thể cho phép thiết bị đó tự động kết nối đến điện thoại của bạn. Bạn có thể chọn từ các tùy chọn sau:

- **Set as authorised**(Gán quyền) — Các kết nối giữa điện thoại và các thiết bị khác có thể được thực hiện mà bạn không biết. Bạn không cần chấp nhận hoặc ủy quyền. Sử dụng quyền kết nối này cho thiết bị của riêng bạn, ví dụ máy PC hoặc những thiết bị của người mà bạn tin tưởng.
- **Set as unauthorised**(Gán quyền) — Yêu cầu kết nối từ thiết bị khác phải được chấp nhận tuần tự.

Nhận dữ liệu

Nếu bạn muốn nhận dữ liệu bằng Bluetooth, chọn **Bluetooth > On** và **My phone's visibility > Shown to all**. Khi bạn nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth, một âm báo

sẽ phát ra và máy sẽ hỏi bạn có muốn nhận tin nhắn không. Nếu bạn chấp nhận, tin này sẽ được đưa vào **Inbox**(Hộp thư đến) thư mục trong **Messag**.(Tin nhắn).



Tip: Bạn có thể truy cập các tập tin trong điện thoại hoặc trong thẻ nhớ bằng dụng cụ tương thích trợ giúp dịch vụ FTPC (ví dụ máy tính xách tay).

Cấu hình truy cập SIM

Khi điện thoại ở chế độ sử dụng SIM từ xa, bạn chỉ có thể sử dụng một phụ kiện tương thích được kết nối, chẳng hạn như bộ phụ kiện sử dụng trên xe, để thực hiện hoặc nhận cuộc gọi. Điện thoại của bạn sẽ không thể gọi đi, trừ khi gọi cho những số khẩn cấp được lập trình trên máy, khi ở chế độ này. Để gọi đi từ điện thoại, trước tiên bạn phải tắt chế độ sử dụng SIM từ xa. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã để mở khóa trước.

Với cấu hình truy cập SIM, bạn có thể truy cập thẻ SIM của điện thoại từ một thiết bị dùng trên xe tương thích. Với cách này, bạn không cần phải tháo thẻ SIM để truy cập dữ liệu trên thẻ SIM và kết nối đến mạng GSM.

Để dùng cấu hình truy cập SIM, bạn cần như sau:

- Một thiết bị dùng trên xe tương thích có hỗ trợ công nghệ Bluetooth không dây
- Thẻ SIM hợp lệ trong điện thoại

Để có thêm thông tin về các thiết bị dùng trên xe và tính tương thích của điện thoại của bạn, xem www.nokia.com và cẩm nang hướng dẫn sử dụng cho thiết bị dùng trên xe.

Quản lý cấu hình truy cập SIM

1. Chọn **Menu** > **Connect.** > **Bluetooth** để kích hoạt kết nối Bluetooth trong điện thoại.
2. Để cho phép truy cập SIM từ xa, di chuyển đến **Remote SIM mode**(Chế độ sử dụng SIM từ xa), và bấm phím điều khiển.
3. Kích hoạt Bluetooth trong thiết bị dùng trên xe.
4. Dùng thiết bị dùng trên xe để bắt đầu một lượt tìm kiếm các thiết bị tương thích. Để có hướng dẫn, xem sách hướng dẫn sử dụng của thiết bị dùng trên xe.
5. Chọn điện thoại của bạn từ danh sách các thiết bị tương thích.
6. Để ghép các thiết bị, nhập mật mã Bluetooth hiển thị trên màn hình của thiết bị dùng trên xe và điện thoại của bạn.
7. Ủy quyền thiết bị dùng trên xe. Chọn **Menu** > **Connect.** > **Bluetooth**, và di chuyển đến trang **Paired devices**(Thiết bị ghép nối). Di chuyển đến thiết bị dùng trên xe, và nhập mật mã Bluetooth. Khi điện thoại yêu cầu tạo một kết nối tự động, chọn **Yes**(Có). Kết nối giữa điện thoại của bạn và thiết bị dùng trên xe có thể được lập mà không cần chấp nhận hoặc ủy quyền. Nếu bạn chọn **No**(Không), Yêu cầu kết nối từ thiết bị này phải được chấp nhận tuần tự.



Tip: Nếu bạn đã truy cập vào thẻ SIM từ thiết bị dùng trên xe với cấu hình hoạt động người dùng, thiết bị dùng trên xe sẽ tự động tìm kiếm điện thoại có thẻ SIM. Nếu thiết bị tìm thấy điện thoại của bạn, và tự động ủy quyền được kích hoạt, thiết bị dùng trên xe sẽ tự động kết nối đến mạng GSM khi bạn bật khóa khởi động xe.

Khi bạn kích hoạt cấu hình truy cập SIM từ xa, bạn có thể dùng các ứng dụng trong điện thoại không cần mạng hoặc các dịch vụ SIM.

Để ngắt kết nối sử dụng thẻ SIM từ xa của điện thoại, chọn **Menu** > **Connect.** > **Bluetooth** > **Remote SIM mode** > **Off**.

Hồng ngoại

Không nên hướng tia hồng ngoại vào mắt hoặc làm nhiễu sóng các thiết bị IR khác. Thiết bị này là sản phẩm laser Cấp 1.

Sử dụng hồng ngoại để kết nối hai thiết bị và truyền dữ liệu giữa hai bên. Qua hồng ngoại, bạn có thể truyền dữ liệu như danh thiếp, ghi chú lịch, và các tập tin media với một thiết bị tương thích.

Gửi và nhận dữ liệu

1. Cần chắc chắn rằng cổng hồng ngoại của các thiết bị hướng vào nhau. Vị trí của các thiết bị quan trọng hơn góc hoặc khoảng cách.
2. Chọn **Menu** > **Connect.** > **Infrared**, và bấm phím điều khiển để bật hồng ngoại trong điện thoại của bạn. Bật hồng ngoại trong thiết bị khác.
3. Chờ vài giây cho đến khi kết nối hồng ngoại được thiết lập.
4. Để gửi, tìm tập tin muốn gửi trong một ứng dụng hoặc trình quản lý tập tin, và chọn **Options** > **Send** > **Via infrared**.

Nếu việc truyền dữ liệu không bắt đầu trong vòng 1 phút sau khi khởi động cổng hồng ngoại, việc kết nối sẽ bị hủy và phải được bắt đầu lại.

Tất cả các mục nhận được qua hồng ngoại sẽ được chuyển vào thư mục Hộp thư đến trong **Messag**.(Tin nhắn).

Vị trí của thiết bị cách xa nhau sẽ làm gãy kết nối nhưng dòng ánh sáng hồng ngoại vẫn tồn tại trong điện thoại cho đến khi ngưng hoạt.

Kết nối dữ liệu

Dữ liệu gói

GPRS (dịch vụ vô tuyến trọn gói) cho phép điện thoại di động truy cập không dây vào các mạng dữ liệu (dịch vụ mạng). GPRS sử dụng công nghệ dữ liệu gói trong đó thông tin được gửi tổng hợp dữ liệu ngắn thông qua mạng di động. Lợi ích của việc chuyển dữ liệu dạng gói là mạng chỉ bị chiếm chỗ khi gửi hoặc nhận dữ liệu. Vì GPRS dùng mạng tiết kiệm, nó cho phép cài đặt kết nối dữ liệu nhanh và truyền tải dữ liệu tốc độ cao.

Bạn phải đăng ký với nhà cung cấp dịch vụ GPRS. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ dữ liệu, xin liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

GPRS nâng cao (EGPRS) cũng tương tự như công nghệ GPRS nhưng cho phép kết nối nhanh hơn. Để biết thêm thông tin về tính khả dụng của EGPRS và tốc độ truyền dữ liệu, liên hệ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Lưu ý rằng khi bạn chọn công nghệ GPRS làm đường truyền, điện thoại sử dụng công nghệ EGPRS thay cho GPRS nếu mạng có sẵn.

Trong khi đang thực hiện cuộc gọi thoại, bạn không thể tạo kết nối GPRS, và bất cứ kết nối GPRS đang chạy nào

cũng bị tạm ngưng trừ khi mạng cho hỗ trợ kiểu truyền hai chiều.

UMTS

UMTS (hệ thống viễn thông di động đa năng) là hệ thống liên lạc di động 3G. Ngoài chức năng thoại và dữ liệu, UMTS cho chuyển âm thanh và video đến các thiết bị không dây.

Điện thoại của bạn có thể tự động chuyển đổi giữa các mạng GSM và UMTS.

Để chọn mạng sử dụng, chọn **Menu > Tools > Settings > Network** và mạng trong **Network mode**(Chế độ mạng). Nếu bạn muốn điện thoại tự động chuyển giữa các mạng, chọn **Dual mode**(Chế độ kép).

Mạng GSM được chỉ báo bằng , còn mạng UMTS bằng **3G**.

Khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS, các kết nối đa dữ liệu có thể được kích hoạt cùng lúc và các điểm truy cập có thể dùng chung một kết nối dữ liệu. Trong mạng UMTS, kết nối dữ liệu vẫn được duy trì trong khi diễn ra các cuộc gọi thoại. Bạn có thể như lướt Web nhanh hơn trước đây trong khi liên tục giao tiếp bằng điện thoại.

Mạng nội bộ không dây (WLAN)

Điện thoại có thể dò tìm và kết nối đến mạng nội bộ không dây.

Nếu bạn di chuyển điện thoại đến một địa điểm khác trong phạm vi mạng LAN không dây và ngoài phạm vi

của điểm truy cập mạng LAN không dây, chức năng hoá mạng có thể tự động kết nối điện thoại của bạn đến một điểm truy cập khác cũng thuộc cùng mạng. Khi bạn ở trong phạm vi của các điểm kết nối thuộc cùng một mạng, thì điện thoại của bạn vẫn được kết nối với mạng.



Tip: Một kết nối mạng LAN không dây sẽ được thiết lập khi bạn tạo một kết nối dữ liệu sử dụng một điểm truy cập Internet của mạng LAN không dây. Kết nối mạng LAN không dây hiện hành sẽ kết thúc khi bạn ngừng kết nối dữ liệu này.

điện thoại của bạn cho phép nhiều loại liên lạc khác nhau trong một mạng LAN không dây. Hai loại chế độ hoạt động là cơ sở hạ tầng và ad hoc.

- Chế độ hoạt động cơ sở hạ tầng cho phép hai loại giao tiếp: các thiết bị không dây được kết nối với nhau qua thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây hoặc các thiết bị không dây được kết nối với một mạng LAN qua một thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây. Ưu điểm của chế độ hoạt động cơ sở hạ tầng là bạn có thể có nhiều điều khiển trên kết nối mạng bởi vì chúng chuyển qua một điểm kết nối. Một thiết bị không dây có thể truy cập vào các dịch vụ không khả dụng với một mạng LAN hữu tuyến thông thường, ví dụ như cơ sở dữ liệu cơ quan, e-mail, mạng Internet, và các nguồn mạng khác.
- Trong chế độ hoạt động ad hoc bạn có thể gửi dữ liệu đến và nhận chúng từ các thiết bị khác có hỗ trợ mạng LAN không dây tương thích, ví dụ như in ấn. Các chức năng này có thể cần thêm ứng dụng thứ ba để hoạt động. Không cần điểm truy cập mạng LAN không dây. Chỉ đơn giản tạo cấu hình cần thiết và bắt đầu giao tiếp. Cài đặt mạng ad hoc khá dễ dàng,

nhưng giao tiếp bị giới hạn trong các thiết bị trong phạm vi và hỗ trợ công nghệ LAN không dây tương thích.

Quản lý kết nối

Chọn **Menu** > **Connect** > **Conn mgr**.

Để xem tình trạng kết nối dữ liệu hoặc kết thúc kết nối và chọn **Act. data conn.**(Kích hoạt kết nối dữ liệu).

Để tìm mạng LAN không dây khả dụng trong phạm vi, chọn **Availab. WLAN**(Tính khả dụng WLAN).

Xem và ngừng kết nối hiện có



Note: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, và v.v...

Trong giao diện các kết nối hoạt động, bạn có thể xem các kết nối dữ liệu mở: các cuộc gọi dữ liệu, các kết nối dữ liệu gói và các kết nối mạng LAN không dây.

Để xem chi tiết thông tin về kết nối mạng, chọn kết nối từ danh sách và **Options** > **Details**. Kiểu thông tin hiển thị phụ thuộc vào kiểu kết nối.

Để ngừng kết nối mạng, chọn kết nối từ danh sách và **Options** > **Disconnect**.

Để ngưng mọi kết nối đang hoạt động đồng thời, chọn **Options** > **Disconnect all**.

Để xem chi tiết của một mạng, bấm phím điều khiển.

Tìm kiếm mạng LAN không dây

Để tìm mạng LAN không dây khả dụng trong phạm vi, chọn **Menu** > **Connect** > **Conn mgr** > **Availab. WLAN**. Một danh sách các mạng được hiển thị.

Giao diện mạng LAN không dây khả dụng hiển thị danh sách các mạng LAN không dây trong phạm vi, kiểu mạng (hạ tầng hoặc ad-hoc), hiển thị cường độ tín hiệu và hiển thị mã hóa mạng, và trạng thái kết nối của điện thoại với mạng này.

Để xem chi tiết của một mạng, bấm phím điều khiển.

Để tạo một điểm truy cập internet tại một mạng, chọn **Options** > **Define access point**.

Modem

Chọn **Menu** > **Connect** > **Modem**.

Cùng với một máy tính tương thích, bạn có thể sử dụng điện thoại của bạn làm một modem để kết nối vào Web.

Trước khi có thể sử dụng điện thoại làm modem

- Bạn cần có phần mềm giao tiếp dữ liệu thích hợp trong máy tính.
- Bạn phải đăng ký với các dịch vụ mạng thích hợp từ nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ Internet.
- Bạn phải cài đặt các trình điều khiển thích hợp trên máy tính. Bạn phải cài đặt các trình điều khiển cho kết nối cáp, và bạn cần cài đặt hoặc cập nhật các trình điều khiển cho Bluetooth hoặc hồng ngoại.

Để kết nối điện thoại với một máy tính tương thích sử dụng cổng hồng ngoại, bấm phím điều khiển. Chắc chắn

rằng cổng hồng ngoại của điện thoại và máy tính hướng trực tiếp vào nhau và không có vật cản nào giữa chúng.

Để kết nối điện thoại với một máy tính sử dụng công nghệ vô tuyến Bluetooth, kích hoạt kết nối từ máy tính. Để kích hoạt Bluetooth trong điện thoại, chọn **Menu** > **Connect** > **Bluetooth** và chọn **Bluetooth** > **On**.

Nếu bạn sử dụng cáp để kết nối điện thoại với một máy tính, kích hoạt kết nối từ máy tính.

Xin lưu ý rằng có thể bạn không sử dụng được một số chức năng giao tiếp khi sử dụng điện thoại làm modem.

VPN di động

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **VPN**.

Ứng dụng khách mạng di động riêng ảo của Nokia tạo ra một kết nối bảo mật đến một mạng Intranet của công ty và các dịch vụ như e-mail. Điện thoại kết nối từ mạng di động, qua mạng internet, đến cổng VPN cơ quan là cổng đóng vai trò cổng trước đến một mạng doanh nghiệp tương ứng. Khách hàng VPN dùng công nghệ IP bảo mật (IPSec). IPSec là một khuôn mẫu của chuẩn mở để hỗ trợ trao đổi bảo mật dữ liệu các qua mạng IP.

Các chính sách VPN xác định phương thức được sử dụng bởi ứng dụng khác VPN và cổng VPN để xác thực lẫn nhau, và các thuật toán mã hoá dùng để trợ giúp việc bảo vệ tính bảo mật của dữ liệu. Liên hệ nơi làm việc của bạn về các chính sách của VPN.

Để dùng VPN với một ứng dụng, ứng dụng đó phải được kết hợp với điểm truy cập VPN. Một điểm truy cập VPN được tạo bởi điểm truy cập internet và chính sách VPN.

Để quản lý VPN, chọn **VPN management** > **Options** > **Open** và từ các tùy chọn sau:

- **VPN policy**(Chính sách VPN) — Cài đặt, xem, và cập nhật các chính sách VPN.
- **VPN policy servers**(Các server chính sách VPN) — Sửa các cài đặt của chính sách server VPN từ đó bạn có thể cài đặt và cập nhật các chính sách VPN.
- **VPN log**(Nhật ký VPN) — Xem nhật ký về các cài đặt chính sách VPN, cập nhật và đồng bộ hoá, và các kết nối VPN khác.

Chuyển vùng dữ liệu email

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access point groups**.

Điện thoại cho phép chuyển vùng giữa các công nghệ truy cập không dây, như WLAN và GPRS, dùng cho e-mail. Ví dụ, bạn có thể bắt đầu một phiên dùng e-mail tại nhà và tiếp tục trên đường đến nơi làm việc. Trong khi phiên sử dụng tiếp tục không nghỉ, điện thoại của bạn sẽ chuyển giữa mạng WLAN và GPRS và ngược lại khi bạn đến nơi làm việc.

Nhóm điểm truy cập

Để tạo nhóm điểm truy cập, chọn **Access point groups** > **Options** > **New group**. Trong trường **Group name**(Tên nhóm), nhập tên của nhóm. Xác định trường **Conn. switching**(Chuyển kết nối) có hoặc không hiển thị quá trình chuyển kết nối trên màn hình điện thoại. Chọn và chỉnh sửa điểm truy cập của nhóm trong mục **Access points**(Điểm truy cập).

Để xóa một điểm truy cập trong một nhóm điểm truy cập, chọn điểm truy cập đó và chọn **Options** > **Remove**.

Web

Chọn **Menu** > **Web** (dịch vụ mạng).

Web là một trong hai trình duyệt trong điện thoại của bạn. Với **Web**, bạn có thể duyệt các trang Web thường. Các trang này sử dụng ngôn ngữ XHTML hoặc HTML. Nếu bạn muốn duyệt trang WAP, dùng **Menu** > **Media** > **Services**. Cả hai trình duyệt sử dụng cùng các chỉ mục. Các liên kết trong các tin nhắn đã nhận sẽ mở ra trong trình duyệt **Services** (Dịch vụ).

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

Điểm truy cập

Để duyệt trang Web, bạn cần cài đặt cấu hình điểm kết nối. Nếu bạn dùng cuộc gọi dữ liệu hoặc kết nối GPRS, mạng không dây của bạn phải trợ giúp cuộc gọi dữ liệu hoặc GPRS, và dịch vụ dữ liệu phải được kích hoạt cho thẻ SIM của bạn. Điện thoại của bạn có thể được cấu hình cho điểm kết nối Internet tự động dựa trên thẻ SIM của bạn. Nếu không, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.



Tip: Bạn có thể nhận được cài đặt điểm kết nối Internet từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng tin nhắn văn bản hoặc từ trang Web của nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.

You can also enter the Internet access point settings manually. See "Các điểm truy cập internet," p. 56.

Trình duyệt Web

Sử dụng phím điều khiển để duyệt. Phím điều khiển được hiển thị như con trỏ trên trang Web, và bạn có thể di chuyển lên, xuống, trái và phải với nó. Khi bạn di chuyển con trỏ đến một liên kết, con trỏ sẽ biến thành bàn tay. Bấm phím điều khiển để mở liên kết.

Để duyệt Web, chọn một chỉ mục và bấm phím điều khiển. Bạn có thể nhập địa chỉ trang Web, và bấm phím điều khiển. Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng an toàn và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.



Tip: Khi bạn bắt đầu nhập địa chỉ, các địa chỉ của các trang đã xem trùng với các ký tự nhập sẽ hiển thị. Để mở một trang di chuyển đến địa chỉ và bấm phím điều khiển.

Để mở một trang Web liên kết, di chuyển đến trang đó, và bấm phím điều khiển. Trên một trang Web, các liên kết mới sẽ xuất hiện với đường gạch dưới màu xanh và các trang đã liên kết có màu tia. Những hình chứa trang liên kết có đường viền màu xanh xung quanh.

Địa chỉ của các trang bạn đã duyệt sẽ được lưu tại **Auto. bookmarks** (Tự thu thập chỉ mục) thư mục.

Phím tắt trên bàn phím:

- Bấm **1** để mở **Bookmarks**(Chỉ mục).
- bấm **2** để tìm ký tự.
- Bấm **3** để trở về trang trước đó.
- Bấm **6** để chuyển qua lại giữa các cửa sổ đang duyệt.
- Bấm **7** để bật hoặc tắt trang tổng quan.
- Bấm **8** để mở trang tổng quan.
- Bấm **9** để chuyển đến trang Web khác.

Chỉ mục

Điện thoại của bạn có thể có một số chỉ mục dẫn đến các trang không liên kết với Nokia. Nokia sẽ không chứng nhận hoặc chấp thuận các trang này. Nếu muốn truy cập các trang này, bạn nên đề phòng về tính an toàn hoặc nội dung như ở bất kỳ trang Internet nào.

Để xem một trang Web chỉ mục, di chuyển đến chỉ mục và bấm phím điều khiển.

Để chuyển duyệt đến trang Web khác **Options** > **Navigation options** > **Go to web address**, nhập địa chỉ trang, và chọn **Go to**(Chọn).

Để xóa một chỉ mục, di chuyển đến chỉ mục đó và bấm phím xóa.

Để thêm một chỉ mục, chọn **Menu** > **Web** > **Options** > **Bookmark manager** > **Add bookmark** Di chuyển đến **Name**(Tên) để nhập tên mô tả cho chỉ mục, **Address**(Địa chỉ) để nhập địa chỉ trang Web, **Access point**(Điểm truy cập) để thay đổi điểm truy cập để kết nối đến trang Web, và **User name**(Tên thuê bao) hoặc **Password**(Mật mã) để nhập tên sử dụng và mật mã của bạn, nếu nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu. Để lưu chỉ mục, chọn **Back**(Trở về).



Tip: Bạn cũng có thể thêm các chỉ mục trong khi đang duyệt. Chọn **Options** > **Save to bookmarks**.

Các chương trình tải từ mạng



Important: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

Bạn có thể tải xuống các mục khác nhau như nhạc chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề, và các đoạn video clip. Để tải xuống, di chuyển đến liên kết tương ứng và bấm phím điều khiển. Các mục này có thể được cung cấp miễn phí hoặc bạn có thể mua chúng. Các mục tải xuống được xử lý bởi các ứng dụng tương ứng của chúng trong điện thoại.

Khi bạn bắt đầu tải dữ liệu, một danh sách các tập tin ở trạng thái đang tải về, tạm ngưng hoặc đã tải về hoàn tất sẽ được hiển thị. Để xem danh sách, bạn cũng có thể chọn **Options** > **Tools** > **Downloads**. Trong danh sách, di chuyển đến một mục và chọn **Options**(Tùy chọn) để tạm ngưng, tiếp tục lại, hoặc hủy quá trình tải về đang diễn ra, hoặc mở, lưu lại hoặc xóa các tập tin tải về hoàn tất.

Để mua các mục:

1. Để tải xuống, di chuyển đến liên kết tương ứng và bấm phím điều khiển.
2. Chọn tùy chọn thích hợp để mua mục này.

3. Đọc cẩn thận tất cả thông tin được cung cấp. Để tiếp tục việc tải xuống, chọn **Accept**(Nhận). Để hủy việc tải xuống, chọn **Cancel**(Hủy).

Ngưng kết nối

Để kết thúc kết nối và xem trang khi không kết nối, chọn **Options** > **Advanced options** > **Disconnect**; hoặc để kết thúc kết nối và đóng trình duyệt, chọn **Options** > **Exit**.

Dọn cache

Cache là bộ nhớ đệm được dùng để lưu dữ liệu tạm thời. Nếu bạn đã truy cập các thông tin bảo mật cần đến mật mã, xóa bộ nhớ cache sau mỗi lần sử dụng. Thông tin hoặc dịch vụ mà bạn đã truy cập sẽ được lưu trong bộ nhớ cache.

Để xóa bộ nhớ cache, chọn **Options** > **Advanced options** > **Clear cache**.

Cấp dữ liệu mới và các blog

Chọn **Menu** > **Web** > **Web feeds**.

Cấp dữ liệu thường bao gồm các đầu mục và các khoản mục, thường về các thông tin mới hoặc các chủ đề khác.



Tip: Blog là phần làm gọn của trang Weblog, và được cập nhật liên tục trên Web hàng ngày. Thông tin cá nhân về tác giả thường là một yếu tố quan trọng trong một blog.

Để tải xuống cấp dữ liệu hoặc blog, di chuyển đến đó và bấm phím điều khiển.

Để thêm cấp dữ liệu hoặc blog, chọn **Options** > **Manage feed** > **New feed**, và nhập thông tin.

Để chỉnh cấp dữ liệu hoặc blog, chuyển đến cấp dữ liệu, chọn **Options** > **Manage feed** > **Edit**, và thay đổi các thông tin.

Webcài đặt

Chọn **Menu** > **Web** > **Options** > **Settings**.

Xác định các cài đặt sau:

- **Access point**(Điểm truy cập) — Di chuyển đến điểm truy cập để kết nối đến các trang và bấm phím điều khiển.
- **Load imgs. & sounds**(Tải hình ảnh & âm thanh) — Chọn **No**(Không) để hiện các trang nhanh hơn khi đang duyệt bằng cách không hiện các hình ảnh trên đó. Bạn vẫn có thể chọn hiển thị các hình ảnh khi đang duyệt các trang đơn. Chọn **Options** > **Show images**.
- **Font size**(Cỡ chữ) — Chọn cỡ chữ mà bạn muốn sử dụng khi xem các trang Web.
- **Default encoding**(Chế độ mã hóa mặc định) — Chọn mã hoá ký tự chính xác cho ngôn ngữ của bạn.
- **Auto. bookmarks**(Tự thu thập chỉ mục) — Chọn **On**(Bật) để lưu địa chỉ các trang Web tự động khi bạn xem tại **Auto. bookmarks**(Tự thu thập chỉ mục) thư mục. Để ẩn thư mục, chọn **Hide folder**(Ẩn thư mục).
- **Screen size**(Kích thước màn hình) — Chọn **Full screen**(Toàn màn hình) để sử dụng cả màn hình để xem trang Web. Bạn có thể bấm phím chọn trái để mở **Options**(Tùy chọn) và dùng các tùy chọn khả dụng trong khi đang duyệt theo chế độ đầy đủ.

- **Homepage**(Trang chủ) — Chọn trang mà bạn muốn đặt làm trang chủ. Chọn **Default**(Mặc định) để sử dụng điểm truy cập trang chủ, **User defined**(Do người dùng tạo) để nhập địa chỉ trang chủ, hoặc **Use current page**(Sử dụng trang hiện thời) để sử dụng trang Web hiện đang mở.
- **Mini map**(Bản đồ mini) — Lựa chọn nếu bạn muốn xem tổng quan cỡ nhỏ của trang tại phía trên trang bạn đang xem.
- **History list**(Danh sách nhật ký) — Lựa chọn nếu bạn muốn xem tổng quan cỡ nhỏ của trang bạn đã xem khi bạn muốn quay lại nhật ký trình duyệt.
- **Cookies**(Cookie) — Lựa chọn nếu bạn cho phép hoặc không cho phép gửi và nhận các cookie. Cookie là thông tin server của mạng thu thập về sự truy cập của bạn đến các trang Web. Chúng cần thiết khi bạn mua sắm trên mạng Web (ví dụ giữ món hàng cho đến khi bạn gặp được trang thu tiền). Tuy nhiên, các thông tin đó có thể bị sử dụng sai mục đích (ví dụ, bạn có thể nhận được các quảng cáo không mong muốn trên điện thoại).
- **Java/ECMA script**(Mã script Java/ECMA) — Một số trang Web có thể bao gồm chương trình lệnh ảnh hưởng đến sự hiển thị của trang hoặc sự tương tác giữa trang và trình duyệt trang. Để tránh việc sử dụng các mã script, chọn **Disabled**(Bị vô hiệu) (ví dụ nếu bạn có vấn đề về tải xuống).
- **Security warnings**(Cảnh báo bảo mật) — Chọn **Show**(Hiển thị) hoặc **Hide**(Ẩn) để xem hoặc ẩn các cảnh báo an ninh bạn có thể nhận được khi đang duyệt.
- **Block pop-ups**(Chặn pop-up) — Lựa chọn có hoặc không cho phép các pop-up. Một số pop-up có thể cần thiết (ví dụ, cửa sổ nhỏ khi bạn viết e-mail tại các trình email trên nền Web), nhưng chúng có thể chứa các quảng cáo không mong muốn.

Services(Dịch vụ)

Chọn **Menu** > **Media** > **Services** (dịch vụ mạng).

Services(Dịch vụ) là một trong hai trình duyệt trong điện thoại của bạn. Với **Services**(Dịch vụ), bạn có thể duyệt các trang WAP được thiết kế riêng cho các thiết bị di động. Ví dụ, nhà điều hành có thể có trang WAP cho các thiết bị di động. Để duyệt các trang Web thường, dùng trình duyệt trong **Menu** > **Web**.

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.



Tip: Để bắt đầu kết nối, bấm và giữ **0** ở chế độ chờ.

Các ứng dụng media

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Chọn **Menu** > **Media**.

Media(Phương tiện) chứa các ứng dụng media khác nhau cho phép bạn lưu giữ và xem hình ảnh, bản âm thanh và chơi các clip âm nhạc.

Gallery(Bộ sưu tập)

Chọn **Menu** > **Media** > **Gallery**.

Sử dụng **Gallery**(Bộ sưu tập) để truy cập và sử dụng các loại media khác nhau, bao gồm hình ảnh, video, âm nhạc, và âm thanh. Tất cả hình ảnh và video đã xem và tất cả các tập tin âm nhạc và âm thanh đã xem sẽ tự động được lưu vào **Gallery**(Bộ sưu tập). Bạn có thể trình duyệt, mở và tạo các thư mục, đánh dấu chọn, copy và chuyển các mục vào thư mục. Các đoạn âm thanh sẽ được mở ra trong Máy Nghe Nhạc, và các video clip và các đường dẫn trực tuyến sẽ mở ra trong ứng dụng RealPlayer.

Để mở một tập tin hoặc thư mục, bấm phím điều khiển. Hình ảnh được mở bằng trình xem hình ảnh.

Để tạo một thư mục mới, chọn **Options** > **Organise** > **New folder**.

Để sao chép hoặc chuyển tập tin, chọn một tập tin và chọn **Options** > **Organise** > **Move to folder**, **New folder**

(Thư mục mới), **Move to memory card**(Chuyển vào thẻ nhớ), **Copy to memory card**(Sao chép vào thẻ nhớ), **Copy to phone mem.**(Sao chép vào bộ nhớ điện thoại), hoặc **Move to phone mem.**(Đời vào bộ nhớ điện thoại).

Để tải tập tin về **Gallery**(Bộ sưu tập) trong một trong các thư mục chính bằng trình duyệt, chọn **Graphic downl.**(Tải đồ họa xuống từ mạng), **Video downl.**(Video tải xuống), **Track downl.**(Đoạn nhạc tải xuống), hoặc **Sound downl.**(Âm thanh tải xuống). Trình duyệt sẽ mở ra, và bạn có thể chọn một chỉ mục hoặc nhập địa chỉ của trang sẽ tải về.

Để tìm một tập tin, chọn **Options** > **Find**. Bắt đầu bằng cách nhập vào chuỗi ký tự để tìm kiếm (ví dụ như tên hoặc ngày tháng của tập tin đang cần tìm). Các tập tin phù hợp với điều kiện tìm kiếm sẽ được hiển thị.

Hình ảnh

Chọn **Menu** > **Media** > **Gallery** > **Images**.

Images(Hình ảnh) Bao gồm hai loại hiển thị:

- Với loại hiển thị truy cập hình ảnh, bạn có thể gửi, tổ chức, xoá và đổi tên các hình ảnh lưu trong điện thoại hoặc thẻ nhớ. Bạn có thể đặt hình ảnh làm hình nền cho màn hình.
- Trong trình xem hình ảnh được mở khi bạn chọn một hình ảnh trong giao diện trình duyệt hình ảnh, bạn có thể xem, và gửi từng hình ảnh.

Các định dạng tập tin sau được hỗ trợ: JPEG, BMP, PNG, và GIF 87a/89a. Điện thoại không nhất thiết hỗ trợ tất cả các định dạng file khác nhau.

Để mở một hình ảnh ra xem, chọn một hình ảnh trong giao diện trình duyệt hình ảnh, và chọn **Options** > **Open**. Mở hình ảnh bằng trình xem hình ảnh.

Để mở hình tiếp theo hoặc trước đó để xem, di chuyển phải hoặc trái tại trình xem hình ảnh.

Để phóng to hình đang xem trên màn hình, chọn **Options** > **Zoom in**, hoặc bấm **5** or **7**. Để thu nhỏ hình đang xem trên màn hình, chọn **Zoom out**(Thu nhỏ) hoặc bấm phím **0**

Để xem hình ảnh cỡ đủ màn hình, chọn **Options** > **Full screen** hoặc bấm phím **7** hai lần. Để trở về chế độ màn hình bình thường, chọn **Options** > **Normal screen**

Để xoay hình, chọn hình đó, và chọn **Options** > **Rotate** Chọn **Right**(Phải) để xoay hình ảnh 90 độ theo chiều kim đồng hồ, hoặc chọn **Left**(Trái) để xoay hình ảnh 90 độ ngược chiều kim đồng hồ.

Quản lý các tập tin hình ảnh

Bảo vệ bản quyền sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa, chuyển hoặc chuyển tiếp một số hình ảnh, kiểu chuông hoặc các nội dung khác.

Để xem thông tin chi tiết về hình ảnh, chọn một hình ảnh và chọn **Options** > **View details** Kích cỡ và định dạng của tập tin, ngày giờ chỉnh sửa lần cuối và độ phân giải của hình ảnh theo pixel được hiển thị.

Để gửi hình ảnh, chọn hình ảnh đó, **Options** > **Send**, và cách gửi.

Để đổi tên một hình ảnh, chọn hình ảnh đó và chọn **Options** > **Rename**. Nhập tên mới vào, và chọn **OK**.

Để cài một hình ảnh làm hình nền, chọn hình ảnh đó và chọn **Options** > **Set as wallpaper**.

Để gán hình ảnh cho một thẻ liên lạc, chọn hình ảnh và chọn **Options** > **Assign to contact**. Hình liên lạc mở ra, và bạn có thể chọn số liên lạc cho hình ảnh.

RealPlayer

Bảo vệ bản quyền sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa, chuyển hoặc chuyển tiếp một số hình ảnh, kiểu chuông hoặc các nội dung khác.

Chọn **Menu** > **Media** > **RealPlayer**.

RealPlayer có thể phát các video clip và các tập tin âm thanh được lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ, được chuyển tới điện thoại qua e-mail hoặc từ máy PC tương thích, hoặc tải trực tiếp về điện thoại từ Web.

Các định dạng được hỗ trợ bởi **RealPlayer** bao gồm MPEG-4, MP4 (không phải trực tuyến), 3GP, RV, RA, AAC, AMR, và Midi. **RealPlayer** không nhất thiết hỗ trợ tất cả các biến thể của định dạng một tập tin media.



Tip: Các tập tin âm thanh và video trực tuyến có nghĩa là phát chúng trực tiếp từ Web không cần phải tải xuống điện thoại trước.

Phát các video clip và các liên kết trực tuyến.

Để chọn các tập tin âm thanh và video để phát bằng **RealPlayer**, chọn **Options** > **Open**, và di chuyển đến một đoạn media trong điện thoại hoặc thẻ nhớ.

Để phát media trực tuyến, chọn một đường dẫn Web dẫn đến một đoạn media, và chọn **Play**(Phát); hoặc kết nối vào Web, trình duyệt đến một video clip hoặc tập tin âm thanh, và chọn **Play**(Phát). **RealPlayer** sẽ nhận dạng được hai loại đường dẫn sau đây: một `rtsp://` URL và một `http://` URL dẫn đến một tập tin RAM. Trước khi bắt đầu phát nội dung trực tuyến, điện thoại phải kết nối với một trang Web và lưu nội dung vào bộ nhớ đệm. Nếu có một vấn đề kết nối mạng gây lỗi trong khi phát, **RealPlayer** sẽ tự động tìm cách kết nối lại với điểm truy cập Internet.

Để lưu một đoạn media, chọn **Options** > **Save**, di chuyển đến một thư mục trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ, và chọn **Save**(Lưu lại). Để lưu một liên kết đến một tập tin media trên Web, chọn **Save link**(Lưu liên kết).

Để tiến nhanh về phía trước hoặc tua lại một đoạn media trong khi phát, di chuyển lên hoặc xuống.

Để tăng hoặc giảm âm lượng trong khi phát, di chuyển sang phải hoặc sang trái.

Cài đặt

Chọn **Menu** > **Media** > **RealPlayer** > **Options** > **Settings**.

Cài đặt video

Chọn **Video** > **Loop** > **On**, nếu bạn muốn tự động phát lại các video clip sau khi phát xong.

Cài đặt kết nối

Chọn **Connection**(Kết nối), di chuyển đến các cài đặt sau đây, và nhấn phím điều khiển để chỉnh sửa:

- **Proxy** — Chọn sử dụng hoặc không sử dụng một server proxy và nhập địa chỉ IP của server proxy và số cổng vào.
- **Network**(Mạng) — Thay đổi điểm truy cập để kết nối vào Internet và để cài khoảng trị số cổng được sử dụng khi kết nối.

Cài đặt proxy

Các máy chủ proxy là các máy chủ trung gian giữa các máy chủ cung cấp nội dung media và người sử dụng chúng. Một số nhà cung cấp dịch vụ sử dụng các cài đặt này để tăng cường bảo mật hoặc để tăng tốc độ truy cập vào các trang Web có chứa các tập tin media.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Chọn **Connection** > **Proxy**, di chuyển đến các cài đặt sau đây, và nhấn phím điều khiển để chỉnh sửa:

- **Use proxy**(Sử dụng proxy) — Chọn **Enable**(Bật) để sử dụng một server proxy.
- **Proxy serv. address**(Địa chỉ server proxy) — Nhập địa chỉ IP của server proxy. Cài đặt này chỉ có nếu bạn chọn sử dụng server proxy.
- **Proxy port number**(Số cổng proxy) — Nhập số cổng của server proxy. Cài đặt này chỉ có nếu bạn chọn sử dụng server proxy.

Cài đặt mạng

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Chọn **Connection > Network**, di chuyển đến các cài đặt sau đây, và nhấn phím điều khiển để chỉnh sửa:

- **Default access point**(Điểm truy cập mặc định) — Di chuyển đến điểm truy cập để kết nối vào Internet, và bấm phím điều khiển.
- **Online time**(Thời gian trực tuyến) — Cài thời gian khi **RealPlayer** ngắt kết nối với mạng khi bạn tạm ngưng một đoạn media phát qua liên kết mạng. Chọn **User defined**(Do người dùng tạo), và bấm phím điều khiển. Nhập khoảng thời gian, và chọn **OK**.
- **Lowest UDP port**(Cổng UDP thấp nhất) — Nhập trị số cổng thấp nhất trong khoảng trị số các cổng của server. Giá trị cực tiểu là 1024.
- **Highest UDP port**(Cổng UDP cao nhất) — Nhập trị số cổng cao nhất trong khoảng trị số các cổng của server. Giá trị cực đại là 65535.

Máy nghe nhạc



Warning: Không nên đặt điện thoại gần tai khi đang sử dụng chức năng loa vì âm lượng có thể rất lớn.

Chọn **Menu > Media > Music player**.

Với máy nghe nhạc, bạn có thể phát các tập tin nhạc, tạo và nghe các danh sách nhạc. Máy nghe nhạc hỗ trợ các tập tin có đuôi như là MP3 và AAC.

Nghe nhạc



Warning: Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể gây ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn.

Để chọn một đoạn nhạc, chọn **Options > Music library**. **All tracks**(Tất cả các đoạn nhạc) liệt kê tất cả nhạc trên trong điện thoại. Để xem các bài hát theo thứ tự, chọn **Albums**(Album), **Artists**(Nghệ sĩ), **Genres**(Thể loại), hoặc **Composers**(Nhạc sĩ). Để nghe một bài nhạc, di chuyển đến bài nhạc đó, và chọn **Options > Play**. Khi một bài hát đang được phát, để thay đổi giữa phát và tạm dừng, bấm **▶** và **⏸**. Để ngừng một đoạn nhạc, bấm **■**.

Sau khi thêm hoặc xóa các tập tin nhạc trong điện thoại, hãy cập nhật **Music library**(Thư viện nhạc) của bạn. Chọn **Options > Update Music library**. Máy nghe nhạc sẽ tìm kiếm các tập tin nhạc trên bộ nhớ điện thoại và cập nhật chúng vào **Music library**(Thư viện nhạc).

Để chọn đoạn nhạc trước đó hoặc đoạn nhạc kế tiếp, di chuyển phím điều khiển lên hoặc xuống.

Để phát lặp lại các đoạn nhạc, chọn **Options > Loop**. Chọn **All**(Tất cả) để lặp lại tất cả các đoạn nhạc trong thư mục hiện thời, **One**(Một) để lặp lại những đoạn nhạc đã chọn, hoặc chọn **Off**(Tắt) để tắt chế độ lặp lại.

Để phát nhạc theo thứ tự ngẫu nhiên, chọn một thư mục và chọn **Options > Random play**.

Để xem thông tin về một đoạn nhạc, di chuyển đến đoạn nhạc bạn muốn và chọn **Options > Track details**.

Điều chỉnh âm lượng nhạc

Để điều chỉnh âm lượng nhạc, bấm các phím âm lượng. Để tắt tiếng, bấm phím giảm âm lượng cho tới khi tắt tiếng.

Danh sách nhạc

Bạn có thể tạo một danh sách nhạc mới và thêm các đoạn nhạc vào danh sách này, hoặc chọn một danh sách nhạc đã lưu.

Để tạo một danh sách nhạc mới, chọn **Options > Music library > Track lists > Options > New track list**. Nhập tên cho danh sách nhạc mới này, và chọn **OK**.

Để thêm một đoạn nhạc vào một danh sách nhạc, mở danh sách nhạc này ra, và chọn **Options > Add tracks**.

Bộ lọc âm thanh

Chọn **Menu > Media > Music player > Options > Equaliser**.

Bạn có thể cá nhân hoá âm thanh của các tập tin nhạc với **Equaliser** (Bộ chỉnh âm). Bạn có thể dùng các cài đặt tần số cài trước về kiểu nhạc như nhạc cổ điển hoặc rock. Bạn cũng có thể tạo các cài đặt tự chọn dựa trên kiểu nghe của riêng bạn.

Bạn không thể dùng chức năng khác của **Music player** (Máy nghe nhạc) trong khi **Equaliser** (Bộ chỉnh âm) đang mở.

Với **Equaliser** (Bộ chỉnh âm), bạn có thể nâng cao hoặc giảm bớt tần số trong khi đang phát nhạc và sửa âm

phát ra của bản nhạc. Có các cài đặt tần số đặt trước trong điện thoại, ví dụ như, **Classical** (Cổ điển) và **Rock**.

Để sử dụng cài đặt tần số đặt trước khi phát nhạc, di chuyển đến cài đặt tần số bạn muốn sử dụng, và chọn **Options > Activate**.

Tạo một cài đặt tần số của riêng mình

1. Để tạo một cài đặt tần số của riêng mình, chọn **Options > New preset**.
2. Đặt tên cho cài đặt tần số đặt trước, và chọn **OK**.
3. Di chuyển lên hoặc xuống giữa các dải tần số và cài tần số tại mỗi băng tần. Để di chuyển giữa các dải, di chuyển sang trái hoặc phải..
4. Chọn **Back** (Trở về) để lưu cài đặt tần số mới hoặc chọn **Options > Reset to defaults** để đặt các dải tại vị trí trung gian và khởi động lại.

Recorder (Máy ghi âm)

Chọn **Menu > Media > Recorder**.

Với **Recorder** (Máy ghi âm), bạn có thể ghi âm lên đến 60 giây của một memo thoại, lưu lại như một tập tin âm thanh, nghe lại tập tin âm thanh. **Recorder** (Máy ghi âm) hỗ trợ định dạng AMR.

Bấm phím thoại để kích hoạt **Recorder** (Máy ghi âm). Nếu bạn đã đăng nhập vào dịch vụ push to talk, phím thoại sẽ làm việc như một phím push to talk và không được kích hoạt **Recorder** (Máy ghi âm).

Để ghi âm một memo thoại, chọn **Options > Record sound clip**. Chọn **Pause** (Tạm ngưng) để tạm ngưng ghi âm và chọn **Record** (Quay phim) để tiếp tục ghi âm. Khi

đã ghi âm xong, chọn **Stop**(Ngừng). File âm thanh được tự động lưu vào.

Chiều dài tối đa của một lượt ghi âm thoại là 60 giây, nhưng nó cũng phụ thuộc vào khoảng trống lưu trữ khả dụng trong bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ.

Phát một ghi âm thoại

Để nghe một ghi âm thoại mà bạn vừa ghi âm, chọn biểu tượng phát. (▶). Chọn **Stop**(Ngừng) để ngừng phát. Thanh tình trạng hiển thị thời gian phát, vị trí và độ dài của ghi âm thoại.

Để tạm ngưng phát một ghi âm thoại, chọn **Pause**(Tạm ngưng). Tiếp tục phát khi bạn chọn **Play**(Phát).

Ghi âm thoại mà bạn nhận được hoặc ghi lại là dạng tập tin tạm. Bạn phải lưu các tập tin mà bạn muốn giữ.

Flash player

Chọn **Menu** > **Media** > **Flash Player**.

Với **Flash Player**, bạn có thể xem, phát, và tương tác với các tập tin flash được tạo cho các thiết bị di động.

Để mở một thư mục hoặc phát một tập tin flash, di chuyển đến tập tin này, và bấm phím điều khiển.

Để gửi tập tin flash đến một thiết bị tương thích, di chuyển đến tập tin này, và bấm phím đàm thoại. Việc bảo hộ bản quyền có thể ngăn việc gửi một số tập tin flash.

Để di chuyển giữa các tập tin flash được lưu trong bộ nhớ thiết bị hoặc thẻ nhớ, di chuyển trái hoặc phải.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Các ứng dụng văn phòng

Chọn **Menu > Office**.

Một vài ứng dụng văn phòng không khả dụng với mọi ngôn ngữ.

Một tập tin lớn có thể không mở được hoặc mất nhiều thời gian.

Trình quản lý tập tin

Với **File mgr.**(Quản lý tập tin), bạn có thể quản lý nội dung và tính năng của các tập tin và thư mục. Bạn có thể mở, tạo, di chuyển, copy, đổi tên và tìm kiếm các tập tin và thư mục. Việc bảo hộ bản quyền có thể ngăn cản việc gửi một số tập tin.

Văn bản

Bạn có thể mở, sửa chữa, và lưu các văn bản được tạo ra bởi Microsoft Word cho Windows phiên bản 97 hoặc mới hơn. Lưu ý rằng không phải tất cả các tính năng và định dạng của các tập tin gốc đều được hỗ trợ.

Chọn **Menu > Office > Docum..**

Để mở một văn bản có sẵn, truy cập đến thư mục và văn bản đó, và bấm phím điều khiển. Để đọc văn bản, chọn giao diện ở giữa.



Tip: Để mở một văn bản đã dùng gần đây, chọn **Options > Most recent files**, chọn văn bản, và bấm phím điều khiển.

Để tạo một văn bản mới, chọn **Options > New file**. Chọn **Blank**(Trắng) để tạo một văn bản mới mà không cần sử dụng trang mẫu hoặc **Use template**(Sử dụng mẫu) để tạo một văn bản dựa trên một trang mẫu sẵn có.

Để đọc văn bản, chọn giao diện ở giữa và **Options**(Tùy chọn). Bạn có thể trình duyệt các kiểu đối tượng khác nhau trong tài liệu, phóng to hoặc thu nhỏ, chuyển giữa giao diện màn hình đầy đủ và bình thường, hoặc xem các đối tượng, như hình ảnh. Bạn cũng có thể tìm kiếm các ký tự và sửa cài đặt ứng dụng như phóng, di chuyển và sử dụng các ký tự không hiển thị.



Tip: Để chuyển giữa hiển thị toàn bộ và hiển thị thường trong một văn bản mở, bấm *****. Để phóng to, bấm **5**, và để thu nhỏ, bấm **0**.

Xem nội dung trong một văn bản

Để xem mọi nội dung, ví dụ như bảng, nhận xét, số làm việc, và video clip ở vị trí của chúng ở trong văn bản, chọn hiển thị ở giữa và **Options > Browse > Pages and objects**.

Để mở một bảng hay nhận xét, di chuyển đến nội dung hoặc biểu tượng của nó, và bấm phím điều khiển hai lần.

Để mở một hình ảnh hoặc chuyển đến một siêu liên kết hoặc tham khảo, di chuyển đến nội dung, và nhấn phím điều khiển ba lần.

Sửa văn bản

Để có thể sửa một văn bản, bạn phải kích hoạt chế độ sửa: chọn hiển thị ở giữa và **Options > Edit document**. Chọn **Options > Format**, và tùy chọn định dạng phù hợp. Ví dụ, bạn có thể định dạng đậm, nghiêng và gạch chân, thay đổi cỡ và màu sắc chữ, và thêm gạch đầu dòng. Bạn cũng có thể sửa cài đặt đoạn văn bản ví dụ như căn lề và khoảng cách các dòng.



Tip: Để huỷ một thao tác trong chế độ sửa, chọn **Options > Undo**.

Để chèn một nội dung mới vào văn bản, chọn **Options > Insert object**. Di chuyển đến kiểu nội dung bạn muốn và chọn **Options > Insert**. Nếu bạn muốn chèn một văn bản, sổ làm việc, hoặc bài giới thiệu mới, chọn **Insert new** (Chèn mới). Để chèn một văn bản, sổ làm việc, hoặc bài giới thiệu có sẵn, chọn **Insert existing** (Chèn mục đã có).

Để sửa cài đặt kiểu đoạn văn, chọn **Options > Format > Style**. Chọn kiểu mà bạn muốn định dạng, và **Options > Edit**. Chọn **New style** (Kiểu mới) để thêm một kiểu mới. Tại màn hình sửa kiểu, chọn **Options > Format**, và kiểu bạn muốn. Bạn có thể chỉnh sửa phông, định dạng, đoạn văn, gạch đầu dòng, và kiểu khung.

Xem cấu trúc văn bản

Để xem qua văn bản, chọn xem bên trái. Chọn **Options > Expand** hoặc **Collapse** (Thu nhỏ) để hiển thị các chương chính hoặc mọi chương nhỏ. Nếu có các nội dung trong văn bản, chọn **Options > Display objects** hoặc **Display**

headings (Hiển thị tiêu đề) để chuyển giữa hiển thị danh sách nội dung và đầu đề chương.



Tip: Để mở một chương được chọn tại màn hình thường, di chuyển đến chương đó, và bấm phím điều khiển.

Xem trước trang tổng quan

Để xem trước trang tổng quan, chọn kiểu xem bên phải và **Options** (Tùy chọn).

Xác định các tùy chọn sau:

- **Normal view** (Giao diện bình thường) — Hiển thị trang đang mở dưới dạng xem thường.
- **Pan and zoom** (Pan và zoom) — Thu phóng hình trang tổng quan.
- **View** (Xem) — Chọn **Full screen** (Toàn màn hình) hoặc **Normal screen** (Màn hình bình thường) để chuyển giữa màn hình đầy đủ và màn hình bình thường.

Để thu phóng trang tổng quan, chọn hiển thị bên phải, di chuyển đến trang lựa chọn, và chọn **Options > Pan and zoom**. Một khung lựa chọn màu đen xuất hiện phía trên trang tổng quan, hiển thị vị trí được phóng. Lựa chọn vị trí và **Options > Zoom**.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

- **In** (Phóng to) hoặc **Out** (Thu nhỏ) — Chọn **In** (Phóng to) để phóng một bước tại vị trí lựa chọn, hoặc **Out** (Thu nhỏ) để thu nhỏ một bước tại vị trí lựa chọn.
- **Fit to screen** (Vừa màn hình) — Căn chỉnh mức độ thu phóng để cân trang với độ rộng màn hình.
- **Ratio** (Tỷ lệ) — Sửa mức độ thu phóng, nhập tỉ lệ thu phóng từ 10 đến 999, và chọn **OK**.

Tìm đoạn văn bản

Để tìm một đoạn văn bản trong toàn bộ văn bản, chọn **Options > Find**, nhập các ký tự văn bản trong trường **Find**:(Tìm:), và bấm phím điều khiển.

Để thay đổi tùy chọn tìm kiếm như chữ in, thường và hướng tìm kiếm, chọn **Options > Search options**.

Trình biên tập bảng biểu

Bạn có thể xem các bảng biểu được tạo trong các ứng dụng, như văn bản hoặc MS Word.

Để xem một bảng biểu trong một tập tin, di chuyển đến tập tin đó sao cho một đường các dấu chấm xuất hiện quanh nó, và bấm phím điều khiển.

Để thay đổi một ô được chọn, di chuyển phím điều khiển lên, xuống, sang trái, hoặc sang phải. Nếu ô được chọn không vừa trong khu vực có thể nhìn thấy, bấm phím điều khiển liên hoàn toàn bộ nội dung trước khi thay đổi nội dung ô.

Để chỉnh sửa văn bản trong một ô, chọn ô đó, và bấm phím điều khiển. Để kết thúc chỉnh sửa, bấm tiếp phím điều khiển.

Chọn **Options**(Tùy chọn) và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Zoom**(Chỉnh tỷ lệ) — Phóng to, thu nhỏ giao diện bảng biểu và để chỉnh sửa tỷ lệ thu phóng.
- **Format**(Định dạng) — Thay đổi kiểu phông chữ và định dạng, đoạn văn bản, gạch đầu dòng, và khung.
- **Cell size**(Kích cỡ ô) — Thay đổi kích thước của ô, hàng và cột.

- **Cells**(Các ô) — Chọn tùy chọn để chèn, xoá, hợp hoặc cách ly các ô.
- **Copy table**(Sao chép bảng) — Sao chép văn bản của toàn bộ bảng biểu vào clipboard.

Bảng tính

Chọn **Menu > Office > Sheet**.

Để mở một sổ làm việc đã có, trình duyệt tới thư mục nơi lưu tập tin, và bấm phím điều khiển.

Để tạo một sổ làm việc mới, chọn **Options > New file**. Chọn **Blank**(Trắng) để tạo một tập tin mới không sử dụng bất kỳ mẫu nào hoặc chọn **Use template**(Sử dụng mẫu) để tạo một tập tin dựa trên một mẫu sẵn có. Chọn bảng tính trong giao diện phân cấp, và bấm phím điều khiển để mở tập tin này.

Thao tác với các bảng tính

Để nhập dữ liệu vào các ô, mở giao diện bảng tính. Sử dụng phím điều khiển để di chuyển đến ô, và chọn **Options > Show cell field > Edit cell field**. Trường chỉnh sửa phần trên cùng sẽ mở ra. Nhập dữ liệu vào, và chọn **Done**(Xong) để hoàn tất chỉnh sửa.

Để chọn một dải ô, bấm và giữ phím chỉnh sửa trong khi di chuyển sang phải.

Để chỉnh sửa giao diện bảng tính, chọn **Options > View**.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

- **Pan worksheet**(Pan bảng tính) — Xác định kích cỡ của vùng hiển thị của toàn bộ bảng tính.

- **Fullscreen**(Toàn màn hình) — Chuyển sang giao diện toàn màn hình.
- **Hide headers**(Ẩn tiêu đề) — Ẩn trường tiêu đề và tạo thêm khoảng trống cho khung lưới của bảng tính.
- **Hide gridlines**(Ẩn đường kẻ ô) — Ẩn ô lưới.

Để thay đổi định dạng chữ và số, đường viền, và canh lề, chọn **Options > Format** và chọn tùy chọn thích hợp.

Thao tác với các ô

Để chèn ô, chọn vùng bạn muốn chèn các ô mới và chọn **Options > Cells > Insert**. Bạn có thể chèn các ô vào phía trên (**Shift cells down**(Dịch các ô xuống)) hoặc vào bên trái (**Shift cells right**(Dịch các ô sang phải)) của dải đã chọn. Nếu bạn chỉ chọn một ô, chỉ một ô mới sẽ được chèn. Nếu bạn chọn một dải ô, một dải ô trắng tương ứng sẽ được chèn. Bạn cũng có thể chèn một hàng hoặc một cột mới.

Để xóa các ô, hàng, hoặc cột, chọn những mục bạn muốn xóa và chọn **Options > Cells > Delete**. Bạn có thể xóa toàn bộ một hàng hoặc cột. Nếu bạn chọn **Shift cells left**(Dịch các ô sang trái), các ô được chọn sẽ bị xóa, và các ô bên phải các ô được chọn sẽ được dịch chuyển sang trái. Nếu bạn chọn **Shift cells up**(Dịch các ô lên), các ô ở phía dưới các ô được chọn sẽ được dịch chuyển lên trên.

Để chèn một hàm số vào một ô, chọn một ô. Chọn **Options > Insert > Function** và chọn một hàm trong danh sách. Ví dụ, **#MIN**(cực tiểu) tìm giá trị nhỏ nhất của các nội dung số của một dải ô đã chọn, **#AVERAGE**(trung bình) tính giá trị trung bình, và **#SUM**(tổng) cộng các giá trị lại với nhau. Sau khi bạn đã chọn một hàm, bấm phím điều khiển. Hàm sẽ được chèn vào ô đã chọn. Trên

bảng tính, vào những ô bạn muốn bao gồm trong hàm này trong dấu ngoặc, và bấm phím điều khiển.



Tip: Trước khi chèn một hàm, xác định rằng **Options > Show cell field > Edit grid** đang được chọn và ô được chọn còn trống hoặc bắt đầu bằng dấu **=**.

Tạo và chỉnh sửa các biểu đồ

Khi bạn thay đổi thông tin trên một bảng tính, biểu đồ sẽ được cập nhật đồng thời.

Để mở một biểu đồ, mở giao diện phân cấp, chọn bảng tính và biểu đồ, và bấm phím điều khiển. Nếu các biểu đồ không hiển thị, chọn **Options > Expand**.

Để tạo một biểu đồ mới, chọn những ô của bảng tính có thông tin bạn muốn bao gồm trong biểu đồ và chọn **Options > Insert > Chart**. Để thay đổi hiển thị chung của một biểu đồ hiện có, mở một giao diện biểu đồ. Chọn **Options > View > Chart**. Bạn có thể thay đổi tên của biểu đồ và xác định vùng ô. Bạn có thể thay đổi loại biểu đồ, và tạo biểu đồ hai hoặc ba chiều hoặc thay đổi màu nền và các trục. Di chuyển sang phải để thêm tiêu đề cho biểu đồ và các trục.

Để định dạng một biểu đồ chi tiết hơn, mở một giao diện biểu đồ. Chọn **Options > View** và chọn đối tượng bạn muốn chỉnh sửa. Bạn có thể thay đổi các chuỗi, trục hoành, và trục tung, (như là dấu kiểm tra của một trong hai trục).

Diễn thuyết

Bạn có thể mở, xem, chỉnh sửa, và lưu các diễn thuyết được tạo bằng Microsoft PowerPoint 97 hoặc phiên bản mới hơn. Bạn cũng có thể tạo các diễn thuyết mới. Xin lưu ý rằng không phải tất cả các chức năng và việc định dạng các tập tin gốc đều được hỗ trợ.

Chọn **Menu > Office > Presentat.**

Để mở một diễn thuyết có sẵn, truy cập đến thư mục và tập tin có diễn thuyết, và bấm phím điều khiển.

Để tạo một diễn thuyết mới, chọn **Options > New file.** Chọn **Blank**(Trắng) để tạo một diễn thuyết mới mà không cần sử dụng trang mẫu hoặc **Use template**(Sử dụng mẫu) để tạo một diễn thuyết dựa trên một mẫu diễn thuyết sẵn có.

Xem trình chiếu

Để bắt đầu một trình chiếu, chọn **Options > Presentation.**

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

- **Manual**(Thủ công) — Di chuyển từ trang này đến trang khác bằng tay.
- **Slide show**(Trình chiếu) — Di chuyển từ trang này đến trang khác bằng tay, hoặc sử dụng tính năng chuyển trang tự động. Bạn phải xác định khoảng thời gian hiển thị cho mỗi trang.
- **Manual looped**(Lặp lại theo cách thủ công) — Trình chiếu sẽ tiếp tục lại từ đầu khi trang cuối cùng của diễn thuyết đã trình chiếu xong.
- **Looped slide show**(Trình chiếu lặp lại) — Trình chiếu sẽ tự động tiếp tục lại từ đầu khi trang cuối cùng của diễn thuyết đã trình chiếu xong.

Để di chuyển giữa các trang trong một trình chiếu, di chuyển lên để hiển thị trang trước đó và xuống để hiển thị trang kế tiếp.

Để kết thúc trình chiếu, bấm phím chọn phải.

Thao tác với các giao diện khác nhau

Ứng dụng diễn thuyết bao gồm nhiều giao diện khác nhau giúp bạn khi đọc vào tạo các diễn thuyết.

Để chuyển qua lại giữa các giao diện khác nhau, di chuyển sang phải hoặc sang trái bằng phím điều khiển.

Giao diện bố cục

Để mở giao diện bố cục, chọn giao diện ở giữa. Để bật hoặc tắt hiển thị biểu đồ, nhận xét, bảng, hình ảnh, và hình khối, chọn **Options > Settings**, di chuyển đến mục cài đặt, và bấm phím điều khiển.

Giao diện phân cấp

Giao diện phân cấp được sử dụng để xem qua các tài liệu diễn thuyết dài. Giao diện này cho phép di chuyển nhanh theo chiều dọc, sắp xếp lại các trang, và chỉnh sửa các đối tượng.

Để mở giao diện phân cấp, di chuyển tới giao diện bên trái. Trong giao diện phân cấp, mỗi trang có mục nhập cấp chính riêng. Dưới cấp chính có một cấp phụ cho trường văn bản và đối tượng.

Để xem nội dung trang, chọn **Options > Expand**. Để ẩn nội dung, chọn **Options > Collapse**. Để thu nhỏ hoặc mở

rộng tất cả các mục nhập, chọn **Options > View > Collapse all** hoặc **Expand all** (Mở rộng tất cả).

Để thay đổi thứ tự các trang, di chuyển đến trang bạn muốn chuyển, và chọn **Options > Slide > Move**. Di chuyển lên và xuống để chọn một vị trí mới, và chọn **OK**.

Giao diện ghi chú

Trong giao diện ghi chú, bạn có thể đọc các ghi chú được đính kèm với các trang trong diễn thuyết. Bạn cũng có thể thêm các ghi chú riêng của bạn.

Để mở giao diện ghi chú, di chuyển tới giao diện bên phải. Mỗi trang có mục nhập cấp chính riêng. Dưới cấp chính có một cấp phụ cho ghi chú. Nếu ghi chú không hiển thị, chọn **Options > View > Expand all**. Để chỉnh sửa một ghi chú, di chuyển đến ghi chú đó, và bấm phím điều khiển.

Chỉnh sửa diễn thuyết

Để chỉnh sửa một diễn thuyết, mở giao diện bố cục, và chọn **Options > Edit slide**. Di chuyển sang phải hoặc xuống dưới bằng phím điều khiển để chuyển về phía trước hoặc di chuyển ngược trở lại. Chọn **Options** (Tùy chọn).

Xác định các tùy chọn sau:

- **Add title** (Thêm tiêu đề), **Add subtitle** (Thêm phụ đề), **Add text** (Thêm văn bản), **Insert table** (Chèn bảng), **Insert image** (Chèn hình) — Thêm văn bản hoặc đối tượng mới trong vùng đã chọn.
- **Edit text** (Chỉnh sửa văn bản), **Edit table** (Chỉnh sửa bảng), **Edit document** (Chỉnh sửa tài liệu), **Edit**

workbook (Chỉnh sửa sổ làm việc) — Chỉnh sửa đối tượng đã chọn.

- **Edit object** (Chỉnh sửa đối tượng) — Chọn **Move** (Di chuyển) để chuyển đối tượng, di chuyển đến đối tượng, và bấm phím điều khiển. Chọn **Resize** (Chỉnh kích thước) để thay đổi kích cỡ của đối tượng. Di chuyển sang phải và sang trái để thay đổi kích cỡ chiều ngang của đối tượng và di chuyển lên và xuống để thay đổi kích cỡ chiều dọc. Để chấp nhận thay đổi, bấm phím điều khiển. Chọn **Rotate** (Xoay) để xoay đối tượng. Di chuyển sang phải để xoay đối tượng theo chiều kim đồng hồ và sang trái để xoay ngược chiều kim đồng hồ. Để chấp nhận thay đổi, bấm phím điều khiển. Chọn **Properties** (Đặc tính) để chỉnh sửa văn bản, dòng, đường viền, hoặc các đặc tính nền của đối tượng.
- **Object** (Đối tượng) — Xóa, sao chép, dán, hoặc thêm liên kết vào đối tượng đã chọn.
- **Object position** (Vị trí đối tượng) — Thay đổi vị trí được xếp lớp của đối tượng đã chọn trong diễn thuyết: lên, xuống, về phía trước, hoặc phía sau.
- **Insert** (Chèn) — Thêm hộp văn bản, hình ảnh, hình khối, bảng, hoặc nhận xét mới vào diễn thuyết.
- **Undo** (Hủy), **Redo** (Làm lại) — Rút lại những chỉnh sửa mới nhất.

Tìm văn bản trong một trình chiếu

Để tìm một đoạn văn bản trong trình chiếu, chọn một giao diện bất kỳ. Chọn **Options > Find**, nhập văn bản vào trường **Find** (Tìm:), và bấm phím điều khiển.

Để thay đổi tùy chọn tìm kiếm cho kiểu chữ và toàn bộ từ, chọn **Options > Search options**.

Xuất màn hình

Bạn có thể hiển thị màn hình của điện thoại đến khán giả với một máy chiếu dữ liệu, hoặc một hệ thống chiếu tương thích khác. Nội dung của màn hình được truyền đến máy chiếu dữ liệu sử dụng các công nghệ như kết nối Bluetooth.

Chọn **Menu > Office > Screen export**.

Để có thể hiển thị nội dung màn hình bằng một máy chiếu dữ liệu, bạn phải cài trình điều khiển cho máy chiếu dữ liệu. Để biết thêm thông tin, kiểm tra với nhà sản xuất máy chiếu dữ liệu hoặc đại diện của họ.

Không phải tất cả các ứng dụng đều hỗ trợ chức năng này. Bạn có thể bắt đầu việc xem từ bên ngoài bằng hai cách: từ thư mục **Office** (Các ứng dụng văn phòng) hoặc bên trong ứng dụng hỗ trợ nó.

Hiển thị nội dung màn hình

Để hiển thị nội dung màn hình bằng máy chiếu dữ liệu, mở ứng dụng xuất màn hình, và chọn **Options > Select device**. Trong danh sách các thiết bị khả dụng, di chuyển đến thiết bị bạn muốn sử dụng, và chọn **OK**. Chọn **Options > Enable** để hiển thị nội dung trên màn hình.

Để ẩn nội dung màn hình, chọn **Options > Hide**. Ứng dụng xuất màn hình được chuyển về phía sau.

Để ngừng hiển thị nội dung màn hình, chọn **Options > Disable**.

In ấn

In một tin nhắn hoặc tập tin từ điện thoại. Xem trước việc cần in, xác định các tùy chọn đặt trang, chọn máy in hoặc in đến một tập tin.

Trước khi in, cần chắc chắn rằng điện thoại của bạn được kết nối chuẩn xác đến một máy in.

Để in một tin nhắn hoặc tập tin, mở tin nhắn hoặc tập tin đó, và chọn **Options > Print**.

Xác định các tùy chọn sau:

- **Printer** (Máy in) — Chọn các máy in khả dụng trong danh sách.
- **Print** (In) — Chọn **All pages** (Tất cả các trang), **Even pages** (Các trang chẵn), hoặc **Odd pages** (Các trang lẻ) như phạm vi in.
- **Print range** (Khoảng in) — Chọn **All pages in range** (Tất cả các trang trong vùng), **Current page** (Trang hiện thời), hoặc **Defined pages** (Các trang xác định) như phạm vi của trang.
- **Number of copies** (Số bản) — Chọn số lượng bản in.
- **Print to file** (In thành tập tin) — Chọn in đến một tập tin và xác định vị trí tập tin.

Bạn có thể không in được mọi tin nhắn như các tin nhắn đa phương diện hoặc các kiểu tin nhắn đặc biệt.

Xem trước một tập tin hoặc tin nhắn trước khi in, chọn **Options > Print > Preview**.

Thay đổi định dạng trang trước khi in, chọn **Options > Print > Page setup** và chọn một trong các tab sau:

- **Paper size** (Kích cỡ giấy) — Thay đổi cỡ giấy hoặc hướng và chỉnh chiều dài và chiều rộng.
- **Margins** (Lề) — Thay đổi lề trái, phải, trên hoặc dưới.

- **Header**(Đầu trang) — Chiều dài tối đa của tiêu đề là 128 ký tự. Bạn có thể đặt khoảng cách từ tiêu đề đến vùng văn bản và chọn có bao gồm tiêu đề trên trang đầu của văn bản.
- **Footer**(Chân trang) — Chiều dài tối đa của cuối mục là 128 ký tự. Bạn có thể đặt khoảng cách từ cuối mục đến phần văn bản.

Để thêm hoặc xóa một máy in, chọn **Menu > Office > Printers > Options > Add** hoặc **Delete**(Xóa).

Settings(Cài đặt)

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings**.

Bạn có thể xác định và thay đổi một số cài đặt của điện thoại. Việc thay đổi các cài đặt ảnh hưởng đến sự vận hành của điện thoại thông qua nhiều ứng dụng.

Một vài cài đặt có thể được đặt trước cho điện thoại hoặc được gửi đến bạn trong tin nhắn cài đặt của nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Bạn có thể không thay đổi được chúng.

Di chuyển đến cài đặt bạn muốn chỉnh sửa, và bấm phím điều khiển để thực hiện:

- Chuyển giữa hai giá trị, như bật hoặc tắt.
- Chọn một số giá trị từ danh sách.
- Mở trình chỉnh sửa văn bản để nhập một giá trị.
- Mở một trang để tăng hoặc giảm giá trị bằng cách di chuyển sang trái hoặc phải.

Cài đặt cho máy

Chọn **Phone**(Trên máy) để thay đổi cài đặt ngôn ngữ, cài đặt chế độ chờ, và cài đặt hiển thị của điện thoại.

Cài đặt General(Bình thường)

Chọn **General**(Bình thường) và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Phone language**(Ngôn ngữ điện thoại) — Chọn một ngôn ngữ trong danh sách. Thay đổi ngôn ngữ điện

thoại ảnh hưởng đến mọi ứng dụng trong điện thoại. Khi thay đổi ngôn ngữ, điện thoại sẽ khởi động lại.

- **Writing language**(Ngôn ngữ viết) — Chọn một ngôn ngữ trong danh sách. Thay đổi ngôn ngữ viết cũng ảnh hưởng đến các ký tự khả dụng khi viết văn bản và từ điển đoán ký tự được sử dụng.
- **Predictive text**(Văn bản tiên đoán) — Chọn **On**(Bật) để sử dụng kiểu nhập văn bản tiên đoán. Từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ không có sẵn cho tất cả ngôn ngữ.
- **Welcome note / logo**(Lời chào / logo) — Chọn **Default**(Mặc định) để dùng hình ảnh mặc định, **Text**(Văn bản) để nhập lời chào của riêng bạn, hoặc **Image**(Hình ảnh) để chọn hình ảnh từ Bộ sưu tập. Biểu tượng chào hoặc lời chào sẽ được hiển thị nhanh mỗi khi bạn bật điện thoại.
- **Orig. phone settings**(Cài đặt gốc cho máy) — Khôi phục cài đặt gốc của điện thoại. Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa điện thoại. Sau khi cài đặt lại, điện thoại có thể khởi động lâu hơn. Văn bản, thông tin về số liên lạc, các mục lịch và các tập tin không bị ảnh hưởng.

Cài đặt chế độ chờ

Chọn **Standby mode**(Chế độ chờ) và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Active standby**(Chế độ active standby) — Chọn **On**(Bật) để có các phím tắt đến các ứng dụng khả dụng khác nhau ở chế độ active standby.

- **Left selection key**(Phím chọn trái), **Right selection key**(Phím chọn phải) — Thay đổi các phím tắt mở từ phím chọn trái sang phải trong màn hình chờ. Bấm phím điều khiển, chọn một chức năng từ danh sách, và chọn **OK**.
- **Navigation key right**(Phím di chuyển phải), **Navigation key left**(Phím di chuyển trái), **Navigation key down**(Phím di chuyển xuống), **Navigation key up**(Phím di chuyển lên), **Selection key**(Phím chọn) — Thay đổi các phím tắt được mở khi bạn di chuyển đến hướng khác. Các cài đặt này không khả dụng nếu bạn chọn **Active standby** > **On**.

Cài đặt hiển thị

Chọn **Display**(Màn hình) và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Light sensor**(Thiết bị cảm quang) — Điều chỉnh độ sáng được yêu cầu để làm sáng màn hình điện thoại.
- **Power saver time-out**(Thời gian chờ của chế độ tiết kiệm điện) — Chọn thời lượng trước khi màn hình riêng được kích hoạt. Việc kích hoạt màn hình riêng kéo dài thời gian vận hành của điện thoại.
- **Light time-out**(Thời gian chờ tắt đèn) — Đặt khoảng thời gian giữa lần cuối cùng bấm phím đến lúc màn hình tối dần.

Cài đặt cuộc gọi

Chọn **Call**(Gọi) và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Send my caller ID**(Bảo số) — Chọn **Yes**(Có) để hiển thị số điện thoại của bạn cho người mà bạn gọi hoặc

Set by network(Lựa chọn gốc) để mạng tự xác định có hoặc không gửi ID của bạn.

- **Send my net call ID**(Bảo số mạng) — Bật chức năng này nếu bạn muốn hiển thị mã ID người gọi cuộc gọi Internet trên thiết bị của người bạn đang gọi.
- **Call waiting**(Cuộc gọi chờ) — Chọn **Activate**(Khởi động) để được thông báo có cuộc gọi đến khi bạn đang ở giữ một cuộc gọi hoặc **Check status**(Hiện trạng) để kiểm tra nếu chức năng được kích hoạt trên mạng.
- **Internet call waiting**(Cuộc gọi chờ Internet) — Kích hoạt để chức năng này thông báo về một cuộc gọi đến mới trong khi bạn đang có một cuộc gọi Internet.
- **Internet call alert**(Cảnh báo cuộc gọi Internet) — Đặt có nếu bạn muốn điện thoại hưởng ứng đến một người gọi đang bận. Nếu bạn đặt không, điện thoại sẽ phát chuông bạn đến người gọi và bạn nhận được thông báo về cuộc gọi nhờ.
- **Default call type**(Kiểu gọi mặc định) — Chọn **Cellular**(Di động) để thực hiện cuộc gọi bình thường đến một số điện thoại hoặc **Internet** để dùng giao thức VoIP để gọi đến một số hoặc một địa chỉ.
- **Reject call with SMS**(Từ chối cuộc gọi cùng với SMS) — Chọn **Yes**(Có) để tự động gửi tin nhắn văn bản đến người đang gọi điện cho bạn và thông báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi của họ.
- **Message text**(Nội dung tin nhắn) — Nhập văn bản sẽ được gửi khi bạn không thể trả lời cuộc gọi đến và muốn tự động gửi tin nhắn văn bản như một sự trả lời.
- **Image in video call**(Hình trong cuộc gọi video) — Chọn **Use selected**(Sử dụng đã chọn) để chọn hình ảnh tĩnh được hiển thị thay vì đoạn video khi đang có cuộc gọi video hoặc **None**(Không có gì) để không gửi hình ảnh giữa cuộc gọi video.

- **Automatic redial**(Tự gọi lại) — Chọn **On**(Bật) để gọi lại một số nếu trước đó là số bận. Điện thoại sẽ thực hiện 10 lượt gọi lại để kết nối cuộc gọi.
- **Summary after call**(Chi tiết cuộc gọi) — Chọn **On**(Bật) để hiển thị vẫn tắt thời lượng gần đúng của cuộc gọi mới nhất.
- **Speed dialling**(Quay số nhanh) — Chọn **On**(Bật) để kích hoạt chức năng quay số nhanh cho điện thoại. Để quay một số điện thoại được đặt cho một phím quay số nhanh (2-9), bấm và giữ phím đó.
See "Speed dial(Quay số nhanh)," p. 26.
- **Anykey answer**(Phím bất kỳ) — Chọn **On**(Bật) để trả lời một cuộc gọi đến bằng cách bấm nhanh một phím bất kỳ, ngoại trừ phím nguồn.
- **Line in use**(Số máy đang sử dụng) — Chọn **Line 1**(Số máy 1) hoặc **Line 2**(Số máy 2) để thay đổi đường truyền cho cuộc gọi đi và tin nhắn văn bản (dịch vụ mạng). Cài đặt này được hiển thị chỉ khi thẻ SIM hỗ trợ dịch vụ đường truyền thứ hai và một đăng ký đến hai đường truyền.
- **Line change**(Đổi số máy) — Chọn **Disable**(Vô hiệu) để ngăn việc chọn đường truyền (dịch vụ mạng). Để thay đổi cài đặt này, bạn cần mã PIN2.
- **Internet call alert**(Cảnh báo cuộc gọi Internet) — Chọn **Off**(Tắt) để thông báo cho các cuộc gọi Internet rằng điện thoại của bạn đang bận hoặc chọn **On**(Bật) để chấp nhận cuộc gọi Internet đến.

Cài đặt kết nối

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Access points**(Điểm truy cập) — Thiết lập điểm truy cập mới hoặc chỉnh sửa điểm truy cập đã có. Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.
- **Access point groups**(Các nhóm điểm truy cập) — Thiết lập mới hoặc chỉnh sửa các nhóm điểm truy cập nhóm đã có được sử dụng trong việc thiết lập kết nối tự động và dịch vụ chuyển vùng e-mail.
- **Packet data**(Dữ liệu gói) — Xác định khi kết nối dữ liệu gói được dùng, và nhận điểm truy cập nếu bạn dùng điện thoại như một modem cho máy tính.
- **Internet tel. settings**(Cài đặt điện thoại Internet) — Xác định cài đặt cho các cuộc gọi Internet.
- **SIP settings**(Cài đặt SIP) — Xem hoặc tạo cấu hình giao thức phiên khởi đầu (SIP).
- **Data call**(Cuộc gọi data) — Cài đặt quá trình nghỉ mà sau đó kết nối cuộc gọi dữ liệu tự động ngắt.
- **VPN** — Cài đặt và quản lý chính sách VPN, quản lý server chính sách VPN, xem nhật ký VPN, và tạo và quản lý các điểm truy cập VPN.
- **Wireless LAN**(Mạng LAN không dây) — Xác định rằng nếu điện thoại hiển thị một chỉ báo khi có mạng LAN không dây, và tần suất điện thoại tìm kiếm mạng.
- **Configs.**(Cấu hình) — Xem và xóa các server tin cậy mà từ đó điện thoại có thể nhận các cài đặt cấu hình.

Để tiếp nhận thông tin về mạng LAN không dây hoặc đăng nhập vào dịch vụ dữ liệu gói và các kết nối cụ thể và cài đặt cấu hình, liên hệ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể khác nhau.

Điểm truy cập

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**.

Một điểm truy cập là nơi điện thoại của bạn kết nối đến mạng bằng một cuộc gọi dữ liệu. Để sử dụng e-mail và các dịch vụ đa phương diện hoặc để duyệt các trang web, trước tiên bạn phải xác định điểm truy cập cho các dịch vụ này.

Một điểm truy cập nhóm được dùng cho việc kết nhóm và đặt ưu tiên điểm kết nối. Một ứng dụng có thể dùng một nhóm như một kiểu kết nối thay cho một điểm truy cập đơn. Trong trường hợp đó, điểm truy cập tốt nhất khả dụng trong một nhóm được dùng để tạo kết nối và với trường hợp e-mail, cũng dùng để hoà mạng.

Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng. See "Các điểm truy cập internet," p. 56.

Nhóm điểm truy cập

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access point groups**.

Một điểm truy cập nhóm được dùng cho việc kết nhóm và đặt ưu tiên điểm kết nối. Một ứng dụng có thể dùng một nhóm như một kiểu kết nối thay cho một điểm truy cập đơn. Trong trường hợp đó, điểm truy cập tốt nhất khả dụng trong một nhóm được dùng để tạo kết nối và với trường hợp e-mail, cũng dùng để hoà mạng. See "Nhóm điểm truy cập," p. 66.

Dữ liệu gói

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Packet data**.

Điện thoại của bạn hỗ trợ các kết nối truyền dữ liệu gói, ví dụ như GPRS trong mạng GSM. Khi sử dụng điện thoại trong mạng GSM và UMTS, bạn có thể có nhiều kết nối dữ liệu hoạt động cùng lúc; các điểm truy cập có thể dùng chung một kết nối dữ liệu; và những kết nối dữ liệu vẫn được duy trì (ví dụ khi đang có cuộc gọi thoại). See "Quản lý kết nối," p. 64.

Cài đặt dữ liệu gói

Các cài đặt dữ liệu gói ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng kết nối truyền dữ liệu.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Packet data conn.**(Kết nối dữ liệu gói) — Chọn **When available**(Khi khả dụng) để đăng ký điện thoại đến mạng dữ liệu gói khi bạn bật điện thoại trong mạng được hỗ trợ. Chọn **When needed**(Khi cần) để chỉ thiết lập kết nối dữ liệu gói khi một ứng dụng hoặc một hành động cần có kết nối dữ liệu gói.
- **Access point**(Điểm truy cập) — Nhập tên điểm truy cập cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ để dùng điện thoại như một modem dữ liệu gói đến máy tính.

Các cài đặt này ảnh hưởng đến mọi điểm truy cập cho kết nối dữ liệu gói.

Cài đặt cuộc gọi Internet

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Internet tel. settings**. Chọn **Options** > **New profile** hoặc **Options** > **Edit**.

Di chuyển đến **Name**(Tên), bấm phím điều khiển, nhập tên cho cấu hình này, và chọn **OK**.

Di chuyển đến **SIP profiles**(Cấu hình SIP), bấm phím điều khiển, chọn một cấu hình và chọn **OK**. Các giao thức SIP được sử dụng để tạo, chỉnh sửa, và ngừng các phiên giao tiếp như là các cuộc gọi Internet với một hoặc nhiều thành viên. Cấu hình SIP bao gồm các cài đặt cho các phiên này.

Để lưu cài đặt, bấm **Back**(Trở về).

Cài đặt cuộc gọi dữ liệu

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Data call**.

Để đặt khoảng thời gian nghỉ sau khi cuộc gọi dữ liệu tự động ngắt hoặc không có dữ liệu được truyền, chọn **Online time**(Thời gian trực tuyến), và bấm phím điều khiển. Chọn **User defined**(Do người dùng tạo) để tự nhập thời gian hoặc chọn **Unlimited**(Không hạn chế) để giữ kết nối ở trạng thái hoạt động cho tới khi bạn chọn **Options** > **Disconnect**.

VPN

Điểm truy cập VPN

Để quản lý các điểm truy cập VPN, chọn **VPN** > **VPN access points** > **Options**, và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Edit**(Chỉnh sửa) — Sửa điểm truy cập được chọn. Nếu điểm truy cập đang sử dụng hoặc cài đặt của điểm truy cập được bảo vệ, bạn không thể chỉnh sửa điểm truy cập này.

- **New access point**(Điểm truy cập mới) — Tạo một điểm truy cập VPN mới.
- **Delete**(Xóa) — Xoá điểm truy cập được chọn.

Cài đặt điểm truy cập VPN

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt điểm truy cập phù hợp.

Để chỉnh sửa cài đặt điểm truy cập VPN, chọn điểm truy cập và chọn **Options**(Tùy chọn).

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Connection name**(Tên kết nối) — Nhập một tên cho kết nối VPN. Chiều dài tối đa của tên là 30 ký tự.
- **VPN policy**(Chính sách VPN) — Chọn chính sách VPN được dùng với điểm truy cập này.
- **Internet access pt.**(Điểm truy cập Internet) — Chọn điểm truy cập Internet được dùng với điểm truy cập VPN.
- **Proxy serv. address**(Địa chỉ server proxy) — Nhập địa chỉ máy chủ proxy của điểm truy cập VPN này.
- **Proxy port number**(Số cổng proxy) — Nhập số cổng proxy.

Mạng LAN không dây

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Wireless LAN**.

Để hiển thị một chỉ báo khi có một mạng LAN không dây trong vị trí của bạn, chọn **Show availability** > **Yes**.

Để chọn khoảng thời gian để điện thoại quét tìm những mạng LAN không dây khả dụng và cập nhật chỉ báo, chọn **Scan for networks**(Quét mạng). Cài đặt này sẽ

không hiển thị trừ khi bạn chọn **Show availability > Yes**.

Cài đặt mạng WLAN nâng cao

Chọn **Menu > Tools > Settings > Connection > Wireless LAN > Options > Advanced settings**. Cài đặt mạng LAN không dây nâng cao thường được xác định tự động, và không nên thay đổi.

Để chỉnh sửa cài đặt theo cách thủ công, chọn **Automatic config. > Disabled**, và xác định các thông số cài đặt sau đây:

- **Long retry limit**(Giới hạn thử lại dài) — Nhập số cực đại các lần thử truyền nếu điện thoại không nhận được tín hiệu xác nhận từ mạng.
- **Short retry limit**(Giới hạn thử lại ngắn) — Nhập số cực đại các lần thử truyền nếu điện thoại không nhận được tín hiệu sẵn sàng gửi từ mạng.
- **RTS threshold**(Ngưỡng RTS) — Chọn kích thước dữ liệu gói mà điểm truy cập mạng LAN không dây của điện thoại phát yêu cầu gửi trước khi gửi gói.
- **TX power level**(Mức năng lượng TX) — Chọn mức năng lượng của điện thoại khi gửi dữ liệu.
- **Radio measurements**(Số đo) — Cho phép hoặc không cho phép việc đo lường radio.

Để khôi phục mọi cài đặt về giá trị nguyên gốc, chọn **Options > Restore defaults**.

Cài đặt bảo mật cho điểm kết nối mạng LAN không dây

Cài đặt bảo mật WEP

Chọn **Menu > Tools > Settings > Connection > Access points**. Chọn **Options > New access point**, hoặc chọn một điểm truy cập và chọn **Options > Edit**.

Trong cài đặt điểm truy cập, chọn **WLAN security mode > WEP**.

Tính bảo mật tương đương với các biện pháp mã hóa của mạng hữu tuyến mã hoá dữ liệu trước khi gửi. Những người dùng không có các khoá WEP yêu cầu sẽ không được truy cập vào mạng. Khi dùng chế độ bảo mật WEP, nếu điện thoại nhận được dữ liệu gói không mã hoá với các khoá WEP, dữ liệu sẽ bị loại.

Trong một mạng **Ad-hoc**, mọi thiết bị phải sử dụng cùng một khoá WEP.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **WEP key in use**(Mã khóa WEP đang sử dụng) — Chọn khoá WEP.
- **Authentication type**(Kiểu xác thực) — Chọn **Open** (Mở) hoặc **Shared**(Chia sẻ).
- **WEP key settings**(Cài đặt mã khóa WEP) — Sửa cài đặt cho khoá WEP.

Cài đặt khoá WEP

Chọn **Menu > Tools > Settings > Connection > Access points**. Chọn **Options > New access point**, hoặc chọn một điểm truy cập và chọn **Options > Edit**.

Trong cài đặt điểm truy cập, chọn **WLAN security mode > WEP**.

Trong một mạng **Ad-hoc**, mọi thiết bị phải sử dụng cùng một khoá WEP.

Chọn **WLAN security sett.** > **WEP key settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **WEP encryption**(Mã hóa WEP) — Chọn độ dài khoá mã hoá WEP.
- **WEP key format**(Định dạng mã khóa WEP) — Chọn nhập dữ liệu mã khóa WEP dưới dạng **ASCII** hoặc **Hexadecimal**(Hệ thập lục phân).
- **WEP key**(Mã khóa WEP) — Nhập dữ liệu khoá WEP.

Cài đặt bảo mật 802.1x

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**. Chọn **Options** > **New access point**, hoặc chọn một điểm truy cập và chọn **Options** > **Edit**.

Trong cài đặt điểm truy cập, chọn **WLAN security mode** > **802.1x**.

802.1x(802.1x) xác nhận và uỷ quyền các thiết bị truy cập vào mạng không dây, và ngăn không cho truy cập nếu không vượt qua quá trình uỷ quyền.

Chọn **WLAN security sett.**(Cài đặt bảo mật WLAN). và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **WPA mode**(Chế độ WPA) — Chọn **EAP** (giao thức xác nhận có thể mở rộng) hoặc **Pre-shared key**(Mã khóa chia sẻ trước) (một khoá bí mật dùng để xác định điện thoại).
- **EAP plug-in settings**(Cài đặt EAP plug-in) — Nếu bạn chọn **WPA mode** > **EAP**, chọn plug-in EAP được xác định trong điện thoại của bạn để dùng với điểm truy cập.
- **Pre-shared key**(Mã khóa chia sẻ trước) — Nếu bạn đã chọn **WPA mode** > **Pre-shared key**, nhập khoá cá

nhân chia sẻ xác nhận điện thoại của bạn đến mạng LAN không dây mà bạn kết nối.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể khác nhau.

Cài đặt bảo mật WPA

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**. Chọn **Options** > **New access point**, hoặc chọn một điểm truy cập và chọn **Options** > **Edit**.

Trong cài đặt điểm truy cập, chọn **WLAN security mode** > **WPA/WPA2**.

Chọn **WLAN security sett.**(Cài đặt bảo mật WLAN). và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **WPA mode**(Chế độ WPA) — Chọn **EAP** (giao thức xác nhận có thể mở rộng) hoặc **Pre-shared key**(Mã khóa chia sẻ trước) (một khoá bí mật dùng để xác định điện thoại).
- **EAP plug-in settings**(Cài đặt EAP plug-in) — Nếu bạn chọn **WPA mode** > **EAP**, chọn plug-in EAP được xác định trong điện thoại của bạn để dùng với điểm truy cập.
- **Pre-shared key**(Mã khóa chia sẻ trước) — Nếu bạn chọn **WPA mode** > **Pre-shared key**, nhập khoá cá nhân chia sẻ xác nhận điện thoại của bạn đến mạng LAN không dây mà bạn kết nối.
- **TKIP encryption**(Mã hóa TKIP) — Để cho phép mã hóa TKIP, dựa trên các mã khóa nhất thời được thay đổi thường xuyên, đủ để ngăn ngừa sử dụng sai, chọn **Allowed**(Được phép). Tất cả các thiết bị trong mạng LAN không dây phải cho phép hoặc chặn việc sử dụng mã hoá TKIP.

Các cài đặt khả dụng cho việc chỉnh sửa có thể khác nhau.

EAP

Để xem các plug-in EAP (giao thức xác nhận có thể mở rộng) hiện được cài đặt trên điện thoại của bạn (dịch vụ mạng), chọn **Menu > Tools > Settings > Connection > Access points**. Chọn **Options > New access point** và xác định một điểm truy cập sử dụng mạng LAN không dây làm đường truyền dữ liệu và chọn **802.1x(802.1x)** hoặc **WPA/WPA2** làm chế độ bảo mật của chúng. Chọn **WLAN security sett. > WPA mode > EAP**, di chuyển đến **EAP plug-in settings**(Cài đặt EAP plug-in), và bấm phím điều khiển.

Cài đặt EAP

Chọn **Menu > Tools > Settings > Connection > Access points**. Chọn **Options > New access point**, hoặc chọn một điểm truy cập và chọn **Options > Edit**.

Chọn **WLAN security mode > 802.1x** hoặc **WPA/WPA2**.

Chọn **WLAN security sett. > WPA mode > EAP**, di chuyển đến **EAP plug-in settings**(Cài đặt EAP plug-in), và bấm phím điều khiển.

Giao thức xác nhận có thể mở rộng được sử dụng trong các mạng không dây để xác nhận các thiết bị không dây và các server xác nhận, và các plug-in EAP khác nhau để có thể sử dụng những phương pháp EAP khác nhau (dịch vụ mạng).

Để sử dụng một plug-in EAP khi bạn kết nối vào một mạng WLAN sử dụng điểm truy cập, chọn plug-in bạn muốn và chọn **Options > Enable**. Các plug-in EAP được bật để sử dụng cùng với điểm truy cập này có dấu chọn cạnh chúng. Để vô hiệu một plug-in, chọn **Options > Disable**.

Để chỉnh sửa cài đặt plug-in EAP, chọn **Options > Configure**.

Để thay đổi mức ưu tiên của các cài đặt plug-in EAP, chọn **Options > Raise priority** để tìm cách sử dụng plug-in trước các plug-in khi kết nối vào mạng bằng điểm truy cập, hoặc **Options > Lower priority** để sử dụng plug-in này cho xác nhận mạng sau khi tìm cách sử dụng các plug-in khác.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Xem mục trợ giúp của điện thoại để biết thêm thông tin về các plug-in EAP.

Các cấu hình

Để xem và xóa các cài đặt cấu hình cho các server tin cậy, chọn **Menu > Tools > Settings > Connection > Configs..**

bạn có thể nhận tin nhắn từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc ban quản trị thông tin cơ quan có chứa các cài đặt cấu hình cho server tin cậy. Các cài đặt này sẽ tự động được lưu trong **Configs.**(Cấu hình). bạn có thể nhận cài đặt cấu hình cho điểm truy cập, dịch vụ e-mail hoặc đa phương diện, và IM hoặc cài đặt đồng bộ hoá từ các server tin cậy.

Để xóa cấu hình của một server tin cậy, di chuyển đến server đó và bấm phím xóa. Cài đặt cấu hình cho các ứng dụng khác được cung cấp bởi server này cũng sẽ bị xoá.

Cài đặt ngày và giờ

See "Cài đặt đồng hồ," p. 97.

Cài đặt bảo mật

See "Xác định cài đặt bảo mật," p. 33.

Cài đặt phụ kiện

Chọn **Menu** > **Tools** > **Settings** > **Enhancement**.



Warning: Khi sử dụng tai nghe, khả năng nghe âm thanh bên ngoài của bạn có thể bị ảnh hưởng. Không sử dụng tai nghe tại nơi nó có thể gây nguy hiểm cho bạn.

Bạn có thể chọn từ các cài đặt sau cho hầu hết các phụ kiện:

- **Default profile**(Cấu hình mặc định) — Chọn cấu hình được kích hoạt khi bạn gắn phụ kiện vào điện thoại.
- **Automatic answer**(Trả lời tự động) — Để điện thoại tự động trả lời cuộc gọi khi đã gắn phụ kiện vào. Chọn **On**(Bật) để cài điện thoại tự động trả lời cuộc gọi đến sau 5 giây. Nếu kiểu chuông báo được cài sang **Beep once**(1 hồi bíp) hoặc **Silent**(Im lặng) trong menu cấu hình, chức năng trả lời tự động sẽ tắt.
- **Lights**(Đèn) — Chọn **On**(Bật) để chiếu sáng điện thoại khi điện thoại được gắn với phụ kiện.

Organiser(Sắp xếp)

Chọn **Menu** > **Organiser**.

Organiser(Sắp xếp) bao gồm các công cụ trợ giúp bạn tổ chức và quản lý chi tiết của các sự kiện khác nhau trong cuộc sống cá nhân và công việc.

Calendar(Lịch)

Chọn **Menu** > **Organiser** > **Calendar**.

Trong **Calendar**(Lịch), bạn có thể tạo hình thức xem lịch các sự kiện và các cuộc hẹn. Bạn có thể cài âm báo cho các mục lịch.

Bạn có thể đồng bộ dữ liệu lịch với một máy tính tương thích sử dụng bộ Nokia PC Suite. Đối với thông tin về đồng bộ, xem hướng dẫn sử dụng bộ PC Suite.

Tạo các mục nhập lịch

Bạn có thể tạo bốn kiểu mục lịch:

- Các mục **Meeting**(Họp) có ngày giờ cụ thể.
- **Memo**(Ghi nhớ) mục có liên quan đến các ngày nhưng không cụ thể thời gian trong ngày. Các mục memo sẽ không xuất hiện trong giao diện lịch tuần.
- Các mục **Anniversary**(Ngày kỷ niệm) sẽ nhắc bạn về những ngày sinh nhật hoặc các ngày đặc biệt. Chúng đề cập đến một ngày cụ thể nhưng không có giờ cụ thể trong ngày. Các mục ngày kỷ niệm sẽ được lặp lại hàng năm.

- Các mục **To-do note**(Ghi chú công việc) nhắc bạn về một công việc có thời hạn nhưng không có giờ cụ thể trong ngày.

Để tạo các mục nhập lịch, di chuyển đến một ngày, và chọn **Options** > **New entry**. Chọn kiểu mục. Có nhiều cách cài đặt khả dụng cho cuộc họp, ghi nhớ, ngày kỷ niệm và việc cần làm.

Để mở và chỉnh sửa một mục nhập hiện có, di chuyển đến mục nhập đó, và chọn **Options** > **Open**. Chỉnh sửa các chi tiết trong các trường khác nhau.



Tip: Để chỉnh sửa hoặc xóa một mục được lặp lại, hãy chọn cách bạn thực hiện sự thay đổi. Nếu bạn chọn **All calendar entries deleted**(Tất cả các mục nhập lịch đã bị xóa), tất cả các mục lặp lại sẽ bị xóa. Nếu bạn chọn **Delete entry**(Xóa mục nhập), chỉ mục hiện thời sẽ bị xóa.

To-do(Công việc)

Bạn có thể tạo và duy trì một công việc hoặc một danh sách công việc phải thực hiện tại một ngày nhất định. Mỗi công việc có thể được gán một ngày hoàn thành, nhưng không cụ thể thời gian trong ngày.

Để mở danh sách các ghi chú công việc, chọn **Options** > **To-do list**.

Để thêm ghi chú công việc, chọn **Options** > **New entry** > **To-do**. Bắt đầu viết công việc trong trường **Subject**(Chủ đề). Bạn có thể đặt ngày hoàn thành cho công việc, và

qui định mức ưu tiên. Biểu tượng mức ưu tiên là (!) **High**(Cao) và (-) **Low**(Thấp). Sẽ không có biểu tượng nào dành cho **Normal**(Bình thường).

Để đánh dấu một công việc đã hoàn thành, di chuyển đến công việc trong danh sách công việc, và chọn **Options > Mark as done**.

Để khôi phục một công việc, di chuyển đến công việc đó trong danh sách, và chọn **Options > Mark as not done**.

Giao diện lịch

Để chuyển qua lại giữa các giao diện lịch khác nhau, chọn **Options**(Tùy chọn) trong giao diện lịch bất kỳ. Chọn một kiểu giao diện trong danh sách.

Để cài kiểu xem lịch mặc định, chọn **Options > Settings > Default view > Month view, Week view**(Giao diện tuần), **Day view**(Giao diện ngày), hoặc **To-do view**(Giao diện công việc).

Để xem một ngày cụ thể trong hình lịch, chọn **Options > Go to date**. Nhập ngày vào, và chọn **OK**.

Thêm mục lịch nhận được vào lịch

Bạn có thể nhận một mục lịch dưới dạng phần đính kèm với tin nhắn đa phương tiện hoặc e-mail.

Để thêm một mục lịch nhận được vào lịch, mở mục lịch được đính kèm theo tin nhắn, và chọn **Options > Save to Calendar**. Mục này sẽ được thêm vào lịch mặc định của bạn.

Notes(Ghi chú)

Chọn **Menu > Organiser > Notes**.

Bạn có thể tạo và gửi ghi chú đến các thiết bị tương thích khác, và lưu các tập văn bản đơn giản (dạng .txt) mà nhận được vào **Notes**(Ghi chú)

Để viết ghi chú mới, chọn **Options > New note**, viết nội dung và bấm **Done**(Xong).

Calculator(Máy tính)



Note: Máy tính này có độ chính xác giới hạn và được sử dụng cho các phép tính đơn giản.

Chọn **Menu > Organiser > Calculator**.

Để thực hiện phép tính, vào số liệu đầu tiên của phép tính. Dịch chuyển và chọn phép tính, ví dụ như cộng hoặc trừ từ bàn đồ phép tính. Nhập vào số hạng thứ hai của phép tính, và chọn **=**. Để thêm dấu thập phân, bấm **#**.

Máy tính thực hiện phép tính theo thứ tự được nhập vào. Kết quả phép tính lưu lại trên trình biên tập và có thể được sử dụng như số thứ nhất của một phép tính mới.

Để lưu trữ kết quả phép tính, chọn **Options > Memory > Save**. Kết quả được lưu trữ sẽ thế chỗ số liệu được lưu trước đó trong bộ nhớ.

Để lấy lại kết quả của phép tính từ bộ nhớ và sử dụng chúng để tính toán, chọn **Options > Memory > Recall**.

Để xem kết quả lưu cuối cùng, chọn **Options** > **Last result**.

Thoát khỏi ứng dụng máy tính hoặc tắt điện thoại sẽ không xóa sạch bộ nhớ. Trong lần sử dụng ứng dụng máy tính tiếp theo, bạn có thể gọi lại kết quả lưu cuối cùng.

Converter (Bộ chuyển đổi)

Chọn **Menu** > **Organiser** > **Converter**.

Bộ chuyển đổi có độ chính xác giới hạn, và có thể có lỗi làm tròn số.

Chuyển đổi đo lường

1. Di chuyển đến trường **Type** (Loại), và chọn **Options** > **Conversion type** để mở danh sách các số đo. Di chuyển đến số đo bạn muốn sử dụng, và chọn **OK**.
2. Di chuyển đến trường **Unit** (Đơn vị) đầu tiên, và chọn **Options** > **Select unit**. Chọn đơn vị bạn muốn đổi và bấm **OK**. Di chuyển đến trường **Unit** (Đơn vị) kế tiếp, và chọn đơn vị bạn muốn chuyển đổi.
3. Di chuyển đến trường **Amount** (Số tiền) đầu tiên và nhập giá trị bạn muốn chuyển đổi. Các trường **Amount** (Số tiền) khác sẽ tự động thay đổi để hiển thị giá trị chuyển đổi.

Bấm **#** để thêm dấu thập phân và bấm ***** để thêm + và - (cho nhiệt độ), và **E** (số mũ).

Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi



Note: Khi thay đổi tiền tệ gốc, bạn phải nhập tỉ giá mới vào vì tất cả các tỉ giá được cài trước đó sẽ bị xóa.

Trước khi thực hiện chuyển đổi tiền tệ, bạn phải chọn một loại tiền tệ cơ sở và thêm các tỉ giá chuyển đổi. Tỉ giá tiền tệ luôn là 1. Đồng tiền gốc xác định tỉ giá chuyển đổi của đồng tiền khác.

1. Để đặt tỉ giá cho một đơn vị tiền, di chuyển đến trường **Type** (Loại) và chọn **Options** > **Currency rates**.
2. Danh sách các loại tiền tệ sẽ mở ra và bạn có thể thấy loại tiền tệ gốc hiện thời ở đầu danh sách. Di chuyển đến loại tiền và nhập tỉ giá bạn muốn đặt cho một đơn vị tiền.
3. Để thay loại tiền gốc, di chuyển đến loại tiền và chọn **Options** > **Set as base curr.**
4. Chọn **Done** > **Yes** để lưu thay đổi.

Sau khi bạn đã nhập tất cả các tỉ giá cần thiết, bạn có thể thực hiện việc chuyển đổi.

Hộp thư thoại

Chọn **Menu** > **Organiser** > **Voice mail**.

Khi mở ứng dụng hộp thư thoại lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu nhập số hộp thư thoại vào. Để thay đổi số hộp thư thoại, chọn **Options** > **Change number**. Để xóa số hộp thư thoại, chọn **Options** > **Call voice mailbox**.

Clock(Đồng hồ)

Chọn [Menu](#) > [Clock](#).

Cài đặt đồng hồ

Nếu đến giờ báo thức trong khi tắt điện thoại, điện thoại sẽ tự bật và phát âm báo. Nếu bạn chọn [Stop](#)(Ngừng), điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn khởi động để gọi điện không. Chọn [No](#)(Không) để tắt điện thoại hoặc [Yes](#)(Có) để gọi và nhận cuộc gọi. Không được chọn [Yes](#)(Có) khi điện thoại có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Để thay đổi kiểu, chọn [Options](#) > [Settings](#) > [Clock type](#) > [Analogue](#) hoặc [Digital](#)(Đồng hồ số).

Để báo thức, chọn [Options](#) > [Set alarm](#). Nhập giờ báo thức, và chọn [OK](#).

Để xem và thay đổi báo thức, chọn [Reset alarm](#)(Cài lại báo thức).

Để xóa một báo thức, chọn [Remove alarm](#)(Xóa báo thức).

Cài đặt ngày và giờ

Để thay đổi ngày và giờ, kiểu hiển thị, tiếng chuông báo, và định dạng có hoặc không sử dụng tự động cập nhật thời gian và chức năng tiết kiệm thời gian ban ngày, chọn [Options](#) > [Settings](#) và từ các:

- [Time](#)(Giờ) — Nhập khoảng thời gian, và chọn [OK](#).
- [Time zone](#)(Múi giờ) — Nhập múi giờ, và chọn [OK](#).
- [Date](#)(Ngày) — Nhập ngày vào, và chọn [OK](#).
- [Date format](#)(Kiểu lịch ngày) — Thay đổi kiểu hiển thị ngày. Di chuyển đến định dạng bạn muốn, và chọn [OK](#).

- [Date separator](#)(Dấu ngắt ngày) — Thay đổi ký tự đứng giữa ngày, tháng và năm. Di chuyển đến ký hiệu bạn muốn, và chọn [OK](#).
- [Time format](#)(Kiểu giờ) — Chọn [24-hour](#)(24 giờ) hoặc [12-hour](#)(12 giờ).
- [Time separator](#)(Dấu ngắt thời gian) — Chọn ký tự đứng giữa giờ và phút.
- [Clock type](#)(Kiểu đồng hồ) — Chọn [Analogue](#)(Đồng hồ cổ điển) hoặc [Digital](#)(Đồng hồ số).
- [Clock alarm tone](#)(Âm báo thức) — Chọn kiểu chuông bạn muốn dùng làm báo thức.
- [Network operator time](#)(Tự động cập nhật thời gian) — Tự động cập nhật thông tin giờ, ngày và múi giờ (dịch vụ mạng). Chọn [Auto-update](#)(Bật) để kích hoạt. Dịch vụ này có thể không khả dụng với mọi mạng.
- [Daylight-saving](#)(Tiết kiệm vào ban ngày) — Cài đồng hồ để tự động thay đổi tiết kiệm thời gian ban ngày. Chọn [Auto-update](#)(Bật). Cài đặt này chỉ khả dụng nếu [Network operator time](#)(Tự động cập nhật thời gian) được đặt đến [Off](#)(Tắt).

Thêm và xóa thành phố

Để thêm một thành phố, di chuyển phải và chọn [Options](#) > [Add city](#). Di chuyển đến một tên thành phố và chọn [Options](#) > [Select](#).



Tip: Để tìm một thành phố tại danh mục [Cities](#) (Các thành phố), chọn [Options](#) > [Add city](#) > [Options](#) > [Find](#). Nhập tên thành phố trong trường tìm kiếm.

Để xóa một thành phố, di chuyển sang phải, di chuyển đến thành phố đó, và chọn [Options](#) > [Remove](#).

Thay đổi thành phố quê hương có thể thay đổi hệ thống thời gian chung của điện thoại của bạn.

Công cụ

Chọn **Menu** > **Tools**.

Thư mục **Tools**(Công cụ) bao gồm các ứng dụng được sử dụng để cài cấu hình cho các ứng dụng khác.

Memory card(Thẻ nhớ)—See "Thẻ nhớ," p. 20.

Transfer(Nối chuyển)—See "Chuyển nội dung giữa các điện thoại," p. 21.

Profiles(Cấu hình)—See "Profiles(Cấu hình)," p. 106.

Settings(Cài đặt)—See "Settings(Cài đặt)," p. 85.

Positioning(Định vị)

Với dịch vụ định vị bạn có thể nhận thông tin từ các nhà cung cấp dịch vụ về các vấn đề tại địa phương như thông tin thời tiết hoặc tình trạng giao thông, dựa trên vị trí điện thoại của bạn (dịch vụ mạng).

Chọn **Menu** > **Tools** > **Positioning**.

Để chọn một phương pháp định vị, di chuyển đến phương pháp định vị đó, và chọn **Options** > **Enable**. Để ngừng sử dụng phương pháp này, chọn **Options** > **Disable**. Phương pháp định vị **Bluetooth** cho phép bạn sử dụng các phụ kiện Bluetooth GPS để định vị. Phương pháp định vị **Network based**(Dựa vào mạng) được cung cấp bởi nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Cả hai phương pháp định vị có thể được sử dụng cùng lúc.

Navigator(Hoa tiêu)

Tính năng này không được thiết kế để hỗ trợ yêu cầu định vị đối với các cuộc gọi liên quan. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin về cách điện thoại tuân theo các luật lệ của chính quyền đối với các dịch vụ gọi khẩn cấp dựa trên vị trí.

Chọn **Menu** > **Tools** > **Navigator**.

Navigator(Hoa tiêu) là ứng dụng GPS cho phép bạn xem vị trí hiện tại của mình, tìm đường đến một vị trí bạn muốn, và tính khoảng cách. Ứng dụng này yêu cầu phụ kiện Bluetooth GPS để vận hành. Bạn cũng phải có chức năng định vị Bluetooth GPS mở trong **Menu** > **Tools** > **Positioning**.

Ứng dụng phải nhận thông tin định vị từ ít nhất ba vệ tinh để sử dụng hỗ trợ di chuyển. Thay đổi tới ứng dụng này có thể ảnh hưởng đến tính riêng tư, do đó bạn phải điều khiển việc sử dụng chúng.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Navigator**(Hoa tiêu) — Xem thông tin di chuyển về nơi đến của chuyến đi.
- **Position**(Vị trí) — Xem thông tin định vị về vị trí hiện tại của bạn.
- **Trip dist.**(Khoảng cách hành trình) — Xem thông tin du lịch như khoảng cách và thời gian bạn đã đi và tốc độ trung bình và tối đa của bạn.

Các mốc

Chọn **Menu** > **Tools** > **Landmarks**.

Mốc là tọa độ của các vị trí địa lý mà bạn có thể lưu vào điện thoại để sử dụng sau này tại các dịch vụ dựa trên địa điểm khác. Bạn có thể tạo các mốc sử dụng phụ kiện Bluetooth GPS hoặc mạng (dịch vụ mạng). See "Navigator(Hoa tiêu)," p. 99.

Để tạo một mốc, chọn **Options** > **New landmark**. Chọn **Current position**(Vị trí hiện thời) để tạo một yêu cầu mạng cho tọa độ kinh vĩ tuyến của vị trí của bạn hoặc **Enter manually**(Nhập theo cách thủ công) để điền các thông tin cần thiết như tên, mục, địa chỉ, kinh tuyến, vĩ tuyến và cao độ.

Để xóa một mốc, di chuyển đến mốc đó và bấm phím xóa.

Để có thêm thông tin, xem Hướng dẫn mở rộng trên Web.

Lệnh thoại

Trước khi sử dụng khẩu lệnh, nên lưu ý:

- Khẩu lệnh không tùy thuộc vào ngôn ngữ mà tùy thuộc vào giọng người nói.
- Bạn phải đọc tên chính xác như khi ghi âm khẩu lệnh.
- Khẩu lệnh rất nhạy với tiếng ồn xung quanh. Nên ghi âm và sử dụng khẩu lệnh trong môi trường yên tĩnh.
- Không chấp nhận các tên quá ngắn. Sử dụng các tên dài và tránh các tên tương tự cho các số điện thoại khác nhau.



Note: Điều này có thể gặp khó khăn trong một môi trường ồn ào hoặc trong trường hợp khẩn cấp chẳng hạn, vì thế bạn không nên chỉ dựa vào chức năng quay số bằng khẩu lệnh trong mọi trường hợp.

Chọn **Menu** > **Tools** > **Voice commands**.

Sử dụng lệnh thoại để tạo cuộc gọi và mở các ứng dụng, cấu hình, hoặc các chức năng khác trong điện thoại.

Điện thoại tạo một khẩu lệnh cho các mục trong danh sách liên lạc và cho các chức năng được thiết kế trong ứng dụng **Voice commands**(Lệnh thoại). Khi phát âm một lệnh thoại, điện thoại sẽ so sánh các từ được đọc với khẩu lệnh trong điện thoại.

Dùng lệnh thoại để gọi điện.

Khẩu lệnh của một số liên lạc là tên hoặc biệt danh được lưu trên thẻ liên lạc trong **Contacts**(Danh bạ). Để nghe khẩu lệnh, mở thẻ liên lạc, và chọn **Options** > **Playback**.

1. Để gọi điện bằng lệnh thoại, bấm và giữ phím thoại.
2. Khi bạn nghe âm phát hoặc thấy hiển thị trực quan, đọc rõ ràng tên được lưu trong thẻ liên lạc.
3. Điện thoại sẽ phát khẩu lệnh tổng hợp ứng với số liên lạc được nhận dạng bằng ngôn ngữ được chọn trong điện thoại, đồng thời hiển thị tên và số điện thoại của số liên lạc đó. Sau khoảng 1,5 giây chờ, điện thoại sẽ quay số điện thoại đó. Nếu số liên lạc được nhận dạng không đúng, chọn **Next**(Kế tiếp) để xem danh sách các số liên lạc tương ứng hoặc **Quit**(Thoát) để hủy chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

Dùng một lệnh thoại để mở một ứng dụng

Điện thoại tạo các khẩu lệnh cho các ứng dụng được liệt kê trong ứng dụng **Voice commands**(Lệnh thoại).

Để khởi động một ứng dụng bằng lệnh thoại, bấm và giữ phím thoại, và đọc rõ ràng lệnh thoại. Nếu ứng dụng được nhận dạng không đúng, chọn **Next**(Kế tiếp) để xem danh sách các ứng dụng tương ứng hoặc **Quit**(Thoát) để hủy.

Để thêm các ứng dụng khác vào danh sách này, chọn **Options** > **New application**.

Để thay đổi lệnh thoại của ứng dụng, di chuyển đến ứng dụng, và chọn **Options** > **Change command**. Nhập lệnh thoại mới, và chọn **OK**.

Dùng lệnh thoại cho cấu hình

Điện thoại tạo các khẩu lệnh cho mỗi ứng dụng. Để bật một cấu hình bằng lệnh thoại, bấm và giữ phím thoại, và đọc tên cấu hình.

Để thay đổi lệnh thoại, di chuyển đến cấu hình bạn muốn, và chọn **Profiles** > **Options** > **Change command**.

Cài đặt lệnh thoại

Để tắt bộ tổng hợp phát các lệnh thoại được nhận dạng bằng ngôn ngữ điện thoại được chọn, chọn **Settings** > **Synthesiser** > **Off**.

Để cài lại chức năng học nhận biết giọng nói khi người sử dụng chính của điện thoại đã thay đổi, chọn **Reset voice adapts**.(Cài lại chức năng nhận giọng nói).

Voice aid

Chọn **Menu** > **Tools** > **Voice aid**.

Ứng dụng hỗ trợ giọng nói đọc văn bản trên màn hình, cho phép bạn sử dụng các chức năng cơ bản của điện thoại không cần phải nhìn vào màn hình.

Chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Contacts** — Nghe các mục nhập trong danh sách liên lạc. Không sử dụng tùy chọn này nếu bạn có trên 500 số liên lạc.
- **Recent calls** — Nghe thông tin về các cuộc gọi nhớ và các cuộc gọi đã nhận, các số vừa gọi, các cuộc gọi thường xuyên.
- **Voice mailbox** — Nhận và nghe tin nhắn thoại.
- **Dialler** — Quay một số điện thoại.
- **Clock** — Nghe ngày giờ hiện tại.

Để nghe các tùy chọn khác, chọn **Options**(Tùy chọn).

Sett. wizard

Sett. wizard(xác định cấu hình cài đặt nhà điều hành (MMS, GPRS, và Internet), cài đặt e-mail, push-to-talk (dịch vụ mạng), và cài đặt chia sẻ video (dịch vụ mạng) cho điện thoại dựa trên thông tin về nhà điều hành mạng.

Để sử dụng các dịch vụ này, bạn có thể phải liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ để kích hoạt kết nối dữ liệu hoặc các dịch vụ khác.

Để chỉnh sửa cài đặt, chọn **Menu** > **Tools** > **Sett. wizard** và chọn mục bạn muốn xác định cấu hình.

Nếu bạn không thể sử dụng **Sett. wizard**, hãy truy cập vào mục Cài đặt điện thoại Nokia trên trang Web www.nokia.com.

Quản lý ứng dụng

Chọn **Menu** > **Tools** > **Application manager**.

Khi bạn mở quản lý ứng dụng, bạn sẽ thấy tất cả các gói phần mềm đã được cài đặt, với tên, số phiên bản, kiểu, và kích cỡ. Bạn có thể xem chi tiết ứng dụng đã cài đặt, tháo gỡ chúng khỏi điện thoại của bạn, và quy định các thông số cài đặt.

Quản lý chứng chỉ



Important: Lưu ý nếu việc sử dụng các chứng nhận này không an toàn khi kết nối từ xa và việc cài đặt phần mềm tương đối nhỏ, chúng phải được dùng đúng cách để có thể tận dụng lợi ích có được từ các tính năng an toàn nâng cao. Việc tồn tại của một chứng chỉ không mang đến bất kỳ sự bảo vệ nào; quản lý chứng chỉ phải bao gồm các chứng chỉ đúng, xác thực, đáng tin cậy nhằm tăng cường độ an toàn. Các chứng chỉ đều có thời hạn sử dụng. Nếu chứng chỉ đã hết hạn hoặc Chứng chỉ chưa có hiệu lực hiển thị thậm chí khi chứng chỉ còn hiệu lực, kiểm tra xem ngày giờ hiện tại trên điện thoại có đúng không.

Trước khi thay đổi bất kỳ cài đặt nào, bạn phải bảo đảm bạn thật sự tin người sở hữu chứng chỉ và chứng chỉ

này thật sự thuộc sở hữu của người được liệt kê trong danh sách.

Các chứng chỉ kỹ thuật số được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của phần mềm, nhưng không phải là sự bảo đảm an toàn. Có ba loại chứng chỉ: chứng chỉ hợp lệ, chứng chỉ bảo vệ và chứng chỉ cá nhân. Trong một kết nối bảo mật, một server có thể gửi một chứng chỉ server đến điện thoại của bạn. Khi nhận, nó sẽ được kiểm tra thông qua chứng chỉ bảo vệ lưu trong điện thoại của bạn. Bạn được thông báo nếu nhận diện server không được xác thực hoặc nếu bạn không có chứng chỉ bảo vệ thích hợp trong điện thoại.

Tải xuống một chứng chỉ từ một trang web, hoặc nhận chứng chỉ dưới dạng đính kèm e-mail, hoặc như một tin nhắn gửi qua kết nối Bluetooth hoặc hồng ngoại. Chứng chỉ nên được sử dụng khi bạn kết nối trực tuyến đến ngân hàng hoặc đến một server để chuyển các thông tin bảo mật. Bạn nên sử dụng các chứng chỉ này nếu bạn muốn giảm bớt rủi ro do virus hoặc phần mềm phá hoại khác, đồng thời để kiểm tra về tính xác thực của phần mềm khi cần tải về và khi cài đặt phần mềm về điện thoại của bạn.



Tip: Khi bạn thêm một chứng chỉ mới, kiểm tra tính xác thực của nó.

Nokia Catalogs

Chọn **Menu** > **Tools** > **Catalogs**. Chọn **OK** nếu bạn chấp nhận miễn trừ trách nhiệm.

Nokia Catalogs (dịch vụ mạng) là một cửa hàng cung cấp nội dung di động dành cho thiết bị của bạn. Với Catalogs bạn có thể tìm hiểu, xem trước, mua, tải xuống

và tải lên nội dung như trò chơi, âm thanh, hình nền, dịch vụ, ứng dụng cho điện thoại của bạn. Các nội dung hiện có tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ và nhà điều hành mạng của bạn.

Nokia Catalogs sử dụng dịch vụ mạng của bạn để truy cập vào các nội dung danh mục dữ liệu mới nhất được cập nhật. Để biết thêm thông tin về các mục dữ liệu khác hiện có trong Nokia Catalogs, xin liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nokia Catalogs sẽ thường xuyên nhận các bản cập nhật, mang lại cho bạn những nội dung mới nhất mà nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ dành cho thiết bị của bạn. Để cập nhật catalogs bằng tay, chọn

Options > **Refresh list**.

Quản lý điện thoại

Quản lý dữ liệu và phần mềm trong điện thoại.

Dịch vụ mạng cấu hình từ xa

Chọn **Menu** > **Connectivity** > **Device mgr.**

Bạn có thể kết nối đến một server và nhận thông số cài đặt cấu hình cho điện thoại. Bạn có thể nhận các cấu hình server và các thông số cài đặt cấu hình khác nhau từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ và bộ phận quản lý thông tin của công ty. Cài đặt cấu hình có thể bao gồm kết nối và các cài đặt khác dùng bởi các ứng dụng khác trong điện thoại. Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Kết nối cấu hình từ xa thường được khởi động bởi server khi cài đặt điện thoại cần được cập nhật.

Định cấu hình cài đặt từ xa

Trong giao diện chính **Device mgr.** (Quản lý thiết bị), chọn **Options** (Tùy chọn) và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Start configuration** (Khởi động cấu hình) — Kết nối đến một server và nhận định cấu hình cài đặt cho điện thoại.
- **New server profile** (Cấu hình server mới) — Tạo một cấu hình server mới
- **Edit profile** (Chỉnh sửa cấu hình) — Thay đổi cấu hình cài đặt.

- **Delete** (Xóa) — Gỡ bỏ cấu hình được chọn.
- **Enable config.** (Bật cấu hình) — Chọn nhận cấu hình cài đặt từ các server mà bạn có cấu hình server và đã cho phép định cấu hình.
- **Disable config.** (Tắt cấu hình) — Chọn để ngừng nhận cấu hình cài đặt từ mọi server mà bạn có cấu hình server.
- **View log** (Xem nhật ký) — Xem nhật ký định cấu hình của cấu hình được chọn.

Đồng bộ hóa dữ liệu

Menu > **Connectivity** > **Sync.**

Sử dụng **Sync** (Đồng bộ) để đồng bộ hóa số liên lạc, lịch, hoặc ghi chú với các ứng dụng tương ứng trong một máy tính tương thích hoặc mạng Internet từ xa. Cài đặt đồng bộ hóa được lưu trong cấu hình đồng bộ hóa. Ứng dụng sử dụng công nghệ SyncML để đồng bộ từ xa. Để có thêm thông tin về tính tương thích của SyncML, xin liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng mà bạn muốn đồng bộ dữ liệu của điện thoại.

Các ứng dụng khả dụng cho việc đồng bộ có thể khác nhau. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.



Tip: Bạn có thể nhận cài đặt đồng bộ dưới dạng tin nhắn từ nhà cung cấp dịch vụ.

Tạo cấu hình đồng bộ

Để tạo cấu hình, chọn **Options** > **New sync profile** và chọn từ các tùy chọn sau:

- **Sync profile name**(Tên cấu hình đồng bộ) — Nhập tên cấu hình.
- **Applications**(Các ứng dụng) — Chọn ứng dụng để đồng bộ với cấu hình.
- **Connection settings**(Cài đặt kết nối) — Xác định cài đặt kết nối cần thiết. Liên hệ nhà cung cấp dịch vụ để có thông tin.

Cài đặt riêng

Profiles(Cấu hình)



Warning: Với cấu hình không trực tuyến, bạn không thể gọi hoặc nhận bất kỳ cuộc gọi nào, kể cả cuộc gọi khẩn cấp, hoặc sử dụng các tính năng khác yêu cầu có mạng phủ sóng. Để gọi điện, bạn phải kích hoạt chức năng của điện thoại trước bằng cách thay đổi các cấu hình. Nếu điện thoại đã bị khóa, hãy nhập mã khóa vào.

Chọn **Menu > Tools > Profiles**.

Bạn có thể tùy chỉnh nhạc chuông, âm báo có tin nhắn, và các điệu nhạc khác nhau cho các sự kiện, môi trường, hoặc nhóm người gọi đến khác nhau.

Để tùy chỉnh một cấu hình, di chuyển đến cấu hình đó trong danh sách, và chọn **Options > Personalise**.

Xác định các cài đặt sau:

- **Ringtone**(Kiểu chuông) — Chọn nhạc chuông từ danh sách, hoặc chọn **Tone downloads**(Nhạc âm tải về) để mở thư mục chỉ mục có chứa danh sách các chỉ mục để tải về nhạc chuông bằng trình duyệt. Để nghe đoạn nhạc chuông lựa chọn, chọn **Play**(Phát). Nếu bạn có hai đường tín hiệu điện thoại để chọn, bạn có thể xác định nhạc chuông cho mỗi số máy.
- **Video call tone**(Âm cuộc gọi video) — Chọn nhạc chuông cho cuộc gọi video.
- **Say caller's name**(Đọc tên người gọi) — Kích hoạt chức năng nhạc chuông văn bản chuyển sang lời. Khi ai đó từ danh sách của bạn gọi đến, điện thoại sẽ

phát nhạc chuông kết hợp với tên phát âm của số liên lạc và kiểu nhạc chuông.

- **Ringtone type**(Kiểu chuông) — Chọn cách bạn muốn nhạc chuông được phát.
- **Ringtone volume**(Âm lượng chuông) — Chọn mức âm lượng của nhạc chuông.
- **Message alert tone**(Âm báo tin nhắn) — Chọn âm báo khi nhận tin nhắn.
- **E-mail alert tone**(Âm báo e-mail) — Chọn âm báo khi nhận tin nhắn e-mail.
- **IM alert tone**(Âm báo IM) — Chọn âm báo khi nhận tin nhắn trò chuyện.
- **Vibrating alert**(Báo rung) — Chọn chế độ rung hoặc không rung khi có cuộc gọi đến.
- **Keypad tones**(Âm bàn phím) — Cài mức âm lượng cho âm bàn phím.
- **Warning tones**(Âm cảnh báo) — Đặt có hoặc không âm cảnh báo.
- **Alert for**(Báo có cuộc gọi) — Bạn có thể cài điện thoại chỉ reo các cuộc gọi từ các số điện thoại thuộc nhóm người gọi đã chọn. Điện thoại sẽ có chế độ câm khi có cuộc gọi đến từ số máy không thuộc nhóm đã chọn.
- **Profile name**(Tên cấu hình) — Bạn có thể đặt tên cho một cấu hình mới hoặc sửa tên của một cấu hình đã có. Bạn không thể đổi tên cấu hình **General**(Bình thường) và cấu hình **Offline**(Không trực tuyến).

Kiểu cấu hình **Offline**(Không trực tuyến) ngăn điện thoại của bạn khỏi việc bị bật lên, gửi hoặc nhận tin nhắn, hoặc dùng công nghệ Bluetooth; và cũng đóng

bất kỳ kết nối internet nào có thể vận hành khi cấu hình được chọn. Cấu hình **Offline**(Không trực tuyến) không ngăn bạn khỏi việc thiết lập kết nối mạng LAN không dây sau đó, do vậy nên tuân thủ bất kỳ yêu cầu về an toàn nếu có khi thiết lập và sử dụng kết nối LAN không dây.

Để thay đổi một cấu hình, di chuyển đến cấu hình đó trong danh sách, và chọn **Options > Activate**. Nếu bạn chọn cấu hình **Offline**(Không trực tuyến), bạn không thể gửi hoặc nhận tin nhắn hoặc dùng mạng WLAN để đọc e-mail.

Để tạo một cấu hình mới, chọn **Options > Create new**, và xác định các cài đặt.

Themes(Chủ đề)

Chọn **Menu > Tools > Themes**.

Bạn có thể thay đổi kiểu hiển thị của điện thoại.

Để thay đổi kiểu hiển thị, đánh dấu chủ đề bạn muốn dùng, và chọn **Options > Apply**.

Để chỉnh sửa một chủ đề, đánh dấu chủ đề bạn muốn chỉnh sửa, và chọn **Options > Edit**. Chọn **Wallpaper**(để thay đổi hình nền ở chế độ chờ, hoặc chọn **Power saver** (để sử dụng một văn bản hoặc ngày giờ làm trình tiết kiệm điện, trình này sẽ hiển thị trên màn hình khi không có phím nào được bấm trong một khoảng thời gian.

Để tải xuống chủ đề, bạn cần thiết lập một kết nối mạng cho phép bạn tải chủ đề từ nguồn Internet và tương thích với điện thoại của bạn.

Để tải một chủ đề xuống từ mạng, chọn **Theme downloads**(Chủ đề tải xuống). Nhập liên kết mà từ đó

bạn muốn tải xuống chủ đề. Ngay sau khi chủ đề được tải xuống, bạn có thể xem trước, kích hoạt, hoặc chỉnh sửa chủ đề đó.

Để xem trước một chủ đề, đánh dấu chủ đề bạn muốn xem trước, và chọn **Options > Preview**. Chọn **Apply**(Áp dụng) để bắt đầu sử dụng chủ đề mới.

Phụ kiện chính hãng Nokia

Một loạt phụ kiện hiện đang có sẵn cho điện thoại của bạn. Chọn các phụ kiện thích hợp với nhu cầu liên lạc của riêng mình. Để biết thêm về các phụ kiện có sẵn, liên hệ với đại lý tại địa phương.

Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện do nhà sản xuất điện thoại kiểm duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Các phụ kiện nguồn tương thích:

- Pin 970 mAh Li-Ion (BL-5C)
- Bộ sạc du lịch (ACP-12)
- Bộ Sạc có thể thu gọi (AC-1)
- Bộ sạc di động (LCH-12)

Các phụ kiện âm thanh tương thích:

- Tai nghe (HS-5)
- Tai nghe Thời trang (HS-3)
- Bộ tai nghe (HDB-4)
- Tai nghe không dây Clip-on (HS-3W)
- Bộ tai nghe không dây (HS-4W)
- Tai nghe không dây (HS-11W)
- Tai nghe không dây (HS-26W)
- Bộ trợ thính (LPS-4)
- Thiết bị nối (TTYHDA-10)

Các phụ kiện về tin nhắn và dữ liệu tương thích:

- Bàn phím không dây (SU-8W)
- Cáp Kết Nối (CA-53)
- Thẻ nhớ RS-MMC (64 MB, 128 MB, 256 MB, hoặc 512 MB)
- Môđun GPS vô tuyến (LD-1W)

Các phụ kiện hình ảnh tương thích:

- Camera Từ xa (PT-6)
- Album ảnh (PD-1)

Các phụ kiện xe hơi tương thích:

- Giá đỡ di động (CR-26)
- Bộ tai nghe tựa đầu (BHF-3)
- Bộ tai nghe trong xe hơi (HF-3)
- Bộ tai nghe trong xe hơi (HF-6)
- Bộ tai nghe trong xe hơi (HF-6)
- Bộ phụ kiện xe hơi cơ bản (CK-10)
- Bộ phụ kiện trên xe cao cấp (CK-7W)
- Bộ điện thoại xe hơi (N610, N616)

Thông tin về pin

Điện thoại được cấp điện bằng một loại pin có thể sạc lại được. Lưu ý rằng pin mới chỉ nạp đầy điện sau hai hoặc ba lần sạc và xả pin. Pin có thể được sạc và xả hàng trăm lần, nhưng cuối cùng cũng sẽ hư. Khi thời gian thoại và thời gian chờ ngắn hơn bình thường, đó là lúc bạn cần thay pin mới. Chỉ sử dụng pin và bộ sạc được Nokia phê chuẩn và được thiết kế cho riêng kiểu điện thoại này.

Rút dây bộ sạc ra khỏi ổ cắm điện và điện thoại khi không sử dụng. Không để pin đã nạp đầy kết nối với bộ sạc, do việc nạp quá mức có thể làm giảm tuổi thọ của pin. Nếu để pin sạc đầy nhưng không sử dụng thì pin sẽ tự xả theo thời gian.

Nếu pin hết hẳn thì phải mất vài phút trước khi chỉ báo sạc pin hiển thị trên màn hình hoặc trước khi thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào.

Chỉ sử dụng pin đúng mục đích. Không sử dụng bộ sạc hoặc pin đã bị hư.

Không nên để pin chạm mạch. Việc chạm mạch có thể bất ngờ xảy ra khi để một vật bằng kim loại ví dụ như đồng tiền, kẹp giấy hoặc bút bi tiếp xúc trực tiếp với cực (+) và cực (-) của pin. (Những vật này giống như mảnh kim loại trên pin.) Điều này có thể xảy ra, ví dụ như khi bạn mang pin dự phòng trong túi hoặc ví. Việc chạm mạch các cực pin có thể làm hư pin hoặc vật nối hai cực.

Đặt pin trong môi trường nóng hoặc lạnh, chẳng hạn như trong xe đóng kín cửa vào mùa đông hoặc mùa hè sẽ làm giảm điện tích và độ bền của pin. Nên giữ pin luôn ở nhiệt độ khoảng từ 15oC đến 25oC (59oF đến

77oF). Điện thoại sẽ tạm ngừng hoạt động khi pin nóng hoặc lạnh, ngay cả khi pin được sạc đầy. Hoạt động của pin đặc biệt bị giới hạn ở nhiệt độ dưới đông.

Không bỏ pin vào trong lửa vì pin có thể nổ. Pin cũng có thể phát nổ nếu bị hỏng. Bỏ pin theo quy định của địa phương. Vui lòng tái chế lại pin nếu có thể. Không được bỏ pin như rác sinh hoạt.

Thông tin về pin 970 mAh Li-Ion battery (BL-5C)

Thời gian gọi và thời gian chờ có thể thay đổi, phụ thuộc vào thẻ nhớ, mạng và cài đặt sử dụng, và kiểu cũng như môi trường sử dụng.

- Thời gian thoại GSM: đạt 6 giờ
- Thời gian thoại WCDMA : đạt 6 giờ
- Thời gian chờ GSM: Đến 7.6 ngày
- Thời gian chờ WCDMA: Đến 8.7 ngày

Hướng dẫn xác nhận pin Nokia

Luôn sử dụng pin Nokia chính hãng để đảm bảo an toàn cho bạn. Để chắc chắn là bạn đang sử dụng pin Nokia chính hãng, hãy mua pin tại đại lý phân phối được ủy quyền của Nokia, và kiểm tra nhãn ảnh ba chiều bằng cách thực hiện theo các bước sau:

Việc thực hiện đầy đủ các bước này sẽ không hoàn toàn đảm bảo tính xác thực của pin. Nếu bạn có bất kỳ lý do nào để tin rằng pin của bạn không phải là pin Nokia xác thực và chính hãng, bạn nên ngưng sử dụng ngay lập tức. Nếu bạn không thể xác nhận pin, hãy trả lại pin cho nơi bán.

Xác nhận ảnh ba chiều



1. Khi nhìn vào ảnh ba chiều trên nhãn, bạn phải thấy được biểu tượng hai bàn tay kết nối của Nokia từ một góc độ nhất định và logo Phụ kiện Chính hãng Nokia khi nhìn từ góc độ khác.



2. Khi bạn nghiêng ảnh ba chiều sang trái, phải, trên và dưới, bạn phải thấy được 1, 2, 3 và 4 điểm lần lượt trên mỗi cạnh.

Phải làm gì nếu pin của bạn không phải là chính hãng?

Nếu bạn không thể xác nhận pin Nokia của bạn qua hình nổi ba chiều trên nhãn là pin Nokia chính hãng, vui lòng không sử dụng pin này. Việc sử dụng pin không được nhà sản xuất phê chuẩn có thể gây nguy hiểm, đồng thời có thể dẫn đến hiệu năng hoạt động kém hoặc làm hư thiết bị và phụ kiện. Điều này cũng có thể làm mất hiệu lực của các phê chuẩn hay bảo hành đối với thiết bị.

Để biết thêm thông tin về các loại pin chính hãng Nokia, hãy truy cập vào trang www.nokia-asia.com/batterycheck.

Giữ gìn và bảo trì

Điện thoại là sản phẩm được thiết kế cao cấp và tinh vi, vì vậy phải được giữ gìn cẩn thận. Những đề nghị sau đây sẽ giúp bạn thực hiện tốt các quy định bảo hành.

- Giữ điện thoại khô ráo. Chất kết tủa, độ ẩm và tất cả các loại chất lỏng hoặc ẩm ướt có chứa khoáng chất sẽ ăn mòn các mạch điện tử. Nếu điện thoại bị ẩm ướt, tháo pin ra khỏi điện thoại và để điện thoại thật khô trước khi lắp pin trở lại.
- Không nên sử dụng hoặc đặt điện thoại ở những nơi có bụi bẩn. Các bộ phận di động và các linh kiện điện tử của điện thoại có thể bị hư.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi khô nóng. Nhiệt độ cao có thể làm giảm độ bền của thiết bị điện tử, làm hư pin, cong hoặc chảy một số linh kiện nhựa.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi quá lạnh. Khi điện thoại trở về nhiệt độ bình thường của nó, hơi ẩm đọng lại trong điện thoại sẽ gây hư hỏng các bản mạch điện tử.
- Không tìm cách mở điện thoại khác với những điều chỉ dẫn trong sách hướng dẫn này.
- Không làm rơi, đập, hoặc lắc điện thoại. Việc dùng mạnh tay có thể làm hư các bản mạch điện tử bên trong điện thoại.
- Không sử dụng hóa chất mạnh, chất tẩy rửa, hoặc xà phòng đậm đặc để lau chùi điện thoại.

- Không được sơn điện thoại. Nước sơn có thể làm nghẽn các bộ phận di động và khiến điện thoại hoạt động không chính xác.
- Dùng miếng vải mềm, sạch và khô để lau chùi các ống kính, ví dụ như camera, bộ cảm biến khoảng cách, và bộ cảm biến ánh sáng.
- Chỉ sử dụng ăng-ten được cung cấp hoặc ăng-ten thay thế đã qua kiểm duyệt. Việc sửa đổi hoặc lắp ăng-ten không được kiểm duyệt có thể làm hư điện thoại và vi phạm các quy định về các dịch vụ vô tuyến.
- Sử dụng bộ sạc trong nhà.
- Luôn tạo bản dự phòng dữ liệu mà bạn muốn giữ lại ví dụ như các số liên lạc và ghi chú lịch trước khi gửi điện thoại của bạn đến dịch vụ sửa chữa.

Tất cả các đề nghị trên sẽ áp dụng chung cho điện thoại, pin, bộ sạc hoặc bất kỳ phụ kiện cải tiến nào. Nếu điện thoại không hoạt động, đem máy đến dịch vụ được ủy quyền gần nhất để được sửa chữa.

Thông tin bổ sung về sự an toàn

Môi trường hoạt động

Phải tuân thủ các luật lệ đặc biệt hiện hành ở những nơi có qui định, và đồng thời phải luôn tắt điện thoại ở những nơi bị cấm sử dụng, hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm. Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí vận hành thông thường. Sản phẩm này đáp ứng các tiêu chuẩn tiếp xúc RF khi cầm ở vị trí thông thường gần tai hoặc cách xa cơ thể ít nhất 1,5 cm (5/8 inch). Khi sử dụng túi đeo, đai đeo hoặc ngăn chứa để mang điện thoại bên mình, bạn cần đảm bảo các thiết bị này không chứa kim loại và cách xa cơ thể với khoảng cách nêu trên.

Để truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn, thiết bị này cần được kết nối với mạng một cách ổn định. Trong một số trường hợp, việc truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn có thể bị chậm trễ cho đến khi kết nối trên đạt được tính ổn định. Hãy đảm bảo rằng các hướng dẫn về khoảng cách giữa các thiết bị trên được tuân thủ cho đến khi việc truyền dữ liệu hoàn tất.

Các bộ phận của điện thoại có từ tính. Những vật liệu bằng kim loại có thể bị hút bởi điện thoại. Không được đặt thẻ tín dụng hoặc các thiết bị lưu trữ có từ tính khác gần điện thoại vì thông tin được lưu trữ có thể bị xóa.

Thiết bị y tế

Khi sử dụng bất kỳ thiết bị vô tuyến nào, kể cả điện thoại di động, đều có thể gây nhiễu sóng một số chức năng của các thiết bị y tế vốn không được bảo vệ đúng mức.

Tham vấn với bác sĩ hoặc nhà sản xuất thiết bị y tế để biết các thiết bị này có được bảo vệ khỏi năng lượng bức xạ sóng vô tuyến không hoặc nếu có bất kỳ thắc mắc nào khác. Tắt điện thoại ở trung tâm y tế khi có dán qui định hướng dẫn ở những nơi này. Bệnh viện hoặc các trung tâm y tế có thể sử dụng thiết bị nhạy với sóng vô tuyến.

Máy điều hòa nhịp tim

Các nhà sản xuất máy điều hòa nhịp tim khuyến nghị đặt điện thoại cầm tay vô tuyến cách máy điều hòa nhịp tim tối thiểu là 15,3 cm (6 inch) để tránh gây nhiễu sóng. Những khuyến nghị này là kết quả của quá trình nghiên cứu độc lập, đồng thời cũng là khuyến nghị của viện Nghiên cứu Công nghệ Vô tuyến. Người đeo máy điều hòa nhịp tim nên:

- Luôn đặt điện thoại cách máy điều hòa nhịp tim ít nhất 15,3 cm (6 inch)
- Không để điện thoại trong túi áo ngực
- Nghe bằng tai đối diện với máy điều hòa nhịp tim để giảm thiểu nguy cơ nhiễu sóng.
- Nếu bạn nghi ngờ bị nhiễu, hãy tắt điện thoại, và cất đi.

Thiết bị trợ thính

Một số thiết bị vô tuyến kỹ thuật số có thể gây nhiễu sóng thiết bị trợ thính. Bạn có thể tham vấn với nhà cung cấp dịch vụ nếu bị nhiễu sóng.

Xe cộ

Một số tín hiệu vô tuyến có thể ảnh hưởng không tốt đến các hệ thống điện tử chưa được bảo vệ đúng mức hoặc lắp đặt không đúng trong các xe mô tô, ví dụ như hệ thống bơm xăng điện tử, hệ thống thắng chống trượt (chống xóc) điện tử, hệ thống kiểm soát tốc độ điện tử, hệ thống túi đệm khí). Để biết thêm thông tin, kiểm tra với nhà sản xuất hoặc người đại diện về bất kỳ thiết bị nào được gắn trên xe.

Chỉ những nhân viên có khả năng chuyên môn mới được sửa chữa điện thoại di động, hoặc lắp điện thoại trong xe. Lắp đặt sai hoặc sửa điện thoại không đúng có thể gây nguy hiểm và làm mất hiệu lực bảo hành cho sản phẩm. Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa. Không lưu trữ hoặc chuyên chở các chất lỏng dễ cháy, gas hoặc chất nổ chung với điện thoại, các phụ kiện cài tiến hoặc phụ tùng điện thoại. Đối với xe hơi có trang bị túi đệm khí, xin lưu ý túi đệm khí khi nổ sẽ tạo ra một lực lớn. Không được đặt đồ vật, kể cả thiết bị vô tuyến lắp sẵn hoặc di động ở khu vực phía trên túi đệm khí hoặc khu vực sử dụng túi đệm khí. Nếu thiết bị vô tuyến trên xe không được lắp đặt đúng thì khi túi đệm khí nổ có thể gây thương tật nghiêm trọng.

Cấm sử dụng điện thoại di động khi ở trên máy bay. Tắt điện thoại di động trước khi máy bay cất cánh. Sử dụng điện thoại vô tuyến trên máy bay có thể gây nguy hiểm

cho việc vận hành máy bay, làm gián đoạn mạng điện thoại vô tuyến và có thể xem là bất hợp pháp.

Môi trường có khả năng gây nổ

Tắt điện thoại khi ở trong khu vực dễ phát nổ và phải tuân theo tất cả các bảng hướng dẫn. Môi trường có khả năng gây nổ bao gồm cả các khu vực nơi bạn thường được yêu cầu tắt máy xe. Các tia lửa trong những khu vực như thế có thể phát cháy nổ gây thương tật hoặc thậm chí tử vong. Tắt điện thoại tại các trạm tiếp nhiên liệu, ví dụ như ở gần nơi đổ xăng tại các trạm dịch vụ. Hãy tuân theo các quy định hạn chế việc sử dụng các thiết bị vô tuyến tại các kho hàng, kho lưu trữ và phân phối nhiên liệu, nhà máy hóa chất hoặc khu vực đang tiến hành phá nổ. Những khu vực có khả năng gây nổ không phải luôn được niêm yết rõ ràng. Những khu vực này bao gồm dưới boong tàu, các phương tiện chuyên chở hoặc kho hóa chất, các phương tiện sử dụng khí đốt lỏng (như propan hay butan); ở môi trường không khí có hóa chất hay những hạt nhỏ thóc gạo, bụi hoặc bột kim loại.

Cuộc gọi khẩn cấp



Important: Cũng như các thiết bị vô tuyến khác, điện thoại này sử dụng tín hiệu truyền thanh, mạng vô tuyến và hữu tuyến cũng như các chức năng khác do người sử dụng lập trình. Do đó, các kết nối không đảm bảo trong mọi điều kiện. Bạn không nên chỉ dựa vào

điện thoại vô tuyến cho các cuộc liên lạc khẩn cấp như cấp cứu y tế chẳng hạn.

Để thực hiện một cuộc gọi khẩn cấp:

1. Bật điện thoại nếu chưa bật. Kiểm tra cường độ tín hiệu mạng thích hợp.
Một số mạng có thể yêu cầu phải lắp đúng thẻ SIM hợp lệ vào điện thoại.
2. Bấm phím kết thúc nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và sẵn sàng cho các cuộc gọi.
3. Nhập số điện thoại khẩn cấp chính thức tại nơi ở hiện thời của bạn. Số khẩn cấp thay đổi tùy theo địa phương.
4. Bấm phím đàm thoại.

Nếu đang sử dụng một số tính năng nhất định, trước tiên bạn cần tắt các tính năng này mới có thể gọi số khẩn cấp được. Để biết thêm thông tin, tham khảo tài liệu này hoặc tham khảo ý kiến của nhà cung cấp dịch vụ.

Khi gọi số khẩn cấp, cung cấp tất cả thông tin cần thiết càng chính xác càng tốt. Điện thoại vô tuyến có thể là phương tiện liên lạc duy nhất tại hiện trường xảy ra tai nạn. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

THÔNG TIN VỀ CHỨNG NHẬN (SAR)

LOẠI ĐIỆN THOẠI NÀY ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU TIẾP XÚC VỚI SÓNG VÔ TUYẾN.

Điện thoại di động của bạn là một thiết bị truyền và nhận sóng vô tuyến. Điện thoại được thiết kế sao cho không vượt quá giới hạn tiếp xúc với sóng vô tuyến được qui định bởi hướng dẫn quốc tế. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể được thiết kế để bảo đảm an toàn của tất cả mọi người, bất kể tuổi tác cũng như sức khỏe.

Hướng dẫn tiếp xúc dành cho thiết bị di động áp dụng một đơn vị đo được gọi là Tỷ lệ Hấp thụ Riêng, hoặc SAR. Giới hạn SAR được nêu trong hướng dẫn quốc tế ICNIRP là 2,0 watt/kilôgam (W/kg) trung bình trên 10 gram mô. Các thử nghiệm về SAR được tiến hành theo vị trí vận hành chuẩn khi điện thoại truyền ở mức năng lượng được chứng nhận là cao nhất trong mọi băng tần thử nghiệm. Mức SAR thực sự của điện thoại trong khi vận hành có thể dưới giá trị cực đại này bởi vì thiết bị này được thiết kế để vận hành chỉ sử dụng năng lượng yêu cầu để kết nối đến mạng. Giá trị này thay đổi phụ thuộc vào một vài tham số như khoảng cách giữa bạn đến trạm thu phát sóng. Giá trị SAR cao nhất theo ICNIRP cho kiểu điện thoại này được thử nghiệm khi đặt ở tại là 0,68 W/kg.

Việc sử dụng phụ kiện và phụ kiện nâng cao có thể tạo ra các giá trị SAR khác nhau. Giá trị SAR khác nhau tùy

thuộc vào các yêu cầu báo cáo và thử nghiệm trong nước và hệ thống mạng. Thông tin thêm về SAR có thể được cung cấp dưới thông tin sản phẩm tại www.nokia.com.

Index

Symbols/Numerics

- âm lượng 75
- âm lượng 18
- ô 80
- đang kết nối đến Internet 56
- Đầu nối Pop-Port 14
- điểm truy cập 87
- điện thoại
 - cài đặt 85
 - cuộc gọi video 28
 - gọi 26
 - ngôn ngữ 85
- định cấu hình từ xa
 - cài đặt 104
- đầu nối 13
- đồng bộ hóa từ xa 104
- đồng hồ 97

B

- bảng tính 79
- blog 69
- Bluetooth
 - các kết nối 58
 - cài đặt 59
 - ghép 60
- bộ nhớ 20
 - giám sát 20
- bảo mật
 - điện thoại 33
- bảo vệ bàn phím 14

- Bật và tắt điện thoại 12
- bộ lọc âm thanh 75
- bộ sưu tập 71

C

- các chỉ mục 68
- các kiểu kết nối
 - Bluetooth 58
- các nhóm liên lạc 36
- các số liên lạc
 - nhóm 36
 - thêm 36
 - thông tin mặc định 37
- các điểm truy cập 56
- các ứng dụng
 - các bước thông dụng 24
- cài đặt
 - Bluetooth 59
 - bảo mật 33
 - cuộc gọi 86
 - Internet 56
 - lịch 95
 - số trung tâm tin nhắn 40
 - tin nhắn văn bản 41
 - tin nhắn đa phương diện 45
 - Web 69
- cáp 58
- cài đặt
 - cấu hình 106
 - chế độ chờ 85

- chung 85
- hiển thị 86
- kết nối 87
- WLAN 89
 - định cấu hình từ xa 104
- cài đặt phím lựa chọn 85
- cài đặt phụ kiện 93
- cài đặt riêng 106, 107
- các bảng biểu đồ 80
- các mốc 100
- các phương thức kết nối
 - WLAN 63
- Các ứng dụng media 71
- Cáp dữ liệu USB 58
- cấu hình 106
- Cấu hình truy cập SIM 61
- CD-ROM 20
- chế độ chờ
 - cài đặt 85
- chuyển vùng dữ liệu email 66
- Chuyển cuộc gọi 27
- chủ đề 107
- chế độ
 - chờ 16
- chỉ báo 17
- chọn văn bản và đối tượng 24
- chứng chỉ 102
- Chứng chỉ bảo vệ 102
- chứng chỉ cá nhân 102
- Công việc 94
- cuộc gọi Internet 32

cuộc gọi video 28

cuộc gọi

cài đặt 86

chuyển 27

chặn 27

cuộc gọi đang chặn 27

cấp dữ liệu 69

D

danh sách nhạc 75

danh thiếp 38

di chuyển 99

diễn thuyết 81

dịch vụ vô tuyến trọn gói

See *GPRS*

Duyệt các trang Web 70

dữ liệu gói

cài đặt 88

dữ liệu

kết nối 63

dữ liệu gói

cài đặt điểm truy cập 56

E

e-mail

các tài khoản 49

tin nhắn 46

trả lời 48

viết 49

F

flash player 76

G

ghép 60

ghi

âm 75

Ghi âm

cuộc gọi 75

ghi chú 95

gói dữ liệu

chung 63

gọi 26

GPRS

cài đặt điểm truy cập 56

cài đặt 88

chung 63

H

hiển thị

cài đặt 86

hình ảnh

phóng to hoặc thu nhỏ 72

thêm vào sổ liên lạc 72

đặt làm hình nền 72

hồng ngoại 62

hộp thư thoại 26

hướng dẫn 23

I

IM 51

in ấn 83

Internet 67

Các điểm truy cập 56

cài đặt 56

cài đặt cuộc gọi Internet 87

K

kết nối

Cài đặt mạng WLAN 89, 90

khóa

bàn phím 14

khóa bàn phím 14

khóa

điện thoại 14

kiểu kết nối

hồng ngoại 62

kiểu nhập văn bản tiên đoán 85

kiểu chuông 37

kiểu kết nối

cáp 58

kiểu nhập tiên đoán 19

kiểu nhập văn bản truyền

thống 18

kết nối

cài đặt GPRS 56

cài đặt WLAN 57

L

lệnh dịch vụ 55

lệnh thoại 100

lịch 94

lời chào 85

lưu trữ 20

lắp

pin 10

thẻ SIM 10

M

mail

See e-mail

màn hình

chỉ báo 17

máy ghi âm 75

máy tính 95

Màn hình

xoá 15

máy nghe nhạc 74

mạng ad hoc 64

mạng riêng ảo 65

mật mã chặn cuộc gọi 34

memo thoại 75

menu 23

MMC 20

modem 65

mức tín hiệu 17

N

nghe nhạc 74

ngôn ngữ 85

ngôn ngữ viết 85

ngừng kết nối mạng 64

nhật ký 29

P

phát

ghi âm thoại 76

phát

nhạc 74

video âm thanh 72

video và âm thanh 73

phím 13

phím tắt 17

phím điều khiển 85

Phụ kiện 108

phương pháp kết nối

modem 65

pin

lắp 10

mức sạc 17

sạc 12

Q

quay số bằng giọng nói 100

quay số nhanh 26

quản lý tập tin 77

Quản lý kết nối 64

quản lý ứng dụng 102

R

RealPlayer

cài đặt 73

phát các đoạn media 73

S

sao chép văn bản 19

sạc pin 12

số liên lạc

kiểu chuông 37

sao chép thông tin 37

T

tán gẫu 51

tập tin âm thanh 72

thẻ MMC thu nhỏ 20

thẻ nhớ 20

thoại qua IP 32

thông tin liên lạc 37

thư mục công cụ 99

thẻ SIM

lắp 10

tin nhắn văn bản 41

tin nhắn

tin nhắn đặc biệt 55

tin nhắn trò chuyện 51

tin nhắn đặc biệt 55

tin nhắn

e-mail 46

thư mục 39

tin nhắn hình 42

tin nhắn văn bản 40

Tin nhắn đa phương tiện 42

xoá 49

tin nhắn hình 42

Tin nhắn MMS 40

tin nhắn văn bản

chỉnh sửa sổ trung tâm tin

nhắn 40

gửi 40

quản lý tin nhắn văn bản trong

thẻ SIM 41

trả lời 41

viết 40

tin nhắn đa phương diện

cài đặt 45

gửi 43

nhận 44

trả lời 44

tạo 43

trả lời cuộc gọi 27

trình duyệt các trang Web 67

trình chiếu 81

Trình Hướng Dẫn Cài Đặt 101

trợ giúp 23
từ chối cuộc gọi 27
Tự động trả lời 93
tập tin đính kèm 48

V

video clip 72, 73
VPN 65
VPN di động
 See *VPN*
văn bản 77
văn bản
 cài đặt 24
 kiểu nhập tiên đoán 19
 kiểu nhập truyền thống 18
 sao chép 19
 viết 18

W

Web 67
WLAN
 cài đặt điểm truy cập 57
 cài đặt 89, 90
 cài đặt bảo mật 90, 91
 thông thường 63

X

xem qua 78
xoay màn hình hiển thị 15
xuất màn hình 83

Dịch Vụ Chăm Sóc Khách Hàng Trực Tuyến của Nokia

THUYẾT TRÌNH TƯƠNG TÁC



PHẦN MỀM



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



CÀI ĐẶT

Hỗ trợ web Chăm Sóc Khách Hàng Trực Tuyến của Nokia cung cấp cho bạn thông tin thêm về các dịch vụ trực tuyến của chúng tôi.

THUYẾT TRÌNH TƯƠNG TÁC

Tìm hiểu cách thiết lập điện thoại lần đầu tiên, và tìm hiểu thêm về các chức năng của điện thoại. Thuyết Trình Tương Tác cung cấp các hướng dẫn từng bước về cách sử dụng điện thoại.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng trực tuyến bao gồm thông tin chi tiết về điện thoại của bạn. Hãy nhớ kiểm tra thường xuyên để có các cập nhật.

PHẦN MỀM

Tận dụng hết mọi chức năng của điện thoại với phần mềm dành cho điện thoại và máy PC. Nokia PC Suite kết nối điện thoại và máy PC để bạn có thể quản lý lịch, sổ liên lạc, nhạc và hình ảnh, trong khi các ứng dụng khác bổ sung cho việc sử dụng điện thoại.

CÀI ĐẶT

Một số chức năng nhất định của điện thoại, như là nhắn tin đa phương tiện, trình duyệt di động và email*, có thể cần cài đặt trước khi có thể sử dụng chúng. Nhận các thông số cài đặt trên điện thoại miễn phí.

*Không khả dụng với mọi điện thoại.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI CỦA TÔI?

Mục Thiết Lập, tại www.nokia-asia.com/setup, giúp bạn chuẩn bị điện thoại để sử dụng. Tự làm quen với các chức năng và tính năng của điện thoại bằng cách tham khảo mục Hướng Dẫn Sử Dụng và Demo tại www.nokia-asia.com/guides.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐỒNG BỘ ĐIỆN THOẠI VÀ MÁY PC?

Kết nối điện thoại với một máy PC tương thích bằng phiên bản Nokia PC Suite thiết yếu từ www.nokia-asia.com/pcsuite cho phép bạn đồng bộ lịch và các số liên lạc.

TÔI CÓ THỂ LẤY PHẦN MỀM CHO ĐIỆN THOẠI CỦA TÔI Ở ĐÂU?

Sử dụng điện thoại hiệu quả hơn bằng những chương trình tải xuống từ mục Phần Mềm tại www.nokia-asia.com/software.

TÔI CÓ THỂ TÌM CÁC CÂU TRẢ LỜI CHO NHỮNG CÂU HỎI PHỔ BIẾN Ở ĐÂU?

Tìm trong mục FAQ (Câu Hỏi Thường Gặp) tại www.nokia-asia.com/faq để có những câu trả lời cho các câu hỏi của bạn về điện thoại, các sản phẩm và dịch vụ khác của Nokia.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯỢC CẬP NHẬT VỀ NHỮNG TIN TỨC CỦA NOKIA?

Đăng ký trực tuyến trên trang web www.nokia-asia.com/signup và trở thành người đầu tiên biết về những sản phẩm và khuyến mại mới nhất. Đăng ký với "Kết Nối Nokia" để nhận các cập nhật hàng tháng về những điện thoại và công nghệ mới nhất. Đăng ký với "Làm Người Đầu Tiên Biết" để nhận được những xem trước về các thông báo điện thoại mới hoặc đăng ký với "Thư Quảng Cáo" để biết về những sự kiện sắp tới.

Nếu bạn vẫn cần trợ giúp thêm, vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/contactus.

Để biết thêm thông tin về các dịch vụ sửa chữa, vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/repair.

Vui lòng truy cập vào trang web tại quốc gia bạn để biết thêm chi tiết:

Australia và New Zealand www.nokia.com.au/support

Ấn Độ www.nokia.co.in/support

Indonesia www.nokia.co.id/support

Nhật Bản www.nokia.co.jp/support

Malaysia www.nokia.com.my/support

Philippines www.nokia.com.ph/support

Singapore www.nokia.com.sg/support

Thái Lan www.nokia.co.th/support

Nếu quốc gia của bạn không có ở trên, vui lòng truy cập vào trang web www.nokia-asia.com/support.

NOKIA

Care